

LSD

X010

LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG XÃ PHÚ HẢI

(KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP)

LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG
XÃ PHÚ HẢI



X010

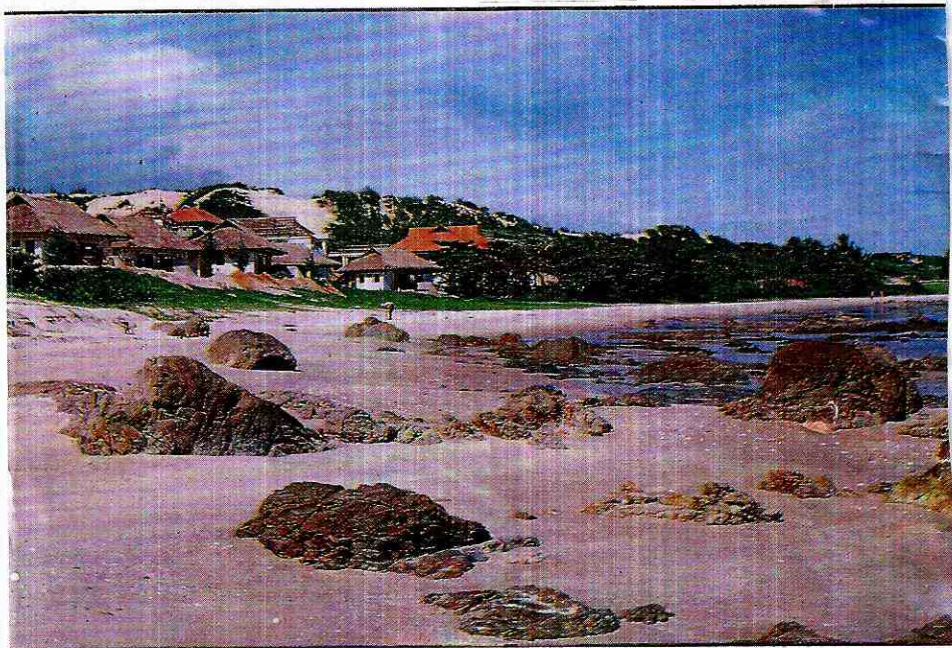
1945 - 1954

**LỊCH SỬ
TRUYỀN THỐNG
XÃ PHÚ HẢI**

(KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP)

PHẠM VĂN THĂNG

*Kính liêu
Đạo Tôn và Tổng Bí thư Đảng*



Làng du lịch "Phan Thiết Resort"
Ngọc Lâm, xã Phú Hải.

LỜI GIỚI THIỆU

Dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến hành hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi là một trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam.

Phú Hải, một vùng đất nhỏ bé, thân thương có gần 300 năm lịch sử, ven một cửa biển, cách thị xã Phan Thiết không xa đã góp phần tích cực vào cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Bình Thuận tạo nên những truyền thống quý báu, thật đáng tự hào, trân trọng và phát huy.

Thực hiện chỉ thị của Thị ủy Phan Thiết về biên soạn lịch sử truyền thống địa phương, xã Phú Hải đã thành lập Ban chỉ đạo và Tổ biên soạn. Trong hai năm, được sự giúp đỡ tận tình của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng bộ Phan Thiết và Hàm Thuận, cùng sự đóng góp tích cực của các cán bộ lão thành và hưu trí, của cán bộ và nhân dân trong xã nhất là các vị cao niên, của cán bộ trước đây hoạt động ở xã nay cư ngụ nơi khác và trải qua nhiều lần sưu tầm thu thập tư liệu, tiến hành xác minh, tọa đàm, biên soạn thông qua và tu chỉnh đến nay đã hoàn thành sơ thảo "Lịch sử - truyền thống xã Phú Hải, kháng chiến chống Pháp".

Đây là sơ thảo đầu tiên về lịch sử truyền thống xã Phú Hải. Do trình độ có hạn, tư liệu thu thập chưa nhiều, xác minh gặp khó khăn, phương pháp thể hiện hạn chế nên mặc dù Tổ biên soạn đã có nhiều cố gắng vẫn không tránh khỏi những thiếu sót và nhược điểm.

Chúng tôi rất mong được đồng bào, đồng chí trong và ngoài xã cho ý kiến bổ sung góp ý để lần xuất bản sau tập sách được hoàn chỉnh hơn.

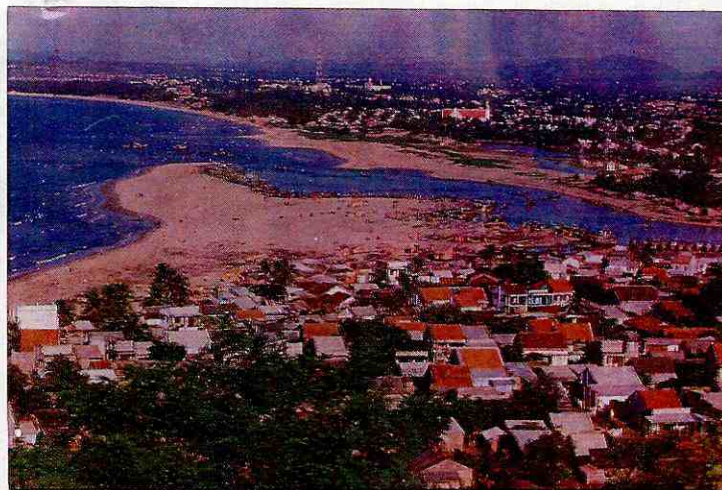
Ngày 4 tháng 9 năm 1996
BAN CHI ỦY XÃ PHÚ HẢI

Những chữ viết tắt :

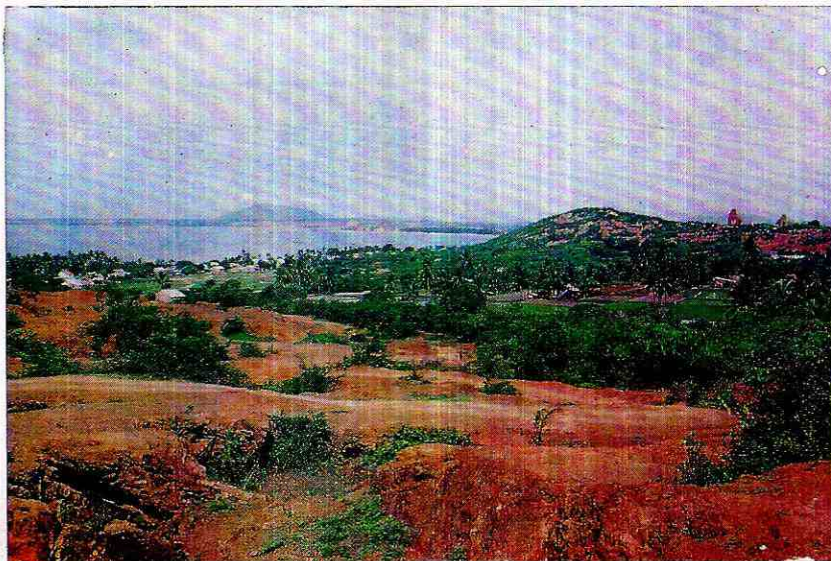
- Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thuận Hải, trang 10 :
LSDBTH, 10
- Thuận Hải 30 năm chiến tranh giải phóng (kháng
chiến chống thực dân Pháp), trang 15 : THCP, 15
- Phan Thiết truyền thống đấu tranh cách mạng
tập I, trang 20 : PT1, 20
- Hàm Thuận bất khuất - kiên cường tập I, trang
25 : HT1, 25
- Hàm Nhơn những chặng đường đấu tranh cách
mạng tập I, trang 8 : HN1, n8
- Đại Nam Nhất Thống Chí : ĐNNTC
- Đại Nam thực lục chính biên tập 24, trang 30:
ĐNTLCB24, 30
- Văn hóa Việt Nam tổng hợp 1989 - 1995, trang
35 : VHVNTH, 35
- Báo cáo khoa học về Nguyễn Thông 1884 - 1984,
trang 40 : BCKHNT, 40
- Báo cáo thí điểm xã Thuận Dân ngày 7-8-1975,
bản đánh máy, trang 5 : BCTD, 5

CHƯƠNG MỘT

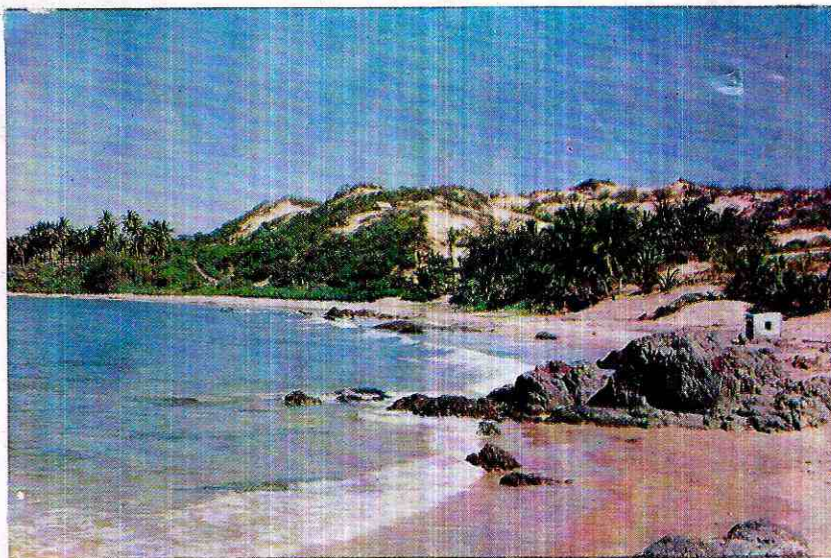
MÃNH ĐẤT -
CON NGƯỜI
VEN CỬA BIỂN
PHÚ HẢI



Cửa biển Phú Hải và làng An Hải.



Một góc làng Ngọc Lâm.



Động Cát Đỏ, (căn cứ của UBHC xã Tân Dân thời Chống Pháp).

ĐỊA DANH

Phú Hải ngày nay xuất xứ từ địa danh Phố Hải, sau gọi là Phú Hải, đã có từ thế kỷ 17. Thời đó, Phố Hải là tên một con sông (ĐNNTC) mà nay gọi là Sông Quao (PT, 2) được dùng làm tên gọi vùng đất ven biển liền cửa sông đó. Cửa Phố Hải rộng 60 trượng 5 thước (242 m), là một "cửa khẩu quan trọng" (BCKHNT, 231), một bến giao thông đường biển Bắc Nam, nơi đánh bắt chế biến hải sản thuận lợi, một vị trí quân sự.

Năm 1697, ở Bình Thuận chúa Nguyễn đặt 4 đạo: Phan Rang, Phố Hải, Phan Thiết, Ma Ly. Từ tên gọi một vùng đất nhỏ hẹp được dùng đặt tên cho đạo Phố Hải, một đơn vị hành chính rộng lớn có địa giới từ sông Ròn (Duồng) đến sông Phố Hải. Quan Quan đạo Phố Hải đóng lý sở ở cửa Phố Hải. Đạo Phố Hải tồn tại 125 năm.

Năm 1823, Minh Mệnh bỏ đạo, lập phủ huyện. Lúc này Phố Hải là một "tấn sở" của huyện Hòa Đa, có 2 chợ "chợ Dinh và chợ Cửa" (BCKHNT, 231), trông coi thu thuế và kiểm soát thuyền bè ra vào cửa biển. Đầu thế kỷ 20, Phú Hải thuộc tổng Đức Thắng, phủ Hàm Thuận.

Trước 1945 Phú Hải thuộc hai tổng Thắng An và Lại An, của Phủ Hàm Thuận. Bên tả ngạn có 6 làng thuộc tổng Thắng An : Tú Lâm, Ngọc Lâm, An Hải, Thiện Chánh, Xuân Hòa, Sơn Thủy. Bên hữu ngạn có làng Tân Phú thuộc Tổng Lại An.

Đầu năm 1946, chính quyền cách mạng Hàm Thuận bỏ phủ và tổng, thành lập huyện và khu hành chánh, đồng thời sáp nhập 63 làng thành 20 xã. Sáu làng bên

tả nạm hợp nhất thành xã Tân Dân có 3 thôn : Tân Phước, Tân Lộc, Tân Thọ. Bên hữu nạm, lạng Tân Phú hợp nhất với hai làng Vĩnh Thạnh, Khánh Tường thành xã Dân Định. Cả 2 xã đều thuộc khu 2 hành chính cho đến cuối năm 1946.

Cuối năm 1950, do yêu cầu kháng chiến, một lần nữa, huyện Hàm Thuận sáp nhập 20 xã thành 8 xã lớn hơn, đặt tên mỗi xã với chữ đầu là Hàm, 8 chữ sau là: Cấn, Kiệm, Liêm, Chính, Nhơn, Đức, Trí, Dũng. Xã Tân Dân cùng với 2 xã Dân Định, Dân Lập hợp nhất thành xã Hàm Nhơn.

Tháng 9-1952, theo chủ trương của tỉnh, xã Hàm Nhơn (trong đó có Phú Hải) tách ra khỏi huyện Hàm Thuận, cùng với 3 xã Hàm Đức, Hàm Thắng, Hàm Dũng nhập vào khu Miền Đông, có chức năng như một huyện, trực thuộc Tỉnh ủy Bình Thuận Lãnh đạo.

Năm 1958, chế độ cũ tách tổng Thắng An (cũ) thành lập quận Hải Long. Bảy làng ở hai bên bờ sông hợp lại thành xã An Hải có 4 ấp : Tân Hải, Sơn Hải, Thiện Hải, Ngọc Hải (riêng ấp Phú Hải, xóm Cầu Ké chỉ tồn tại một thời gian).

Sau 19-4-1975 ban đầu tên xã gọi là Thuận Dân thuộc huyện Thuận Phong, cuối năm 1975, gọi là xã Hàm Hải thuộc huyện Hàm Thuận. Năm 1982 gọi là xã Phú Hải thuộc thị xã Phan Thiết có 41 tổ dân cư, địa giới thu hẹp so với trước năm 1954 (giao cho phường Thanh Hải phần đất nam Cầu Ké 1956, Gò Me 1984, giao phần đất Mũi đá 1958 cho xã Thiện Khánh, tức xã Hàm Tiến hiện nay).

ĐỊA THỂ

Nhìn bản đồ đại thể của xã Phú Hải tựa dáng chim đang sải cánh bay trong "vùng biển Phan Thiết trải dài từ $10^{\circ}45'$ đến 11° vĩ bắc" (PT1, 6).

Vùng đất này nằm hai bên cửa sông, dọc dài theo tỉnh lộ 9 từ Cầu Ké đến Đá Ông Địa, chiều dài gấp đôi chiều ngang, cách trung tâm thị xã Phan Thiết 5 km về hướng đông bắc.

Bắc giáp 2 xã Hàm Nhơn và Hàm Thắng, đông bắc giáp xã Hàm Tiến, tây - tây nam giáp hai phường Thanh Hải và Phú Thủy, nam - đông nam là vịnh Phan Thiết, đoạn hẹp nhất chỉ hơn 1 km (giáp xã Hàm Thắng), diện tích 12 km^2 .

Con sông và tỉnh lộ 9 cắt ngang và dọc chia xã thành 4 ô không đồng nhất về diện tích và dân cư.

- Ô đông nam là ô lớn nhất, gồm hai làng An Hải, Thiện Chánh và phần đất phía đông tỉnh lộ 9 của các làng Xuân Hòa, Sơn Thủy, Ngọc Lâm, Tú Lâm. Ô này tựa hình tam giác. Đỉnh là Đá Ông Địa, hai cạnh bên là bờ biển và tỉnh lộ 9, cạnh đáy là bờ sông từ Cầu Quan đến cửa biển.

- Phía đông bắc có núi Ngọc Sơn, còn gọi là Núi Cố⁽¹⁾ dưới chân núi có mộ Nguyễn Thông - một nhà trí thức yêu nước nửa cuối thế kỷ 19. Núi này và xóm Lặn

1 Cách đây hơn trăm năm, trên núi Ngọc Sơn có lập dinh thờ vị nữ thần tên là phu nhân Cố Hỷ. Dân địa phương gọi là chúa Cố, dinh Cố, núi Cố.

là căn cứ của Cẩm tử đội thời chống Pháp. Sóng đôi với Ngọc Sơn là Bửu Sơn còn gọi là núi Bà Nài. Trên núi có tháp Pôshanur là di tích kiến trúc nghệ thuật ⁽¹⁾ có chùa Bửu Sơn hơn 2 thế kỷ và Lầu Ông Hoàng nơi lưu danh chiến thắng diệt đồn thời chống Pháp và trước đó là mối tình thơ của Hàn Mặc Tử.

Giữa hai núi còn lưu lại tháp nước của Nhà hàng Ngọc Lâm nơi nghỉ mát của khách nước ngoài ở thời tiền chiến.

Đọc theo bờ biển Tú Lâm - Ngọc Lâm là những vườn dừa, măng cầu, đào, mít, ổi. Đây là con đường huyết mạch nối thông giữa cách mạng với nhân dân trong hai cuộc kháng chiến.

Khu vực cửa biển, nhà cửa chen chúc. Trước 1945 phần lớn là nhà lá (chỉ có một nhà hai tầng). Là nơi tập trung dân cư và lao động đông nhất xã, ngày đêm bám biển đánh bắt chế biến hải sản, sôi động nhất khi vào vụ cá nam. Nơi đây có rất nhiều hầm bí mật nuôi giấu cán bộ, bộ đội, có nguồn tài vật lực dồi dào cung cấp cho hai cuộc kháng chiến.

Gần cổng làng Xuân Hòa (cũ) cạnh tỉnh lộ 9 là khu hành chính văn hóa của xã gồm trụ sở chính quyền, trường học, sân banh, trạm y tế, cách đó không xa là chợ.

- Ở đông bắc gồm phần đất phía tây tỉnh lộ 9 của các làng Tú Lâm, Ngọc Lâm, Sơn Thủy, Xuân Hòa. Một cánh rừng chạy dài trên đồi cao từ Động cát Đỏ đến Mã Trái Bí. Trước 1945 dân thường hái củi, đốt than, bẫy

1 Quyết định ngày 3-8-1991 của Bộ Thông tin văn hóa.

thỏ, chân bò, bắt đông... thời chống Pháp là nơi ở của Ủy ban xã và làng kháng chiến, là nơi bộ đội trú quân. Thời chống Mỹ là nơi đội công tác dùng chân chuẩn bị vượt tình lộ 9 xâm nhập vào Phú Hải.

Phía tây bắc có cánh đồng làng Sơn Thủy. Dọc theo bờ đồng cát có nhiều vườn cây um tùm với nguồn nước ngọt quanh năm. Cạnh đốc Mù U là chùa Xuân Thọ, sát bờ sông có đường liên hương đi Thiện Mỹ - Phú Long với mốc địa giới là miếu Kỳ Lân.

- Ô tây bắc là phần đất phía tây tỉnh lộ 9 của làng Tân Phú. Có đường liên hương đi Kim Ngọc, cạnh đó là nhà thờ họ đạo Thiên Chúa, phía sau là cánh đồng lúa. Xa về phía tây là cánh đồng muối, địa hình trống trải.

- Ô tây nam là phần đất ven biển làng Tân Phú, bốn xung quanh là sông, biển, tỉnh lộ 9. Nơi đây có xóm Ốc, xóm Mù U, cạnh đó có rừng bần là căn cứ lồm thời chống Pháp, là đường xâm nhập vào Phan Thiết qua Gò Me, Cột Thè.

GIAO THÔNG

Ở thế kỷ 17 và 18, giao thông chủ yếu theo đường biển, cửa Phố Hải là một bến giao thông thuận lợi. Trên bộ đến đầu thế kỷ 19 mới hình thành và ổn định đường cái quan ven biển Bắc Nam với một hệ thống trạm cách nhau 20 - 35 dặm. Bình Thuận có 16 trạm. Phố Hải nằm giữa hai trạm : phía nam là trạm Thuận Phiên ở làng Tân Phú (nay cạnh trụ sở UBND phường Thanh Hải), phía bắc là trạm Thuận Tĩnh ở làng Thiện Nghiệp (nay là xóm Trạm của xã Hàm Tiến). Từ trạm Thuận Phiên qua cầu Tân Phú, cầu Sơn Thủy, lên đốc Mù U, vượt

dốc tiền hậu (hai bên có bờ đống cát dựng đứng) đi xiêng qua, làng Ngọc Lâm, Tú Lâm rồi về trạm Thuận Tĩnh. Đường này chỉ đi bộ, đi ngựa, đi vống, dài "28 dặm linh".

Đầu thế kỷ 20, Pháp xây dựng quốc lộ 1, bỏ đường cái quan cũ. Ở Phú Hải mở hai đoạn đường : Tân Phú - Kim Ngọc và Sơn Thủy - Phú Long. Lúc này đường Phan Thiết - Phú Hải có xe ngựa, đoạn Phú Hải - Mũi Né còn đi bộ, đi vống. Năm 1922, bà Lục Thị Đậu "sức gia xi cúng" tiền để mở rộng đường cũ và rải đá (nhân việc này triều đình Huế thưởng bà bốn chữ "Hào nghĩa khả gia"). Những năm sau có vài lần nấn chỉnh, nâng cấp và trước ngày 9-3-1945 thì đoạn đường Phú Hải - Mũi Đá đã hoàn thành, xe hơi đi được, xe ngựa Phú Hải ra Mũi Đá đón khách Mũi Né.

Trước năm 1975, đường Phan Thiết - Mũi Né gọi là tỉnh lộ 9, dài 23 km. Tháng 4-1975 đang tu bổ dở dang thì miền Nam được giải phóng. Năm 1991 đường được rải nhựa.

- Cầu Quan Sách xưa gọi là cầu Sơn Thủy, quan quân thường qua lại. Dân đình làng Sơn Thủy không phải đi sâu mà đắm nhận việc phục dịch quan quân, ngựa trạm qua cầu lên dốc Mù U. Vì vậy, tuy ít dân nhưng Sơn Thủy được xếp vào loại đại xã.

Ban đầu cầu làm bằng gỗ, sau có trụ sắt. Đầu năm 1946 thực hiện tiêu thổ kháng chiến, ta đốt cầu. Năm 1952, lụt Nhâm Thìn cuốn trôi cầu. Pháp làm cầu mới, năm 1954 ta phá sập nghiêng một nhịp cầu. Năm 1974 làm cầu xi măng.

Cầu Ké, sách xưa gọi là cầu Tân Phú. Trước 1945 là cầu Ximăng. Tháng 11-1945 ta phá sập cầu ngăn chặn địch (quân Nhật). Sau đó là cầu gỗ. Năm 1982 làm cầu ximăng.

KINH TẾ

Dựa vào biển, Phố Hải là nơi có ngành nghề sản xuất kinh doanh phát triển khá sớm, từ giữa thế kỷ 19 đã nổi tiếng là đất "Ba hộ". Hộ là ngành nghề sản xuất kinh doanh sinh nhiều lợi do nhà vua cho phép, quản lý, thu thuế. Năm 1851, vua Tự Đức "chuẩn cho dân Bình Thuận lập các hộ" theo lời xin của Kinh lược sứ PHAN THANH GIẢN (ĐNTLCB 27, 270).

Phố Hải có ba hộ : Hộ bạch đàn, hộ nước mắm, hộ ghe bầu. Riêng làng Tân Phú có hộ muối.

- Hộ Bạch đàn (Đệm trắng) :

Đệm trắng là sản phẩm từ lá buong được rọc dài, rộng khoảng 1cm rồi nối lại đem dệt thành từng cuộn dài 4 - 6 m, khổ rộng 0,5 - 0,8m.

Đệm trắng thường dùng làm buồm thuyền (đệm buồm), bao bì đựng muối, hải sản khô (bao đệm), viết khẩu hiệu (băng đệm)... Năm 1855, nghề này phát triển, vua y cho ba thôn An Hải, Thiện Chánh, Xuân Hòa rút ngạch giãn binh về cùng với dân làng làm hộ dệt đệm trắng, mỗi năm mỗi người cho nộp 50 cuộn (ĐNTLCB 28, 125).

Trước năm 1945, đệm trắng Phú Hải phục vụ cho thuyền buồm trong tỉnh và xuất đi Đà Nẵng, Tuy Hòa, Chợ Lớn... Năm 1970 còn xuất đi Chợ Lớn 8.500 tấn (dự địa chí Bình Thuận 1971). Về sau ngư thuyền gắn động cơ và bao bì làm bằng chất dẻo phát triển, nghề dệt đệm trắng thu hẹp dần, chỉ còn vài chục khung dệt ở xã Lại An, Phước Thiện Xuân. Riêng ở Phú Hải chuyển sang làm dây "sống lá" phục vụ cho nghề cá, thả chà và bóng mực.

- Hộ ghe bầu (vận tải) :

Ghe bầu vận tải biển tồn tại khá lâu, từ thế kỷ 18 đến giữa thế kỷ 20. Giao thông vận tải đường biển thuận lợi hơn và ghe bầu có tải trọng lớn (chở được 10-20 ngàn tấn nước mắm). Hàng hóa là nước mắm, muối, hải sản khô, đem trắng, gỗ, bàn tử... và hành khách. Ban đầu ghe bầu không đóng thuế, nhưng hàng năm vào tiết Đại thử được lệnh tập trung chuyên chở thuế sản vật về kinh. Về sau cho đóng tiền.

Đầu thế kỷ 20, ở Phú Hải còn gần 20 ghe bầu thường cập bến Sài Gòn, Đà Nẵng, Qui Nhơn... Thời chống Pháp các chủ ghe bầu đóng thuế cho cách mạng đầy đủ, có lúc chở hàng cho ta.

Thập kỷ 70, tàu vận tải đều gắn động cơ và cửa Phú Hải cạn hẹp dần, ngành này đi vào lịch sử.

- Hộ nước mắm :

Nhờ có ngư trường phong phú, nghề cá phát triển sớm, đi theo là nghề chế biến nước mắm và hải sản khô, cửa Phố Hải lại là thương cảng thuận lợi cho việc mua bán, xuất tỉnh.

Đầu thế kỷ 20, ở Phú Hải còn khoảng 30 hộ có thùng lều nước mắm và một chi nhánh Công ty Liên Thành. Cùng với các nơi khác trong tỉnh, nước mắm, cá khô, mực khô Phú Hải xuất tỉnh vào Nam, ra miền Trung, có lúc ra miền Bắc.

Thời chống Pháp, hầu hết hàm hộ Phú Hải có cảm tình với kháng chiến, đóng thuế, ủng hộ, có con em đi kháng chiến hoặc trực tiếp hoạt động kháng chiến. Nước mắm, cá khô Phú Hải là một nguồn tiếp tế cho bộ đội và cung cấp cho nhân dân khu Lê Hồng Phong. Các thùng lều thường là hầm bí mật che giấu cán bộ, bộ đội.

- Hộ muối :

Ruộng muối nằm trên địa phận làng Tân Phú. So với Trinh Tường thì diện tích và sản lượng ít hơn nhưng có người cho rằng muối Phù Hải "mặn đậm" nhờ đâu con nước thủy triều, dùng muối cá tốt.

Trước đó là triều đình Huế và sau này là thực dân Pháp đều coi muối là mặt hàng chiến lược chiếm độc quyền quản lý. Cuối thế kỷ 19 nghề muối phát triển mạnh, "cánh đồng từ Kim Ngọc đến Phố Hải giống như một bàn cờ khổng lồ" và các cửa biển đều "đặc nghệt các thuyền đến ăn hàng, nhất là muối". Năm 1896, sản lượng muối của Phan Thiết và Phố Hải là 150.000 tạ, hai phần ba xuất khẩu.

Ruộng mặn đem lại lợi nhuận gấp nhiều lần ruộng lúa nên nhiều nhà có của, thương nhân người Hoa tậu ruộng mặn thuê diêm dân làm.

Thời chống Pháp, hạt muối Tân Phú cung cấp cho kháng chiến, mặn mà tình nghĩa quân dân.

- Nghề khác :

Phù Hải có một ít ruộng lúa (hơn 33 ha) ở cánh đồng Sơn Thủy và Ngọc Lâm, góp một phần về lương thực. Trồng rau xanh cũng là nghề lâu đời, chủ yếu là rau hánh, củ cải, thường thừa thải vào dịp Tết. Vườn cây ăn trái không nhiều (gần 20 ha) thường trồng dứa, đào, ổi, mít... Trước 1945 có lò vôi, trồng dâu nuôi tằm, nuôi bò, thả dê.

Chợ Phố Hải có từ thế kỷ 18. Trước 1945, chợ khá lớn, 6 gian, 2 chái, cột to hơn một vòng tay ôm của người lớn, chợ nằm trên khuôn đất đối diện nhà ông Lâm Vinh Bá. Trước 1975 chế độ cũ dự định dời lên chợ mới xây dựng ở Sân Banh nhưng không thành. Ngày 13-1-1990, chợ dời về vị trí hiện nay.

THẮNG CẢNH

Phú Hải có "quần thể danh lam thắng cảnh" ⁽¹⁾ khi hậu hài hòa, bãi tắm tốt.

Cách đây hơn trăm năm (1877) xúc cảm về cảnh đẹp nơi này, Nguyễn Thông viết "... non nước hữu tình... khói mây thay đổi, sóng nước chập chờn..." làm ông "quanh quẩn khá lâu". Ông dự đoán sau này sẽ là nơi "thường thức của tao nhân du khách".

Năm 1910, đứng "trước bức tranh tuyệt tác của thiên nhiên vùng này", công tước De Montpensier đã xin phép và xây dựng một biệt thự trên đỉnh cao nhất núi Bửu Sơn, dân địa phương gọi là Lầu Ông Hoàng. Những năm tiếp theo, người Pháp xây dựng Nhà hàng Ngọc Lâm, nhà nghỉ mát Mũi Đá, nhiều khách ngoại quốc thuộc hàng quý tộc đến thưởng ngoạn trong dịp nghỉ hè".

Từ thập kỷ 70, đã có nhiều người chú ý đến vùng Đá Ông Địa, có người cho là "nơi tắm biển thích thú nhất tỉnh Bình Thuận", là "một thắng cảnh nên thơ hơn cả" (tập san văn hóa 4, 5-1969).

Tuy cảnh quan bị phá hủy khá nhiều nhưng "phong cảnh Phú Hải vẫn còn giữ mãi vẻ đẹp thiên nhiên của nó".

1 Minh Trực, Báo Thuận Hải, Tân Mùi 91, trang 14.

VỊ TRÍ QUÂN SỰ

Với địa thế núi đôi, cửa biển, sông cầu ngăn cách, ở phía đông bắc Phan Thiết không xa, từ lâu Phú Hải được coi là một vị trí quân sự quan trọng.

Khi Phú Xuân thất thủ, trên đường chạy về phía Nam, Nguyễn Ánh dừng chân ẩn náu trên chùa Bửu Sơn (vì lẽ đó, sau này chùa được phong tặng 5 chữ "ngự tứ Bửu Sơn tự" và tên chùa được ghi chép vào Đại Nam Nhất Thống Chí). Những năm tiếp sau là một chiến địa diễn ra các cuộc giao tranh giữa quân Tây Sơn với quân Nguyễn Ánh.

Đời Gia Long cho đặt hỏa phong đài ở Núi Nhỏ-Ngọc Lâm, khi có biển thì đốt lửa báo tin.

Trong phong trào Cần Vương cũng là một nơi diễn ra các trận phục kích của nghĩa quân Ung Chiếm. Trong kháng chiến chống Pháp, địch hai lần chiếm đóng Lầu Ông Hoàng và đặt trận địa pháo. Ngoài sân bay dã chiến (Ba Hai) còn là điểm đổ bộ đường biển. Ngày 23-4-1953 Pháp dùng tàu há mồm đổ bộ quân lính và xe lội nước vào bãi biển Đá Ông Địa càn quét khu Lê Hồng Phong.

Thời chống Mỹ, địch xây lô cốt và trận địa pháo trên cao điểm Lầu Ông Hoàng và là một điểm địch rút quân theo đường biển chạy về phía Nam (4-1975).

NGUỒN GỐC DÂN CƯ VÀ DÂN SỐ

- Cửa biển Phố Hải là một đảo ly tôn tại 125 năm, sau đó là tấn sở, thêm ngư trường phong phú, là một trong những điểm "tụ cư chóng được mở rộng ở phía Nam".

Ban đầu là ngư dân Quảng Bình (ngày nay ngư dân Phú Hải vẫn giữ tên vạn của mình là Phú Bình), tiếp sau là ngư dân miền Trung từ Đèo Cả trở ra, phần lớn ở xứ Quảng, rồi nông dân, thợ thủ công, thầy đồ Nho theo thuyền vào tạo lập cơ nghiệp mới. Từ đây, một số nông dân đi về hướng Lại An, Phú Long mở đất mới. Đầu thế kỷ 20, Phú Hải tiếp tục tiếp nhận nông ngư dân miền Trung theo thuyền hoặc đi bộ vào định cư.

Người Hoa đến Phố Hải khá sớm nhưng ở lại định cư muộn hơn Phan Thiết, trên chục hộ phân đông quê Hải Nam.

- Tư liệu về dân số Phú Hải trước 1975 chưa tìm thấy.

Thời phong kiến chỉ quản lý số đình (nam 18 - 60 tuổi) để thu thuế, đi xâu, bắt lính (thời Tự Đức cứ 3 đình bắt 1 lính). Thời Khải Định (1916 - 1925) có tiến hành một đợt kiểm tra số đình gọi là "gia cư bảo hoàn" nhằm ổn định số đình để dễ quản lý. Theo chủ trương này thì xóa bớt dân ngụ cư, số đình tính theo trú quán đang ở, không tính theo nguyên quán như trước.

Theo số liệu cũ (20-6-1899) tính chung "dân số Phan Thiết có 25.000 người bao gồm 11 làng, kể cả Phú Hải (PT, 17) (theo lý trưởng cũ cho biết trước 1945, số đình làng Tú Lâm là 17, Tân Phú 33, Sơn Thủy 34, Xuân Hòa 36. Riêng An Hải gấp 2 - 3 lần).

Năm 1975 sau ngày giải phóng miền Nam, dân số toàn xã là 5.647 người gồm 2.704 nam, 4.094 nữ, 940 hộ (báo cáo của xã Thuận Dân ngày 7-8-1975).

Cuộc điều tra dân số ngày 7-4-1989 cho biết toàn xã có 7.887 người, gồm 3.793 nam, 4.094 nữ, 1.504 hộ.

HỆ THỐNG HÀNH CHÁNH

Thời phong kiến và thuộc Pháp ở mỗi làng xã có lý trưởng và ngũ hương : Hương bộ, hương bốn, hương kiểm, hương mục, hương dịch (hương việc). Người giúp việc giấy tờ gọi là Biện. Giúp việc cúng tế có hương lễ, hương bái. Người phục dịch nhà làng gọi là Trùm, người rao mả gọi là Trưởng. Đội tuần đình do hương kiểm đôn đốc, nơi canh gác gọi là giở canh, xích hậu. Có nơi để trần cùm người bị bắt. Con dấu của làng nếu làm bằng gỗ gọi là "mộc triện", lý trưởng luôn bọc giữ trong người.

Thời Bảo Đại, dụ 82 cho phép mỗi làng lập Hội đồng kỳ mục 3 - 5 người, người đứng đầu gọi là đại kỳ mục hoặc đại hào mục (trước nhà ông Huỳnh Văn Đạo có trương tám biển đề chữ "Quan viên chức sắc đại hào mục văn phòng").

Một số nhà giàu mua phẩm hàm cứu phẩm bá hộ hoặc văn giai để có thêm vai vế trong làng và khỏi phải

đi sâu, đi lính, tạp dịch (thập kỷ 30, ông Huỳnh Văn Đạo bỏ ra 500 đồng mua cứu phẩm cho con trai, lúc này giá gạo 3,20 đồng/1 tạ).

Sau Cách mạng Tháng Tám, Ủy ban hành chính xã có 7 chức danh : Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các ủy viên thư ký, tuyên truyền, quân sự, trật tự trị an, tài chính, tư pháp. Về sau có thêm ủy viên tiếp tế, y tế - vệ sinh. Thời chống Pháp, Ủy ban hành chính - kháng chiến xã gọi tắt là Ủy ban hành kháng xã. Những lúc địch kiểm soát chúng dựng Ban hội tế xã 5 - 7 người, về sau có thêm một bang tá điều hành.

Dưới chế độ Mỹ nguy, chúng áp đặt một chính quyền bạo lực ở xã, đứng đầu là đại diện xã, về sau (1972) gọi là xã trưởng, với một bộ máy trợ thủ gồm : thư ký thường trực, hộ tịch, tài chính, thông tin, quân sự, cảnh sát (trước còn có điền địa, kiến điền, canh nông) và một hội đồng xã 7 - 9 người.

GIÁO DỤC VÀ Y TẾ

- Trước năm 1945 nạn thất học phổ biến, nhất là tầng lớp nghèo. Có vị lý trưởng đọc chưa thông viết chưa thạo, nhất là trước năm 1930 còn dùng chữ Hán. Sau này giữa thập kỷ 30, ở Phú Hải mới có trường dạy Quốc ngữ, ban đầu trường ở trên dốc, sau dời trường về vị trí hiện nay (cấp I), trường có 3 lớp : Đồng ấu (lớp năm), dự bị (lớp tư), sơ đẳng (lớp ba). Mỗi lớp có 20 - 25 học sinh, học 2 buổi sáng chiều, tuần nghỉ 2 ngày thứ năm và chủ nhật. Cuối lớp ba thi lấy bằng sơ học yếu lược.

Muốn vào trường tiểu học Phan Thiết phải thi tuyển và phải ở trọ. Số người thi đậu tiểu học đã ít, đi học ở Huế, Nha Trang, Sài Gòn còn ít hơn. Du học ở Pháp có 1 người (ông Huỳnh Văn Ngọ).

Thời gian này vẫn còn các lớp học dạy chữ Hán do một số gia đình mời thầy đồ về dạy trong nhà cho con cháu và trẻ em trong xóm (như nhà ông Bộ Hải...). Mỗi lớp 15 - 20 học trò. Thập kỷ 40, chữ quốc ngữ phổ biến và dễ học, không ai còn học chữ Hán nữa. Đầu năm 1945 ở Phú Hải có hội truyền bá quốc ngữ dạy cho người nghèo học ban đêm. Trong kháng chiến chống Pháp (1948 - 1949) có mở nhiều lớp bình dân học vụ giúp cho nhiều người biết chữ.

Thập kỷ 70 có thêm một số phòng học dạy cấp I ở ấp Thiện Hải, Ngọc Hải và trường "tinh hạt" có 2 - 3 lớp dạy cấp II.

Năm học 1990 - 1991, xã có 36 lớp cấp I và II, hơn 1.300 học sinh.

- Trước năm 1945 ở Phú Hải không có trạm y tế, chỉ có vài hiệu thuốc Bắc và cao đơn hoàn tán. Khi ốm đau, nhà giàu thì hốt thuốc Bắc hoặc qua Phan Thiết khám đốc tờ. Người nghèo thì mua cao đơn hoàn tán, thuốc dán, rễ cây, xông xoa giác lễ hoặc cúng vái. Dịch hạch, dịch tả, đậu mùa, sốt rét cướp đi nhiều sinh mạng. Nhiều bệnh để lại di chứng suốt đời. Bệnh đau mắt đỏ có mù gây mù lòa như ông Hương Giác, hai cha con ông Năm Diên, ba anh em ông Nguyễn Ngọc Giao. Các bệnh bại liệt, viêm màng não để lại di chứng vẹo chân, ngớ

ngăn, động kinh... bệnh tật nhiều, không ít người già vốn bị ám ảnh thân linh cho rằng Phú Hải là vùng "đất cứng".

Thời chống Pháp, phòng dân y huyện Hàm Thuận có mở lớp học cứu thương ở Dinh Cố (1948) đào tạo cán bộ y tế để thành lập Ban dân y xã.

Thập kỷ 60, xã có trạm hộ sinh y tế do hộ sinh viên và y tá đảm trách, nay (1992) trạm trưởng là y sĩ và có đủ nhân viên phục vụ ngày đêm.

Về vệ sinh, đáng lưu ý là rất ít nhà có cầu tiêu, mức độ ảnh hưởng môi sinh lớn.

TÍN NGƯỠNG, PHONG TỤC

- Tín ngưỡng tổ tiên : Đa số thờ gia tiên, bàn thờ được đặt nơi trang trọng nhất, hàng đêm lên đèn thắp hương. Làng nào cũng lập đình thờ Tiên Hiền tưởng nhớ công ơn người lập ấp (nay còn thờ Tiên Hiền làng Thiện Chánh và An Hải).

- Tôn giáo : Phần đông theo đạo Phật, trước 1945 có 4 chùa, trước 1975 có 3 chùa, nay có 2 chùa Bửu Sơn và Xuân Thọ. Người đi lễ chùa khá đông (tết Tân Mùi gần 700 người lễ phật và công quả).

Gần 100 hộ theo đạo Thiên Chúa. Nguồn gốc họ đạo Phú Hải là giáo dân Quảng Bình vào định cư cuối thế kỷ 19. Ban đầu nhà thờ ở làng Xuân Hòa, sau dời về Tân Phú (1925) và đã xây dựng lại (24-3-1992).

Vài gia đình theo đạo Cao Đài, hàng năm vào Tây Ninh làm lễ.

- Tín ngưỡng thần linh : Trước 1945 khá phổ biến, hơn 30 đình miếu thờ thần linh, mỗi năm hơn trăm lễ cúng. Trước 1975 còn 5 nơi thờ cúng.

Ít thấy hiện tượng kỳ thị giữa các tín ngưỡng, không ít trường hợp trong một gia đình mà vợ chồng có tín ngưỡng khác nhau vẫn chung sống đến lúc về già.

- Phong tục : "Hiếu tử, thuận tôn, hạnh phu, tiết phụ" là mỹ tục thường được các vị cao tuổi nhắc nhở, giáo dục con cháu noi theo các gương tốt.

Hết lòng phụng dưỡng, ngày đêm chăm sóc cha mẹ, ông bà, hầu hạ khi ốm đau, thành kính chịu tang (3 năm không cắt tóc, cạo râu, mỗi lần quỳ lạy 300 lạy...) như các ông Trần Văn Kiên, Bái Mỹ, Thọ Diéc, Phó Cường... hoặc như anh Trần Văn Toài cháu ngoại ông bà Trần Đen...

Vợ chồng chăm sóc nhau tận tình trọn nghĩa khi ốm đau liệt giường như bà Trương Thị Đăng (vợ ông Phan Đá), bà Trương Thị Lan (vợ ông Hồ Văn Sơn), bà Hai Thới (vợ ông Hương Diéc) hoặc như ông Phạm Lê (Hai Mon).

Tục lệ phức tạp vẫn là "hiếu, hỷ, tận gia" quy định khi tiến hành tang lễ, đám cưới, dựng nhà mới. Cũng trong tang lễ và hôn nhân có vài tập tục trong vài tộc họ lại khác nhau, khó hòa giải. (Khi động quan có tộc đưa đầu người quá cố ra trước, ngược lại có tộc đưa chân ra trước). Về huyết thống, theo luật pháp, trong phạm vi

ba đời không được kết hôn nhưng có tộc yêu cầu phải ngoài 5 đời mới cho phép lấy nhau. Có người còn kiêng cử khi gặp người bị thủy nạn, hỏa tai.

- Lễ hội : Có vài lễ hội gắn với thần linh. Lễ hội Dinh Ông (thờ cá voi) tiến hành hàng năm vào 3 ngày cuối trung tuần tháng bảy. Lễ hội Bà Thiên Y Ana diễn bà chúa Ngọc, 3 năm một lần vào rằm tháng giêng. Lễ hội đình thần làng An Hải 4 năm một lần vào tiết Thanh minh.

Phân lễ tiến hành trong đình, cầu nguyện xóm làng yên vui, mưa thuận gió hòa, được mùa no ấm. Phân hội thường là hát bội ở võ ca trước đình, dân làng xem rất đông.

ĐỜI SỐNG

Phú Hải có nhiều tiềm năng kinh tế. Các bậc Tiên hiền khi đến đây lập ấp đã phát hiện những yếu tố thiên nhiên thuận lợi, vừa mơ ước vừa định hướng xây dựng quê hương mới qua đặt tên làng. Mơ ước cũng giản dị : ấm chỗ ở, làm ăn ổn định, no cơm lành áo, tai qua nạn khỏi. Nhưng cuộc sống chưa ổn định thì Pháp xâm lược. Trước 1945 dưới chế độ thực dân phong kiến, tuy lao động vất vả nhưng đời sống của số đông người lao động vẫn thiếu đói quanh năm. Nhiều lao động biển vay mượn trước để sống, là con nợ kéo dài. Nhiều nông dân không ruộng đất canh tác thường hái củi, đốt than, chăn bò, bẫy thỏ, đào đồng, làm thuê kiếm sống. Diêm dân không khá gì hơn, muối làm ra thực dân Pháp độc quyền mua

rẻ, bán đất. Người đi rừng khai thác lá buông dẹt đem bị sốt rét, da bủng, nghèo túng. Hầu hết là nhà lá, chật hẹp, chen chúc.

Chế độ thuế thân, đi xâu đê nặng người cùng đinh, không đủ tiền đóng thuế, có người bị trăn cùm.

Tầng lớp hữu sản thuộc loại nhỏ, không đủ sức cạnh tranh thường bị chèn ép, có ý thức bảo vệ quyền lợi của mình và quyền lợi đổ lại gắn liền với công ăn việc làm và đời sống của người lao động.

Người dân Phú Hải tính tình bộc trực, phóng khoáng, sỏi lối, đồng cảm, hay giúp người cơ nhờ. Bị đê nén thì phản ứng mạnh, lúc ngấm ngấm, lúc công khai. Thích hát bội, cải lương, bóng đá.

Với địa thế thiên nhiên, cách thị xã không xa, Phú Hải có vị trí khá quan trọng trong hai cuộc kháng chiến. Đối với địch, Phú Hải là hành lang phòng thủ phía đông, đông bắc Phan Thiết, nơi tập trung cơ quan đầu não của chúng. Đối với ta, Phú Hải là bàn đạp tiến vào thị xã từ hướng này.

Nhân dân Phú Hải cần cù lao động, luôn đấu tranh với thiên nhiên xây dựng xóm làng, có ý thức đoàn kết gắn bó tương trợ giúp nhau bảo tồn cuộc sống, có ý thức yêu quý, bảo vệ mảnh đất cha ông tạo lập. Đó là cơ sở cho lòng yêu nước, yêu quê hương đấu tranh giành độc lập dân tộc.

CHƯƠNG HAI

TỪNG BƯỚC GIÁC NGỘ
DÂN TỘC, CÙNG CẢ TỈNH
ĐỨNG LÊN
GIÀNH CHÍNH QUYỀN.

I - CÁC PHONG TRÀO ĐẤU TRANH TRƯỚC NĂM 1930 :

Cuối thế kỷ 19, Phú Hải là một đầu mối giao thông thủy bộ, cạnh Phan Thiết và phủ thành Hàm Thuận, thường được tiếp nhận tin tức, tình hình quân Pháp xâm lược và cuộc đấu tranh của nhân dân Lục tỉnh phía Nam tổ quốc.

Từ khi Pháp đánh chiếm tỉnh thành Gia Định (17-2-1859) rồi triều đình Huế ký hiệp ước cắt 3 tỉnh Miền Đông cho Pháp (5-6-1862), tiếp đến ký "chấp nhận chủ quyền của Pháp đối với vùng đất từ địa giới phía Nam tỉnh Bình Thuận trở vào" (15-3-1874) thì nhân dân Bình Thuận, trong đó có Phú Hải cảm nhận nguy cơ ngoại xâm sẽ tới tỉnh mình.

Sau đó Pháp đưa quân ra Bắc và Trung kỳ, đánh chiếm Hà Nội lần thứ hai (25-4-1882), rồi Thuận An (20-8-1883) và ngày 6-6-1884 buộc "Triều đình Huế ký hiệp ước chấp nhận nền bảo hộ của nước Pháp và nước Pháp sẽ thay mặt nước An Nam trong mọi quan hệ đối ngoại" (VHVNTH, 41).

Năm sau nổ bùng sự biến kinh thành Huế (đêm 4 rạng 5-7-1885) rồi vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương.

Ở Hàm Thuận, hưởng ứng hịch Cần Vương, ông Ung Chiếm người làng Lại An chiêu tập nghĩa quân chống thực dân Pháp và quan lại tay sai. Ông tự xưng là Chánh Sơn Phòng và ông Từ Sĩ Vệ người làng Sơn Thủy là Phó Sơn Phòng (HN1, 20). Nghĩa quân thu hút nhiều tầng

lớp trong vùng tham gia, chiếm cứ gần hết đất rừng tổng Lại An, nhiều trận diễn ra liên tiếp tại cầu Bến Lội, cửa biển Phú Hải...

Để gây áp lực với nghĩa quân, hỗ trợ quân triều đình, ngày 4-11-1885 quân Pháp điều tàu chiến từ Vũng Tàu đến cửa Phú Hải thị uy (thông báo hạm Ladives và Yaguar).

Giữa năm 1886, tiếp thêm cánh quân Cần Vương của Bùi Đăn ở Bình Định, hoạt động của nghĩa quân càng sôi nổi, uy tiếp tỉnh thành Bình Thuận. Viên "tuần phủ Bình Thuận là Lê Liêm" bị nghĩa quân Bùi Đăn dim chết (ĐNTLCB 38, 151).

Ngày 5-7-1886 quân Pháp đổ bộ lên Phan Rí Cửa chiếm tỉnh thành Bình Thuận. Ngày 28-7-1886 chúng kéo quân vào Hàm Thuận, Phan Thiết. Khi tới địa phận Phú Hải, chúng lọt vào trận địa phục kích của nghĩa quân, trận chiến diễn ra từ dốc Tiên hậu đến dốc Mù U. Với thế mạnh, địch vượt qua cầu Sơn Thủy tiến vào Phan Thiết và phủ thành Hàm Thuận.

Sau 3 lần đụng độ với đội quân nhà nghề đầy đủ vũ khí, nghĩa quân rút lui, một số thủ lĩnh bị bắt. Ông Ung Chiếm và người con trai bị chúng hành quyết tại Cây me làng Thiện Mỹ. Sau đó, Cao Hành - cánh tay đắc lực của nghĩa quân, Bùi Đăn bị chúng bắt đưa ra hành hình (9-1886) buộc dân chúng đến xem để uy hiếp tinh thần, chúng bêu đầu ông tại Phan Thiết, hai chân bêu ở chợ Phú Hải, hai tay bêu ở Phủ Hàm Thuận. Địch liên tiếp vây ráp, mất thủ lĩnh, nghĩa quân lần lượt tan rã.

Năm sau, Pháp buộc bồi thường quân phí mới giao trả đất Bình Thuận cho triều đình Huế, đồng thời đặt quan chức công sứ và bộ máy bảo hộ.

Lúc này dân Bình Thuận "Vỡ yên, răn dẹp thật khó". Giặc Pháp cưỡng ép, khủng bố để buộc các quan lại, hương lý phải làm việc tận tụy cho chúng như xã nào để bị bắt một nghĩa quân thì phạt lý trưởng 50 quan tiền, bắt 5 nghĩa quân thì tịch thu gia sản lý trưởng, bắt 10 nghĩa quân thì tịch thu gia sản chánh phó tổng. Nhưng một số quan chức không tích cực làm việc cho chúng vì nặng lòng yêu nước thương dân hoặc e dè trước khí thế hoạt động của nghĩa quân, không muốn hợp tác với chúng. Có người bị giáng chức buộc về hưu như ông Phan Liêm tổng đốc Khánh Hòa - Bình Thuận hoặc "bị người Pháp chỉ trích" phải "triệt về" như ông Hoàng Bá Trinh án sát Bình Thuận.

Từ đây, hệ thống nô dịch, đô hộ của thực dân Pháp ngày càng siết chặt. Nhưng nhân dân trong tỉnh, nhất là vùng nghĩa quân hoạt động vẫn nuôi dưỡng ý chí đợi thời cơ.

*

* *

Có áp bức thì có đấu tranh. Ở Phú Hải, những cuộc đấu tranh lẻ tẻ, tự phát của các tầng lớp nhân dân chống thực dân Pháp và bọn tay sai diễn ra dưới các hình thức lan công, giữ đất, đòi giảm thuế, đòi nơi lỏng ách áp bức...

Năm 1889, chúng dời tỉnh thành Bình Thuận về làng Phú Tài (Hàm Thuận). Từ đó và nhiều năm tiếp sau, chúng gấp rút mở mang đường sá, kết hợp vừa bình định, khai thác kinh tế và cơ động quân đội. Ở hướng đông bắc Phan Thiết, chúng mở đường Tân Phú - Kim Ngọc và Phú Hải - Phú Long.

Dân đình các làng bị bắt đi phu làm đường hết sức cực nhọc. Mỗi làng phải nộp 10 - 20 dân đình, 20 ngày thay phiên một lần. Đôn đốc trực tiếp là một tên cai giám sát làm đường.

Ở chặng đường Phú Hải - Thiện Mỹ có tên Cai Gấn (có người nói là Cai Mấn) thường dựa thế Tây ức hiếp dân phu, buộc mỗi làng phải nộp riêng cho y từ 1 - 2 đồng mỗi lần thay phiên, hay dùng roi vọt đánh đập dân phu. Lao động vất vả, ăn uống kham khổ, ngủ bụi ngủ bờ, sốt rét, ốm đau, uất ức càng cao. Lý hương và dân phu làng Ngọc Lâm bàn nhau dùng "khổ nhục kế" để phản đối. Một buổi sáng, Lý hương gọi Cai Gấn ra nhận dân phu. Y không mở cửa mà còn chửi rửa tục tằn. Lý hương bảo dân phu dùng bẹ cây bạc hà (dọc mùng) đánh vào lưng mình cho nổi đỏ lần dọc lần ngang rồi qua Phan Thiết thưa kiện. Tưởng thật, Tây tức giận, không cần tra hỏi, qua đánh tên cai một trận no đòn. Từ đó y bớt hống hách rồi chuyển nơi khác.

Khi Phan Thiết được công nhận là thị xã (20-10-1898) Pháp chủ trương xây dựng các công sở. Nhu cầu cần có đá xây dựng. Phú Hải là một nơi khai thác đá thuận lợi, gần Phan Thiết, có đường vận tải thủy. Dân đình Phú Hải bị bắt đi xâu đục đá, làm đường xuống bến, vận

chuyển đá. Có lần Ô Gia Nông (Ozanon) đi ngựa qua Phú Hải kiểm tra, gặp một đám cưới, y bắt dừng lại và ra lệnh chỉ cho cô dâu, chú rể, cha mẹ hai bên được tiếp tục đám cưới, còn lại tất cả phải đi làm đường. Lần khác chỉ thấy xe rùa, xe cút kit đẩy đá mà không thấy dân phu đâu cả, y tức giận gọi lý trưởng chửi mắng rồi thu luôn một triệu (con dấu của làng).

Từ sáng sớm dân phu phải đến nơi quy định (nhà ông Bộ Hải) nhận xà beng và búa rồi lên núi đục đá, đập đá đến tối mịt mới về. Nhà nào có xe bò, thuyền thì bị trưng dụng chở đá xuống bến rồi chuyển về Thương Chánh bốc dỡ lên bờ. Làm đá nặng nhọc, không công, luôn bị đe dọa, ức hiếp, roi vọt, dân phu bàn với bạn thuyền phá ngầm. Thuyền rời bến, đến giữa đường về Thương Chánh đề phòng chúng dùng ống nhôm nhìn thấy, bạn thuyền ném bót đá xuống biển, vừa nhẹ thuyền lại đỡ công bốc dỡ.

Đầu thế kỷ 20, thực dân Pháp đẩy mạnh chính sách bình định, bắt tay khai thác tiềm năng Bình Thuận, khuyến khích tư sản Pháp khai thác đồn điền, chiếm hữu đất đai. Ở Phú Hải, tư sản Pháp chiếm hữu hầu hết các đồi núi sát biển xây dựng khách sạn, nhà nghỉ mát dành riêng cho người Âu. Ban đầu là công tước De Montpensier chiếm hữu 5 ha xây dựng Lâu Ông Hoàng. Tiếp sau là Tây Môn, Tây Mốt chiếm hữu các đồi núi khác. Riêng Tây Ghery (Guerry) chiếm hữu 10 mẫu tây. Khách sạn Ngọc Lâm được xây dựng, có đường xe xuống bãi Đanh tám biển (Khách sạn có 27 phòng, dành riêng phòng số 1 tiếp đón thượng khách và vua chúa các nước Đông Dương).

Dân làng Ngọc Lâm thường ngày lên rừng làm ăn, bị các đời Tây chiếm hữu chắn ngang không có lối đi về. Làng Ngọc Lâm bàn chuyện thưa kiện. Nhiều tháng trời lên phủ Hàm Thuận, tỉnh rồi tòa sứ, cuối cùng chúng nhượng bộ để một phần đất làm lối đi lại.

Chính sách độc quyền mua bán muối của thực dân Pháp hết sức bất công. Mua vào mỗi tạ 5 xu, bán ra 1,10 đồng, hưởng lợi hơn 20 lần. Lại còn đóng đầy vụn khi mua, gạt sát miệng thùng khi bán. Chúng quản lý chặt chẽ, ở Phú Hải có nhà viên chức Sở Đoan, đến mùa muối dựng nhà "đội đồng" có đội Tây kiểm soát gắt gao, lục xét, bắt bớ, đánh đập, có khi bắn chết người nghi ngờ mua bán muối lậu.

Tháng 3-1909 nhân dịp Viên Toàn quyền và Khám sứ ghé Phan Thiết, các chủ ruộng muối Phan Thiết, Trinh Tường, Phú Hải, dưới hình thức đơn thỉnh nguyện, yêu cầu chấm dứt bất công về giá muối, đóng muối. Về sau chúng tăng giá muối lên 7 xu/1 tạ nhưng lại bán ra với giá 1,50 đồng/1 tạ, vẫn chênh lệch hơn 20 lần.

Để bớt thua thiệt, các chủ ruộng muối và diêm dân qua trung gian, thông đồng với nhân viên giữ kho, không nhập muối dơ kém phẩm chất (thực tế là muối tốt) để bên ngoài kho rồi tìm cách bán muối này chia nhau hưởng phần chênh lệch (giá muối chính thức bán ra 1,50 đồng/1 tạ nay "muối dơ" bán ra chỉ 0,75 đồng/1 tạ, người mua rẻ hơn 75 xu, người bán thêm được 68 xu vì nếu bán cho Tây chỉ có 7 xu). Ngoài ra còn nhiều mảnh khoe khác tìm cách thoát khỏi sự kiểm soát của Sở Đoan (cán

già, sử dụng giấy mua và chở muối nhiều lần, đáy thuyền có lỗ lù để giải thoát muối xuống biển khi có nguy cơ bị Sở Đoàn phát hiện).

Thập kỷ 10, ở Phú Hải, nhiều hàm hộ tham gia công ty cổ phần Liên Thành. Người mua cổ phiếu với số lượng hàng trăm là ông Huỳnh Ngọc Chi và các con trai. Ông là ủy viên Ban quản trị, sau là cố vấn của công ty, có xe hơi riêng, thường đi họp ở Sài Gòn (tránh sự hà khắc của Nam triều, năm 1917 công ty dời trụ sở vào Sài Gòn).

Cơ sở chế biến nước mắm của Công ty ở Phú Hải nằm trên khuôn viên nhà ông Huỳnh Văn Vinh (Cửu Vinh) sau này. Hai bên là hai dãy nhà lều, một đầu là dãy nhà làm việc, giống hình chữ U.

Thời gian này những người tiến bộ trong Công ty Liên thành truyền bá tư tưởng Phan Chu Trinh với tinh thần "Chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh" nhằm gây dựng ý thức dân tộc theo xu hướng "chấn hưng công nghiệp bản xứ", một kiểu dân tộc, dân chủ tư sản (mỗi lần đại hội cổ đông đều có treo hình cụ Phan Chu Trinh ở giữa). Xu hướng này khắc một nét mới trong tiềm thức của một số cổ đông phần lớn thuộc tầng lớp hữu sản và một số thanh niên có học thức ở Phú Hải.

Thập kỷ 20, bộ máy cai trị của thực dân Pháp coi như ổn định. Đời sống nhân dân cực khổ, tăm tối.

Bỗng một thời ở Phú Hải rộ lên về "băng cướp của nhà giàu chia cho người nghèo" ở núi Xá Thô (có người gọi là Thiên Địa Hội). Vài người nghèo cả tin, lóe lên tia sáng hy vọng mong chờ.

Sau vài vụ cướp (nhà ông Hộ Thi...), nhiều nhà có của lo sợ phòng bị như xây vòng thành cao, mua tủ sắt cất tài sản quý, làm gác cao kiểu lồng cu (nhà ông Hương Giác)... Một thời gian, băng này bị dập tắt.

Rồi không rõ từ đâu, trong nhân dân lưu truyền câu chuyện có vẻ thần bí đại ý nói rằng Phú Hải là đất chúa, đất ba hộ giàu có. Từ khi Tây tới và xây Lâu Ông Hoàng thì nhân dân cùng cực, làm ăn không nên nổi, cần phải có sự thay đổi ! Ấn ý khêu gợi chống ngoại bang với cái võ huyền bí xoay quanh đỉnh cao nhất núi Bửu Sơn nơi xây Lâu Ông Hoàng (theo văn bia mộ chí cụ Nguyễn Thông thì du sĩ họ Bạch xem thế đất Phú Hải bình luận rằng : "... rông xanh hai lần mở mặt châu hâu, cạp trắng ngoảnh lại nhìn hữu tinh". Theo suy luận của người già thì Tây xây Lâu Ông Hoàng trên đầu con cạp trắng như đề đầu dân Phú Hải. Vì vậy, cần phải vùng lên làm cho kẻ ngồi trên đầu cạp bị lật nhào thì mới trở lại đời ấm no.

Có thể do một nhà Nho yêu nước khêu gợi, nuôi dưỡng tinh thần dân tộc và không nêu phương thức đấu tranh. Ông cha truyền cho cháu con để ý thức trách nhiệm đấu tranh giành lại quê hương.

Những người có tinh thần dân tộc và đầu óc thực tế nghĩ rằng : ý tưởng đó mang tính giới hạn của một vùng nhỏ bé, chỉ như một đóm lửa lẻ loi, mong manh, dễ bị vùi dập trước đòn đàn áp bạo tàn của bộ máy cai trị thực dân Pháp. Họ mong ước có một ngọn đuốc soi đường trong đêm dài nô lệ, một lực lượng rộng lớn và kiên cường đủ sức đương đầu và vượt qua bão táp đấu tranh khốc liệt chống ngoại xâm giành lại đất nước.

II - TỪNG BƯỚC GIÁC NGỘ DÂN TỘC, THAM GIA PHONG TRÀO DÂN SINH DÂN CHỦ (1930 - 1939).

Giữa năm 1930 xuất hiện ngọn lửa đấu tranh mới. Trong giới lý hương thân cận với chính quyền ⁽¹⁾ và hàm hộ có thế lực ở Phú Hải xì xào "Cộng sản rải truyền đơn ở Phan Thiết kêu gọi nhân dân đứng lên chống Tây" (nhân kỷ niệm ngày Cách mạng tư sản dân quyền Pháp 14-7-1789). Một số người quan tâm đến thời cuộc được tin suy nghĩ : Cộng sản là ai mà có gan dám làm chuyện "động trời" đó. Họ có phải như miệng thằng Tây nói : Cộng vợ, cộng chồng, búa đập đầu, liềm cắt cổ người dân không ? Hay họ là ngôi sao sáng dẫn đường chống Tây phá ách thực dân ? Dấu hỏi này lớn lên trong lòng họ.

Năm 1931 người dân Phú Hải đã nhìn thấy những người cộng sản, những người tham gia phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh bị Tây bắt đưa vào làm đoạn đường Phú Hải-Rạng. Dân Phú Hải, nhất là người hái củi, chăn bò, đi chợ tìm cách đến gần lân la trò chuyện. Ban đầu tò mò, sau muốn gần và tự nhủ : Cộng sản cũng là người nghèo khổ như mình cũng thực thà, chất phác, thương vợ thương con như mình, chỉ khác là dám chống Tây, không sợ chết chém, tù đầy. Họ là người tốt, không phải cộng vợ cộng

1 Ở Phú Hải có 2 người làm Bang tá bên Phan Thiết.

THE HISTORY OF THE
CITY OF BOSTON
FROM 1630 TO 1800
(1800 - 1850)

The history of the city of Boston from 1630 to 1800 is a story of growth and change. It begins with the arrival of the Puritans in 1630, who sought a place where they could practice their religion freely. They founded the city of Boston, which was one of the most important centers of Puritanism in North America. Over the years, Boston grew into a major port and a center of trade and commerce. It was also a place of intellectual and cultural activity, with many of the leading figures of the American Revolution living and working there. The city's history is marked by several key events, including the Boston Tea Party in 1773, the Battle of the Clouds in 1780, and the signing of the Declaration of Independence in 1776. By 1800, Boston had become one of the largest and most important cities in the United States.



Tháp Poshanur.



Bến thuyền Gò Hậu làng Tân Phú.



Núi Bửu Sơn.



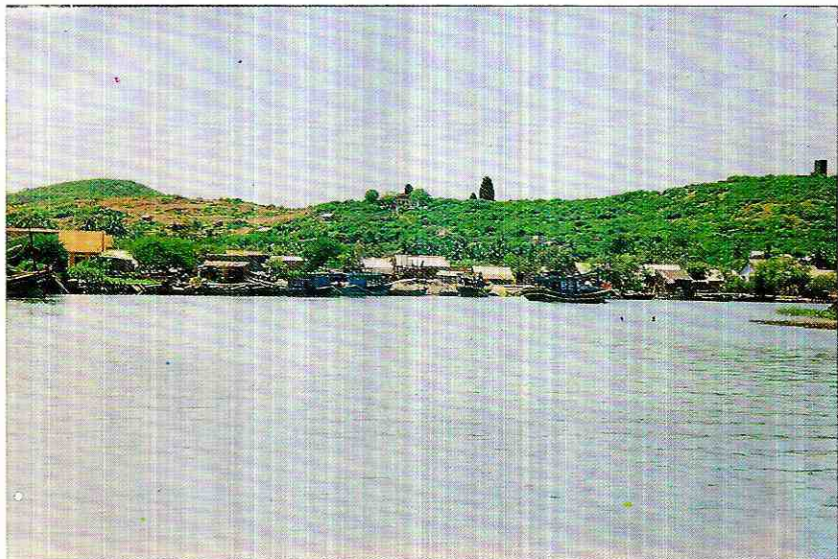
Bờ biển làng Tú Lâm.



*Đoạn đường
Cộng sản.*

*Mộ cụ
Nguyễn Thông.*





Làng Xuân Hòa.



Cao điểm Lầu Ông Hoàng.



**GIẤY NHẬN MƯƠN TIỀN CỦA CHÍNH QUYỀN
CÁCH MẠNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP**

Khi nước Việt nam dân chủ cộng hòa được lập nên thì đất nước, mặc dù ở trong vùng tạm bị chiếm, nhân dân vẫn phải chịu đựng sự bóc lột và tàn bạo (như xã Páuh và ngày nay) Nhân dân ta vì sự độc lập tự do của nước ta đã đứng lên đấu tranh chống lại kẻ thù xâm lược và đã giành được thắng lợi. Chính quyền cách mạng mới ra đời đã đem lại cho nhân dân ta một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, an ninh và tự do. Chính quyền cách mạng mới ra đời đã đem lại cho nhân dân ta một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, an ninh và tự do. Chính quyền cách mạng mới ra đời đã đem lại cho nhân dân ta một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, an ninh và tự do.



Giấy bạc Việt Nam
thời chống Pháp.

Giấy chứng nhận
mượn tiền của
Ủy ban hành chính
tỉnh Bình Thuận.





Từ trái sang phải :

- Ông Võ Thọ Đoán (người vẽ sơ đồ
đôn Lầu Ông Hoàng).
 - Ông Trương Quang Mỹ (Bác sĩ hưu trí).
 - Ông Trương Ngọc Ánh (Đội phó đội patroi già Tây).
 - Bà Đỗ Thị Lý (từ trên).
- (Gia đình cùng tổ quân báo đào hầm trú ẩn).

chông. Búa liềm là tượng trưng cho thợ thuyền và dân cày cùng nhau đứng lên chống Tây. Sẵn lòng đồng cảm, người dân Phú Hải tìm cách gói gắm tình cảm của mình vào tấm bánh, điều thuốc, con cá, mớ rau cho những người tù cộng sản, nhất là khi họ đi chợ. Để ghi nhớ sự kiện này, người dân Phú Hải gọi tên là "Đoạn đường Cộng sản" (1).

Đêm 14 rạng ngày 15-8-1931, một sự kiện nổ ra với quy mô lớn làm xáo động sâu sắc lòng dân Phú Hải. Giữa đêm tối trời, ban đầu là trống mõ liên hồi của các làng ở xa rồi tiếng trống mõ liên hồi của Phú Hải cũng dồn dập báo động hoạt động của cộng sản. Sáng sớm dân làng nhìn thấy cờ đỏ búa liềm trên cây bên cạnh làng Xuân Hòa, trên dốc Mù U, trên ngọn cây cao gần mộ thân Thái giám. Nhiều làng ở Hàm Thuận "cờ đỏ tung bay trong gió tháng Tám" (LSDBTH, 60).

Lo sợ, hoảng hốt và trấn áp. Địch thân tuần vũ Ngô Đình Diệm đưa lính đi bắt người về giam không cần bằng cứ. Cứ 2 - 3 làng hấn cho lập một trường tra để trấn cùm, tra tấn người bị bắt. Tri phủ Hồ Đắc Bích theo lệnh cho lập trường tra ở làng An Hải và Sơn Thủy. Hương lý làng Sơn Thủy bẩm với hấn là : Xin xăm mà thân Thái giám không ưng thuận, có lẽ ngài không muốn có sự "ồn ào" gần nơi ngài nằm. Hấn đành cho dời đi nơi khác. Cả vùng Phan Thiết, Hàm Thuận chìm trong

1 Về sau có người gọi là đoạn đường Ba Hai.

không khí nặng nề, đầy cảnh bắt bớ, tra tấn giam cầm. Ở Phú Hải, chúng bắt ông Bộ Kiên (Trần Văn Kiên) ⁽¹⁾.

Cuối năm đó, chúng "đưa ra tòa án Nam triều xử 360 can phạm cộng sản", trong đó có "36 trường hợp bị kêu án tù từ 2 - 3 năm khổ sai" (LSĐBTH, 67).

Phong trào tam lảng, nhưng người có lòng tự tôn dân tộc và người nghèo khổ lại lảng động sâu sắc trong lòng mình một nhận thức mới. Đã có một lực lượng đông, ở nhiều nơi trong nước, trong tỉnh dám chống Tây, không sợ tù đầy, chết chém. Phải chăng đây là ngọn đuốc soi đường mà những người ấp ủ lòng yêu nước, khắc khoải chờ mong ? Lòng dân Phú Hải thêm nổi bản khoán: Phải chăng cộng sản ở trong làng mình sát cạnh bên dân ?!

Sau sự kiện tháng Tám năm 1931, thực dân Pháp tăng cường hệ thống kiểm soát, theo dõi gắt gao những người nghi vấn, tung mật thám dò la tin tức, đe dọa kềm kẹp nhân dân. Đồng thời chúng ra sức mê hoặc nhân dân, khuyến khích phát triển tôn giáo, tín ngưỡng thần linh, thả lỏng hành nghề mê tín bói toán, tổ chức nhiều lễ hội cúng tế, kêu gọi sự an phận, lãng quên thời cuộc và đời sống ngày càng cùng khổ.

1 Theo Lý hương ở Phú Hải có vai vế và thân cận với chính quyền cai trị thời đó cho biết : Những người treo cờ là các ông Bộ Xương (Trương Văn Xương), Bộ Kiên, Xã Bình (Lê Xuân Bình), Xã Sào. Hai ông Bộ Xương, Xã Bình có quan hệ với đồng chí Nguyễn Gia Tú. Chúng bắt ông Bộ Kiên, nghi ngờ có liên quan đến cộng sản vì trong nhà chứa chấp người xứ Quảng thường đến bán bàn tử.)

Lấy cơ chuyển đổi đồng bạc từ ngân bản vị (tiền được bảo đảm bằng bạc) ⁽¹⁾ sang kim bản vị (tiền được bảo đảm bằng vàng), chúng phát hành tiền giấy đổi cướp lấy đồng bạc ròng đang lưu thông đưa về Pháp.

Tiếp đến là ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, giá nông hải sản rẻ mạt, đời sống người dân hết sức khó khăn.

Năm 1929, mỗi tạ gạo giá 11,58 đồng thì năm 1932 chỉ còn 3,20 đồng. Cá tươi 5 xu/1 rổ không có người mua. Giá nước mắm, năm 1930 thấp nhất là 40 đồng/125 tin thì năm 1932 chỉ còn 30 đồng (PT1, 55). Sản lượng nước mắm của Bình Thuận từ 40 triệu lít (1930) tụt xuống 27 triệu lít (1932).

Khắp nơi điêu đứng, ở Phú Hải, hiệu buôn, hàm hộ nhỏ lao đao, có người bán nhà cửa, thùng lều trả nợ. Công ty Liên Thành có kinh nghiệm trong doanh thương cũng bị lỗ (năm 1934 mỗi cổ phần còn được chia 2,52 đồng, năm 1935 bị lỗ). Cơ sở chế biến nước mắm ở Phú Hải phải bán tịnh sản nhập động sản vào cơ sở Mũi Né (ông Huỳnh Văn Vinh mua lại làm nhà ở).

Ngư dân, nông dân, diêm dân lâm vào cảnh bần cùng, tiền thuế thân thêm đè nặng vì chúng không giảm bớt, vẫn giữ nguyên mức cũ. Con trai đến 17 tuổi phải nộp tiền làm phụ bộ (1,20 đồng), đến 18 tuổi vào chánh ngạch nộp thuế thân (2 đồng). Có người cả hai mẹ con đi làm thuê dành dụm cả năm cũng chưa đủ tiền đóng thuế, có người đành chịu bị trăn cùm, có người nợ nần kéo dài bỏ làng đi xa làm ăn.

1 Mỗi đồng bạc có trọng lượng gần 2/3 lượng bạc.

Chúng ra sức kiểm duyệt gặt gao sách báo tiến bộ, cho phổ biến tiểu thuyết lãng mạng, kiếm hiệp, đồng thời khuyến khích tin ngưỡng thần linh, cúng tế linh đình, thỉnh rước râm rồ.

Ở Phú Hải, ngoài một nhà thờ và 4 chùa, có 7 dinh Tiên hiền, 7 dinh thần, 3 dinh Thanh Minh, mỗi làng còn có 1 - 2 dinh miếu thờ thần linh như dinh Ba Bà, dinh Cố, dinh Ông, miếu Cá, miếu Bà Thủy, miếu cây Cốc, mộ thân Thất giám... Trung bình hàng năm có hàng trăm lần cúng tế, rất tốn kém, nhất là lệ lớn, tổ chức đám rước, xô giàn.

Nổi lên là đám rước hình tượng Quan Công từ chùa Ông ở Đức Nghĩa sang dinh Bà Thiên Hậu ở Phú Hải của Hoa kiều Tứ Bang, có tổ chức xô giàn, thu hút hàng ngàn người. Giàn cao 3 - 4 mét, trên chắt hàng chục cỗ bánh, trái cây xếp nhiều tầng, cỗ lớn nhất có một con heo quay. Nhiều băng xô giàn tiến hành "thử sức" để phân chia ngôi thứ tương ứng với từng cỗ trên giàn. Có cuộc thử sức đã đổ máu.

Chúng còn truy lạc hóa, khuyến khích uống rượu và thuốc phiện.

Ở Phan Thiết chúng cho đăng ký môn bài mở nhà chứa gái mại dâm. Một số trai bạn, hương lý Phú Hải đi lai trác táng, đã tốn tiền lại mắc bệnh làm khổ gia đình. Có vị lý trưởng bị gái điếm lấy giấu mợ triệu, hôm sau phải đem tiền chuộc lại.

Nghiện rượu và thuốc phiện làm cho người dân chẳng màng thế sự. Ở Phan Thiết chỉ có công xi rượu

Nhiều Bá được phép nấu rượu. Ai nấu rượu lâu bị Sở Doan bắt được thường phải bán gia sản nộp phạt hoặc ngồi tù. Rượu 40 độ mới cho xuất bán, dưới 37 độ bị phạt nặng. Ở Phú Hải, ông Trương Quang Vi (Hai Kim) được phép làm "bài nhì" (bán sỉ) trước nhà treo bảng có hai chữ R.O. Các quán bán lẻ có số "bài ba" do Sở Doan cấp. Tiền thu được sau tháng đi biển, trai bạn rủ nhau vào chất cay, lè nhè cả ngày, vợ con nheo nhóc.

Chúng còn cho phép mở các tiệm hút thuốc phiện với hàng chục bàn đèn trong thị xã. Ở Phú Hải, ông Bốn được cấp giấy phép bán thuốc phiện, trước nhà treo bảng có hai chữ R.O. Nhiều người sa vào nghiện ngập, có cả hương lý, người Hoa, đánh xe ngựa, phụ chèo đò...⁽¹⁾ Nạn nhân thường khuynh gia bại sản, vợ con khổ sở, bản thân thì môi thâm, so vai rứt cổ, còn đâu sức khỏe làm ăn sinh sống.

Trong lúc bị chúng hướng vào mê tín, truy lạc, nghiện ngập, người dân Phú Hải không hề biết việc mật thám Tây rình mò theo dõi hoạt động cách mạng của Quách Anh Tuấn thư ký khách sạn Ngọc Lâm nhưng chúng không lần ra manh mối, đành đưa vào hồ sơ lưu trữ (PT1, 55).

Một sự kiện thương tâm xảy ra. Viên chức Sở Doan ở Thương Chánh tên là Lajus, dân gọi là Tây Cụt (cụt một tay sát nách), bắn chết một người dân đang lội qua sông mà y nghi là chở muối lậu. Nạn nhân tên là Tám

1 Các ông Bốn Bảo, Hương Miến, ông Dành, ông Kiệm, ông Tại, ông Tiểu...

Quít làm thuê cho một thuyền ở Mũi Né chở muối. Buổi chiều, nước xuống, dân làng thấy xác vớt lên bờ, hai tay nạn nhân co lại (dân gọi là ông Co). Thi hải đặt tại nhà làng Tân Phú, báo tri phủ Hàm Thuận và Sở Đoan. Cuộc khám xét tử thi, khẩu súng tang vật, hỏi cung kéo dài đến giữa đêm mới lập xong biên bản với kết luận "bắn chết người không có bằng cứ chở muối lậu". Đây là lần thứ hai Lajus bắn chết người, lần trước bắn chết người đi mót muối.

Người xem khá đông, dân nghèo phần uất, người có học thức bất bình, người mộ đạo cho là làm điều ác. Ai cũng nói : Tây coi mạng người dân Việt Nam không bằng một gánh muối và tùy ý muốn bắn chết dân bất kể lúc nào không cần bằng chứng.

Sau sự kiện này, chúng đưa về Phú Hải viên chức Sở Đoan mới tên là Marchel Hườn (một người Việt vô dân Tây) và đưa đội người Việt thay đội người Pháp.

*

*

*

Giữa năm 1936, ở Pháp phải tả lên cầm quyền, nói rộng một số quyền lợi cho quần chúng lao động trong nước và thuộc địa.

Lúc này Đảng chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi để "đấu tranh đòi những quyền lợi dân chủ đơn sơ".

Nhiều tầng lớp nhân dân Phú Hải thấy thiết thực đến đời sống của mình đã hưởng ứng tham gia. Nhiều

hàm hộ, chủ thuyền và ruộng muối, cổ đông Công ty Liên Thành ở Phú Hải hưởng ứng phong trào vận động Đông Dương đại hội, đứng tên vào bản "Dân quyền" để trao cho phái viên Gô Đa. Hội ái hữu xe, ngựa Phú Hải đồng tình nghỉ chạy xe để phối hợp với cuộc bãi thị ở chợ Phan Thiết vào dịp chợ Tết Thanh minh ⁽¹⁾ chống viên chủ thầu tăng thuế gấp đôi.

Tháng 8-1937, ở Bình Thuận tổ chức bầu lại 2 dân biểu Viện dân biểu Trung Kỳ : Một cho khối gọi là "nhân dân" mà cử tri chỉ dành cho hào mục chức sắc làng xã, một cho khối thương gia mà ứng cử viên cũng như cử tri là những thương gia, thầu khoán có môn bài loại lớn. Mặt trận dân chủ ủng hộ 2 ứng cử viên: Ông Huỳnh Khánh Tông - hiệu trưởng trường tư ở Phan Rí và ông Huỳnh Văn Dậu quê ở Phú Hải, một nhà thầu khoán, cổ đông Công ty Liên Thành "đã tham gia hoạt động phong trào năm 1936" (LSĐBTH, 87). Đồng chí Nguyễn Gia Tú cựu chính trị phạm ra truyền đơn hô hào cử tri tập trung phiếu cho người Mặt trận dân chủ ủng hộ. Các cử tri hàm hộ Phú Hải bỏ phiếu cho ông Dậu, ứng viên quê mình. Sau khi trúng cử, ở đại hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương, cùng với Phan Thanh, ông Dậu bênh vực quyền lợi nhân dân lao động, ủng hộ cải cách tiến bộ, góp phần làm thất bại dự án tăng thuế của bọn cầm quyền phản động thuộc địa (LSĐBTH, 87).

Ở Phú Hải bàn tán về vai trò hoạt động của ông Dậu, tìm hiểu về Mặt trận dân chủ, có ý thức hơn trong việc tham gia các phong trào đòi quyền lợi.

1 Có người nhớ là vào ngày 14, 15, 16 tháng giêng năm ấy.

Chính sách độc quyền mua bán muối của thực dân Pháp lâu nay bất công gây thiệt hại cho chủ ruộng muối và diêm dân.

Viên chức Sở Đoàn là Marchel Hườn có vẻ ôn hòa hơn Tây tiên nhiệm là Pát Can và viên đội người Pháp. Trước đây, những ngày đong muối nhập kho, y ngồi tay cầm roi, mắt cú vọ dò xét. Những người làm công đong muối dù không sai phạm cũng bị ngọn roi lằn lưng rướm máu. Còn Marchel Hườn, làng cúng tế mời thì đến dự, không dùng roi, có vẻ muốn gần dân chúng, hay đến nhà ông Tư Xuông xem dạy võ (nhà ông Xuông có mời một võ sĩ tên là Bốn Mỹ quê Bình Định về dạy võ). Nhiều người đến xem dạy võ như các ông Hồ Văn Lại, Trần Thành, Hồ Văn Sơn, Huỳnh Văn Mỹ...). Nhà này trở thành nơi gặp mặt của những người có học và có vai vế trong làng. Tỉnh thoảng vào ngày chủ nhật lại thấy ông Tư Xuông mang hòm cắt tóc vào nhà Marchel Hườn, nhờ đó biết thêm tình hình về muối.

Lúc này chúng tăng giá muối bán ra từ 1,50 đồng lên 2,50 đồng/1 tạ, nhưng không tăng giá mua vào, giữ nguyên giá cũ là 7 xu/1 tạ. Các chủ ruộng muối ở Trinh Tường, Phú Hải (phần đông là tư nhân, người Hoa, cả ở Phú Long, Phan Thiết) đòi tăng giá mua vào tương ứng. Được Mặt trận dân chủ ủng hộ, dân biểu Huỳnh Văn Dậu hỗ trợ. Chúng buộc phải tăng giá mua vào là 16 xu/1 tạ.

Trước phong trào chung, một số thanh niên có học ở Phú Hải muốn thành lập đội banh, phù hợp với chủ

trương của Mặt trận dân chủ. Được một số hàm hộ và hương lý tiến bộ giúp đỡ, Hội thể dục Phú Hải được thành lập gồm phần lớn là thanh niên học thức như các anh Phan Nhứt Tân, Thân Trọng Duyệt, Võ Thọ Châu, Hồ Văn Bảy, Lâm Vĩnh Long... Một số người hăng hái cổ vũ được coi là mạnh thường quân như các anh Hồ Văn Sơn, Huỳnh Văn Mỹ...

Một cuộc vận động đòi sân banh từ Tân Phú về vị trí hiện nay. Có lẽ đây là một cuộc vận động công khai huy động nhiều tầng lớp tham gia xây dựng một công trình công cộng mà trước đó chưa có. Nơi đây vốn lầy lội, nhiều cây bần. Công khai phá khá lớn tốn nhiều công của. Nguồn lao động công ích của các làng, nhất là làng Xuân Hòa sở tại. Vốn thì thuê gánh hát bán vé lấy lời và một số nhà giúp đỡ (nhiều người nhắc tới vai trò tích cực của làng Xuân Hòa, các ông Võ Thọ Rút, Lâm Vĩnh Long...). Trên cơ sở hợp pháp này, việc giao lưu tiếp xúc của thanh niên Phú Hải với các địa phương bạn được mở rộng, tạo điều kiện cho các tư tưởng tiến bộ của Mặt trận dân chủ xâm nhập vào tầng lớp thanh niên có học ở Phú Hải, từng bước khêu gợi ý thức dân tộc, tập hợp lực lượng trong các tổ chức công khai.

Ở Hàm Thuận, một số hội viên cơ sở còn vận động đưa người hiền hậu, có học và uy tín vào trong bộ máy lý hương các làng cho dân đỡ khổ và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động cách mạng. Ở Phú Hải đưa ông Hồ Văn Lai làm lý trưởng làng Tân Phú, còn vận động một số lý hương xích lại gần với phong trào dân sinh dân chủ (như các ông Trương Văn Xương, Lê Xuân Bình)...

Sau vụ Lư Cầu Kiều (1937) Hoa kiều tứ bang khu vực Phan Thiết tổ chức Trung Hoa cứu quốc hội nhằm ủng hộ phong trào kháng Nhật ở chính quốc. Đồng chí Nguyễn Gia Tú có liên hệ với tổ chức này, nhất là cuộc vận động của thanh niên Hoa kiều thuê gánh hát bán vé lấy lời góp vào 2 quỹ : quỹ ủng hộ kháng Nhật và quỹ ủng hộ các tờ báo công khai của Đảng. Thanh niên Hoa kiều ở Phú Hải liên hệ chặt chẽ với đồng chí Nguyễn Gia Tú và tích cực tham gia trong cuộc vận động này có các anh Trần Tôn Hoa, Trần Tôn Phú, Huỳnh Nhơn (Hai Dền), Phan Học Thọ (Hai Chợ), Trương Quang Vi (Hai Kim)... Sau khi thấy tiền lời không nhiều, đồng chí đã đề nghị dồn tiền cho quỹ kháng chiến chống Nhật.

Phong trào đọc sách báo ở Phú Hải cũng có bước chuyển biến. Một số người có học, nhất là thanh niên đặt mua sách báo tiến bộ giúp thêm kiến thức, nâng dân trí.

Bọn tư sản Pháp từ lâu có mưu đồ chiếm độc quyền mua bán nước mắm. Lấy cớ đảm bảo vệ sinh, chúng không cho dùng tin sành, buộc phải thống nhất giá bán do chúng quy định. Âm mưu này gây thiệt hại lớn cho các nhà hàm hộ và phần đông người lao động bị mất việc.

Hàm hộ Phú Hải (hơn 20 người) cùng với hàm hộ Phan Thiết, Mũi Né, Công ty Liên Thành đứng đơn khiếu nại. Báo chí lên tiếng, dân biểu tiến bộ ủng hộ... Cuối cùng bọn cầm quyền Pháp bỏ dỡ (PT1, 69).

Giữa năm 1938, cai tuần Phan Thiết thường tìm có vu vợ phạt vạ xe ngựa. Hội ái hữu xe ngựa các tuyến

đường phối hợp đấu tranh. Nhận được ý kiến trao đổi của đồng chí Nguyễn Gia Tú, ông Tư Xuông, cơ sở trong Hội ái hữu xe ngựa Phú Hải vận động hơn 20 xe ngựa ở các làng Tân Phú, Xuân Hòa, Sơn Thủy, Thiện Chánh tham gia. Ba ngày đình công, giao thông đình trệ. Cuối cùng công sứ Bình Thuận chấp nhận yêu sách của giới xe ngựa : cấm cảnh sát phạt bậy, giảm thuế, quy định bến đậu xe đón khách.

Những năm 30, cờ đỏ búa liềm xuất hiện lay động sâu sắc lòng dân Phú Hải, tiếp đến phong trào dân sinh dân chủ khơi đúng mạch ngầm lòng dân, lôi cuốn nhiều người tham gia. Nhận thức thời cuộc của một số tầng lớp xã hội có bước chuyển biến. Ý thức được quyền lợi đơn sơ, chính đáng của mình, tập hợp nhau lại đấu tranh, hướng suy nghĩ và niềm tin vào những người đề ra chủ trương đó, những người lãnh đạo phong trào.

III - DƯỚI LÁ CỜ CỦA ĐẢNG, CÙNG CẢ TỈNH ĐỨNG LÊN GIÀNH CHÍNH QUYỀN :

Mùa thu năm 1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Anh - Pháp tuyên chiến với Đức, Đông Dương thuộc địa của Pháp bị lôi cuốn vào vòng chiến. Chúng ra sức cưỡng ép thanh niên Việt Nam đi lính đưa sang Pháp chiến đấu bảo vệ "mẫu quốc" với lời hô hào :

Này hỡi các bạn từng chinh,

Vì sao nước Pháp hưng binh phen này.

Chỉ vì nước Đức cố gây,

Muốn làm bá chủ Đông Tây một mình...

Ở Phú Hải, dưới áp lực của chính quyền thực dân, trai làng bị tập trung tuyển lính. Có người tìm cách trốn được (như ông Ba Đê), có người phải rời bỏ quê hương đi lính sang Pháp nhiều năm (như ông Tư Chua) mới được về.

Ở Pháp Đảng Cộng sản bị giải tán (26-9-1939), phong trào cách mạng trong nước và thuộc địa bị đàn áp.

Ở Phan Thiết, chúng khám xét, bắt người hoạt động công khai, dân biểu Huỳnh Văn Dậu bị mật thám mời vô sở đe dọa. Trước tình hình đó, các đảng viên chuyển vào hoạt động bí mật. Năm 1942, nhiều đảng viên bị bắt

đưa đi đày ở nhà lao Ban Mê Thuột, trong đó có Trần Hoàng, Nguyễn Tương, Phan Lợi. Ít lâu sau, đồng chí Nguyễn Gia Tú và Lê Triều cũng bị bắt đưa đi an trí ở Ly Hy.

Phong trào gặp nhiều khó khăn, không liên lạc được với Đảng, không nhận được chủ trương, tạm thời lắng xuống. Trong bối cảnh chung, phong trào ở Phú Hải cũng lắng xuống.

Tháng 9-1940, quân Nhật vào Lạng Sơn. Dân tộc ta bị "một cổ hai tròng", đời sống càng cùng cực (mặc vải sợi to thô ; thấp sáng bằng dầu rái, dầu mù u, dầu phộng, dầu dừa, dầu cá mè ; xà bông, giấy, thuốc tây rất hiếm). Đâu đâu cũng nghe tiếng ta thán.

Trước cảnh này, Pháp lại dùng Phan Thiết mở trường cao đẳng thể dục thể thao Đông Dương (ESEPIC) trên Giồng Táo và trường đào tạo thanh niên cấp tỉnh (EPCJ) ở dưới dốc (ở Phú Hải có hai anh học ở trường này). Đồng thời mở nhiều hoạt động thể thao như đá bóng, đua xe đạp, bơi lội... lôi cuốn dân chúng nhằm lãng quên thời cuộc.

Về kinh tế, chúng vẫn tìm cách chiếm độc quyền mua bán nước mắm. Âm mưu lập "Liên đoàn hàng nghiệp ở tổng Đức Thắng và ấn định giá nước mắm rất hạ bị phản đối, tên phó sứ Đumalin dùng áp lực sĩ nhục ông Nguyễn Minh Huệ đại diện Công ty Liên Thành (bóp cổ bắt quỳ). Cổ đông công ty ở Phan Thiết, Phú Hải đứng

lên kiện, về sau chúng chuyển tên phó sứ này đi nơi khác.

Ở Phú Hải, tư sản Pháp Xêrani xây dựng khu nghỉ mát ở Mũi Đá, có khách sạn nhỏ và nhà thủy tạ. Đoạn đường từ cầu Quan đi Mũi Đá được nắn chỉnh lại. Đường mới bỏ dốc Mũi U, chạy xuyên qua trường học và dinh Thần làng Xuân Hòa rồi đi về Mũi Đá (vì lẽ đó trường học và nhà làng dời về vị trí hiện nay). Chúng tổ chức khánh thành linh đình, rầm rộ, ban đêm bắn pháo bông, dân Phú Hải đi xem khá đông.

Ở làng Tân Phú, có người Pháp tên Vách-Ky, mặt đồ kè, dân gọi là "Tây gà nòi" xây nhà ở Gò Me, thầu trồng phi lao chắn gió dọc biển (Nhật đến, bỏ không làm).

Những năm 1943 - 1944, nhiều đoàn quân Nhật di chuyển về phía Nam. Ở Phú Hải thỉnh thoảng mới thấy bóng dáng quân Nhật dừng chân nghỉ lại nhưng cũng đã cảm nhận quân phiệt Nhật lấn át thực dân Pháp.

Cũng thời kỳ này, một số cơ sở cũ ở Phan Thiết, các ông Lưu Minh Kim, Lưu Minh Tâm, Nguyễn Kim Bông giả dạng người mua bông, bán lụa, thợ may lên các làng của Hàm Thuận tuyên truyền cách mạng và móc nối được một số hội viên, cơ sở cũ như các ông Tiểu Nghi, Phạm Mùi, Ngô Mân... (HT1, 51).

Cuối năm 1944, ông Lưu Minh Tâm đến Phú Hải. Ông giả dạng người đi bán lụa, vào nhiều nhà gọi chuyện bàn về thời cuộc, về tinh thần dân tộc. Thỉnh thoảng ông nghỉ lại đêm, trò chuyện đến khuya với ông Lê Xuân Bình ở làng Sơn Thủy.

Ở làng Tân Phú, ông Tư Xuông, cơ sở trong Hội ái hữu xe ngựa theo thuyền buôn bông ra Quảng Ngãi, đã chứng kiến hoạt động cách mạng ở tỉnh này. Khi trở về, ông đi tìm và bắt được liên lạc với ông Tiểu Nghi. Nhà ông lại có nhiều người lui tới như các ông Hồ Văn Lại, Trần Thành, Đào Bích, Trần Đình Trúc...

Đêm 8 rạng ngày 9-3-1945, Nhật đảo chánh Pháp. Nhật bắt bọn Pháp cầm quyền và Pháp Kiều ở Phan Thiết tập trung giam giữ tại khách sạn lớn (nay là cơ quan Tỉnh ủy), Hiến binh Nhật thuê xe ngựa ông Tư Xuông kèm theo lệnh gọi tập trung một người Pháp đang nghỉ mát tại Mũi Đá. Trên đường chở về nơi giam giữ, tên Pháp này lấm lét, lo sợ dân căm thù đánh đập trả thù nhưng ông Tư Xuông không làm điều đó.

Một bộ phận nhân dân có phần há hê vì thực dân Pháp đã bị lật đổ, bàn tán về Cường Đế, một người hoàng tộc thân Nhật. Một số người khác nghi ngờ vì quân phiệt Nhật nổi tiếng hung hãn. Nhiều người nhận thấy Nhật không khác gì thực dân Pháp, độc lập sao mà dễ dàng thế, xì xào về "độc lập bánh vẽ".

Ngày 14-3-1945, Bảo Đại ra tuyên bố "Việt Nam độc lập", thành lập nội các Trần Trọng Kim, tiến hành củng cố bộ máy chính quyền cấp tỉnh và phủ huyện. Ở làng xã vẫn giữ bộ máy lý hương cũ.

Nhật truyền lệnh đến các làng Phú Hải đi phu. Chúng bắt dân phu, dùng xe chở vào Tà Cú, Tà Moong đào công sự bố phòng. Nhiều người trốn không thoát, khóc lóc sợ không có ngày về. Chúng còn trưng dụng ghe

bầu, tháo gỡ cột buồm, thay sà lan, đưa ra Cam Ranh tăng-bo hàng hóa.

Bộ máy tuyên truyền của chúng ra sức tô vẽ cho thuyết Đại Đông Á và sức mạnh của Nhật. Ở Phú Hải đã nghe một bài về có đoạn như sau :

Da đen khờ dại, da trắng khôn ngoan.

Và giống da vàng, cũng còn kha khá.

Đông Bắc châu Á, Nhật bốn văn minh

Đánh Nga, Nga kinh, đánh Tàu, Tàu chạy...

Nhưng nhân dân cảm thấy không khí ngột ngạt, sấp có biến động lớn, hương lý các làng phập phồng e sợ, lo cho số phận của mình.

Bên trời Âu, Hồng quân Liên Xô tiến vào Béclin (2-5-1945), phát xít Đức đầu hàng vô điều kiện. Rảnh tay ở Tây Âu, không quân Mỹ tăng nhịp độ hoạt động ở Thái Bình Dương.

Một trận không - thủy chiến giữa máy bay Mỹ với tàu chiến Nhật diễn ra ác liệt trên suốt tuyến biển Bình Thuận. Nhân dân Phú Hải, già trẻ trai gái, có người bồng con kéo ra Lãng Ông xem trận chiến kéo dài cả ngày, nhiều cột khói bốc cao, nghe tiếng nổ vọng vào. Liên sau đó, dọc theo bờ biển, dân thu lượm được nhiều vật trôi nổi của tàu Nhật bị chìm dạt vào.

Trên bờ, Cầu Ké, Cầu Quan được nguy trang lá dứa lá phi lao và bị máy bay Mỹ ném bom. Bom rơi không trúng Cầu Ké rút xuống sông, cá chết nổi lên trắng xóa.

Còi báo động gắn trên tháp nước Phan Thiết rú lên liên hồi, thúc dục dân chúng xuống hầm trú ẩn. Trường học, dọc đường làng đều có đào "trăng sê".

Ở Thiện Chánh, An Hải, mỗi làng có tổ chức Phòng vệ đoàn do các ông Phan Nhựt Tân, Trần Tôn Phú, Hương Ninh, Trần Xuân Định phụ trách. Mỗi đội khoảng 15 người, mỗi người được trang bị một nón rộng vành, một cuộn dây, một tu huýt (còi). Đội có tập và duyệt đội ngũ tại sân banh Phan Thiết dưới sự chứng kiến của Hiến binh Nhật.

Nhật xây dựng tổ chức này để sử dụng theo ý đồ riêng của chúng nhưng ở Phú Hải, chủ yếu làm nhiệm vụ báo động máy bay, thổi tu huýt dục dân chúng xuống hầm trú ẩn, tuần tra bảo vệ xóm làng, kiểm tra vệ sinh bánh trái phòng chống dịch tả..

Tháng 4-1945, được trả tự do, từ trại Ly Hy, các đồng chí Nguyễn Gia Tú, Lê Triều trở về Bình Thuận, sau đó nhóm tù chính trị ở Ban Mê Thuật⁽¹⁾ cũng trở về và phần lớn hoạt động ở Phan Thiết, Hàm Thuận. Cơ sở cũ được móc nối lại, cơ sở mới phát triển thêm, phong trào Bình Thuận đã có sự chỉ đạo.

Lúc này ở Phú Hải sôi nổi phong trào truyền bá quốc ngữ lôi cuốn cả người ở làng Thiện Mỹ tham gia. Được sự hưởng ứng và ủng hộ của thanh niên học thức và hàm hộ, hương lý tiến bộ, "Phú Hải truyền bá quốc ngữ hội" được thành lập. Các lớp học "i, t" rộn rã thôn

1 Các đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Nguyễn Nhơn, Nguyễn Chúc, Nguyễn Tương, Thái Hựu.

xóm. Để biểu dương tinh thần dân tộc của Hai Bà Trưng và cổ vũ phong trào quốc ngữ, nhân kỷ niệm ngày Hai Bà hy sinh (8-3 âm lịch) các làng góp sức dùng lá dứa, lá dương kết quanh xe ngựa làm hai con voi giả ; ngồi trên lưng là hai cô gái (Võ Thị Lan, Lâm Thị Chít) đóng vai Hai Bà Trưng, có trống kèn tạo thành đám rước, diễu hành tận Phan Thiết, nhân dân xem khá đông.

Ở Căng, tổ chức thanh niên tiên tiến có sự chỉ đạo của cơ sở mở các lớp học ngắn ngày huấn luyện cách canh gác, bắt liên lạc... chuẩn bị khi cần. Học viên được chọn qua các Tổng đoàn thanh niên. Ở Phú Hải, ngoài anh Võ Thọ Sơn là huấn luyện viên còn có anh Lê Đình Xuân được cử đi học.

Hoạt động ca hát ảnh hưởng mạnh đến thanh niên Phú Hải. Các bài hát khơi dậy tinh thần dân tộc như Bạch Đằng Giang, Chi Lăng... những bài hát thúc giục thanh niên lên đường tranh đấu như Tiếng gọi thanh niên, Xếp bút nghiên, Lên đàng... có sức cổ vũ rất lớn được thanh niên hưởng ứng phổ biến rộng rãi cho nhau hát.

Từ tháng 8-1945, cơ sở của ta tuyên truyền nhỏ lẻ đôi ba người từ nơi này tới xóm khác với nội dung : Phát xít Đức đã đầu hàng, quân phiệt Nhật sẽ thất bại. Độc lập mà Nhật ban cho là giả hiệu. Kêu gọi gia nhập các Hội cứu quốc, cùng Việt Minh đứng lên giành chính quyền.

Một hình thức nữa là tuyên truyền xung phong. Tại chợ xép cạnh nhà thờ ở Tân Phú được cơ sở tổ chức và bảo vệ, đồng chí Tiểu Nghi đứng trên ghế cao, công khai tuyên truyền, hô hào nhân dân hưởng ứng chủ trương của Mặt trận Việt minh.

Lúc này ở Phú Hải nằm trong vòng ảnh hưởng của Việt Minh có : cơ sở cũ trong Hội ái hữu xe ngựa, thanh niên trong và ngoài tổ chức Thanh niên tiên tiến, trong đội ban, trong lớp trẻ ngư dân, nông dân, diêm dân ; một số hàm hộ, cổ đông Công ty Liên Thành, lý hương tiến bộ.

Phong trào hoạt động cách mạng ở Phan Thiết, Hàm Thuận tác động mạnh đến Phú Hải. Giữa tháng 7-1945 biểu ngữ và truyền đơn Việt Minh xuất hiện nhiều nơi trong thị xã.

Ngày 8-8-1945 Hồng quân Liên Xô đánh tan đội quân Quan Đông rồi Nhật đầu hàng vô điều kiện.

Đêm 13-8-1945 Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc thành lập và hạ lệnh Tổng khởi nghĩa.

Ở Phan Thiết đêm 17-8 xuất hiện cờ đỏ sao vàng và biểu ngữ của Việt Minh. Đêm 21-8 Ủy ban Lâm thời Việt Minh tỉnh Bình Thuận họp bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền, chuẩn bị lực lượng bạo lực quần chúng. Các làng xung quanh thị xã, các lực lượng chịu ảnh hưởng của Việt Minh nhận được tín hiệu chuẩn bị sẵn sàng hành động Phú Hải rạo rục.

Sáng ngày 24-8-1945, Tỉnh trưởng Huỳnh Dư bàn giao chính quyền cho Ban lãnh đạo khởi nghĩa. Bộ máy chính quyền cũ ở Phú Hàm Thuận, hương lý các làng Phú Hải tự tan rã. Các công sở, đồn Bảo an binh, cơ quan ly bị hạ xuống, cờ đỏ sao vàng kéo lên tung bay trước gió. Trên nóc nhà thờ Phú Hải, cờ đỏ phấp phới trên nền trời xanh.

Tin khởi nghĩa thắng lợi, tin huy động lực lượng tham gia cuộc biểu tình tuần hành vào ngày 25-8 bằng nhiều nguồn truyền đi nhanh chóng đến Phú Hải và các làng ven thị xã.

Phú Hải chuẩn bị khẩn trương, phân công sắp xếp chuẩn bị đội ngũ (nhiều người nhắc tới vai trò anh Võ Thọ Sơn, ông Tư Xướng trong việc huy động thanh niên và hướng dẫn chuẩn bị).

Khoảng 12 giờ trưa 25-8, đội ngũ đoàn biểu tình Phú Hải có mặt tại đầu Cầu Quan. Phần lớn là thanh niên trong thanh niên tiên tiến, đội banh, trai lều, bạn chạ, trai cày, một số trung niên, vài người có tuổi trong Hội ái hữu xe ngựa, hàm hộ, cổ đông Công ty Liên Thành, hương lý tiến bộ. Phần lớn có gậy gộc, cọc chèo cầm tay, vài người khi đi ngang qua rừng dương bẻ cây làm gậy. Một tổ thanh niên được phân công đi trước, đón chờ tại ngã tư Kho Bạc (có các anh Võ Thọ Sơn, Phan Nhựt Tân, Lê Đình Xuân).

Cùng với đoàn biểu tình Mũi Né, đoàn Phú Hải lên đường. Khi đến trước đồn Bảo An binh (nay là cổng Tỉnh Đội) gặp 3 xe quân Nhật đang chia súng vào đồn và bịt lối đi. Đội ngũ Phú Hải được điều chỉnh : đưa trai tráng thân hình vạm vỡ, đủ gậy gộc, cọc chèo lên phía trước. Các đoàn biểu tình từ phía Phú Long và ga xe lửa dồn lại trước xe Nhật rất đông, khí thế hùng hục. Trước khí thế của các đoàn biểu tình và sự mềm dẻo, khéo léo của đại biểu Việt Minh, bọn Nhật nhượng bộ rút quân. Đoàn biểu tình Phú Hải hòa cùng 5 vạn nhân dân diễu hành qua các phố rồi tập trung tại sân vận động.

Ủy ban khởi nghĩa ra mắt đồng bào. Đồng chí Nguyễn Nhơn thay mặt Việt Minh tỉnh nói rõ ý nghĩa đấu tranh giành chính quyền thắng lợi, kêu gọi nhanh chóng triển khai các nhiệm vụ trước mắt, nhất là thành lập chính quyền cách mạng.

Những ngày sau, Phú Hải nhộn nhịp trong không khí hồ hởi thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể cứu quốc, tìm hiểu 10 chính sách của Việt Minh.

Đồng chí Tiểu Nghi, có ông Nguyễn Ngọc Hiệp (Mười Hạp) đi cùng, thay mặt Việt Minh phủ Hàm Thuận đến Phú Hải tổ chức cử Ủy ban cách mạng lâm thời các làng, tiếp nhận bàn giao Lâu Ông Hoàng. Đồng chí tới từng làng tập họp cơ sở, những người có cảm tình với cách mạng trong thanh niên, bạn chạ, trai lều, trai cày, trong giới hàm hộ, hương lý cũ. Đồng chí tuyên bố xóa bỏ chính quyền cũ nêu nhiệm vụ của Ủy ban cách mạng lâm thời và các đoàn thể cứu quốc. Sau đó động viên các thành viên trong cuộc họp cử người vào chính quyền mới và phụ trách thành lập các đoàn thể bằng hình thức gơ tay biểu quyết.

Mặc dù nhiệm vụ thật mới mẻ, trách nhiệm rất nặng nề nhưng sẵn lòng nhiệt tình hăng hái, những người dự họp đều ra sức tìm hiểu, cùng bàn bạc trao đổi và tự giác gánh vác, nhận công việc.

Ủy ban cách mạng lâm thời có 7 chức danh : Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các ủy viên : thư ký, tuyên truyền, quân sự, trật tự trị an, tài chánh - tư pháp (về sau có thêm tiếp tế, y tế vệ sinh).

Các đoàn thể cứu quốc có Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, các Nghiệp đoàn : xe ngựa, bán chà...

Ở làng Tân Phú : Ông Huỳnh Văn Bá (Bộ Bá) Chủ tịch, Hồ Văn Bảy thư ký, Đào Hữu Mai (Tư Xuông) ủy viên tuyên truyền, Nguyễn Hữu Sĩ ủy viên quân sự...

Ở làng Sơn Thủy : Ông Lê Xuân Bình (Bốn Bình) chủ tịch, Lê Văn Diệu ủy viên tuyên truyền, Đinh Văn Thông ủy viên quân sự...

Ở làng Xuân Hòa : Ông Trần Văn Lê (Bộ Lê) chủ tịch, Huỳnh Thị Cừu thư ký, Chín Ty ủy viên tài chánh...

Ở làng Thiện Chánh : Ông Lâm Vĩnh Bá (Bốn Bá) chủ tịch, Võ Thọ Châu thư ký...

Ở làng An Hải : Ông Hồ Thanh Cảnh (Bộ Dân) chủ tịch, ⁽¹⁾ Lê Trí Thức (Tám Hào) ủy viên trật tự trị an, Hồ Văn Sơn (Hai Tự) ủy viên tài chánh, Hương Ninh ủy viên quân sự...

Ở làng Ngọc Lâm : Ông Tăng Hữu (Hai Theo) chủ tịch, Văn Tấn Kinh ủy viên quân sự...

Ông Hồ Văn Lại (Tổng Lại) phụ trách Việt Minh tổng Lại An, ông Cao Xuân Lê phụ trách Việt Minh tổng Thắng An. Hai ông đều sử dụng Lầu Ông Hoàng làm trụ sở công tác, thường xuyên tiếp xúc với các làng.

Những ngày cuối tháng 8, Phú Hải tràn ngập không khí phấn khởi, náo nức chuẩn bị dự cuộc meeting lớn đón

1 Có người nói chủ tịch là ông Trần Thành (Tổng Thành).

chào ngày lễ đọc Tuyên ngôn độc lập dự định tiến hành ngày 2-9. Mọi người đang tự tìm cho mình một công việc dù nhỏ để hưởng ứng ngày độc lập thì nghe tin sáng 27-8 quân Pháp nhảy dù xuống Hàm Tân và bị nhân dân bắt gọn. Trưa hôm sau 28-8, một máy bay Pháp lượn vòng quanh đồi ở Ngọc Lâm, rồi nghe tin Tây nhảy dù xuống sân bay Ba Hai đang lẩn tránh hướng núi Cốt. Khắp làng già trẻ, trai gái cầm gậy gộc, giáo mác, dây thừng ủa nhau đi các ngã đường lũng tìm vây bắt (sự thực máy bay chỉ lượn vòng).

Các ngày sau, nhân dân nhận nhiệm chuẩn bị dự lễ. Thanh niên tập đội ngũ, phụ nữ may cờ, người viết chữ đẹp tập trung viết khẩu hiệu. Ai cũng chuẩn bị bộ quần áo lành lặn, thơm tất.

Người Hoa cũng hòa cùng niềm vui của người Việt, tự đứng ra tổ chức một bộ phận tham gia ngày 2-9. Tại nhà ông Trần Tôn Phú, thanh niên Hoa kiều tập trung làm mô hình máy bay khá đẹp để đi dự lễ, được xóm làng hoan nghênh.

Sáng ngày 2-9-1945 nhân dân Phú Hải nét mặt rạng rỡ, già trẻ, trai gái, giàu nghèo, lương giáo, Việt hoa, đội ngũ chỉnh tề, cờ băng khẩu hiệu hòa vào dòng người từ các ngã đường nối tiếp nhau như sóng cuộn tiến về sân vận động Phan Thiết. Trọng số trật tự viên sắp xếp đội hình dự lễ thấy có các anh ở Phú Hải như Võ Thọ Sơn, Thân Trọng Duyệt, Phan Nhựt Tân... vai đeo súng, ngực gắn phù hiệu hướng dẫn từng đoàn vào vị trí quy định. Sân vận động kín người.

Không khí trang nghiêm bao trùm buổi lễ. Vừa xúc động, vừa tự hào, mọi người im lặng, trật tự tham dự buổi lễ, có người vui mừng chảy nước mắt.

Buổi lễ kết thúc bằng một cuộc diễu hành biểu dương lực lượng, hàng vạn người nối tiếp nhau qua các đường phố chính của thị xã rồi tỏa về các ngã đường.

Từ đây nhân dân Bình Thuận trong đó có Phú Hải, thực sự là người dân của nước Việt Nam độc lập, chấm dứt những năm dài nô lệ.

Một cuộc đổi đời, lịch sử sang trang.

*

*

*



Ông Tiểu Nghi, thay mặt Việt Minh tuyên bố
xóa bỏ chính quyền cũ thành lập UB Cách mạng lâm
thời ở xã Phú Hải.

CHƯƠNG BA

KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

I - XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN NON TRÈ, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (2-9-1945 - 16-3-1946)

Cách mạng tháng 8 làm một cuộc đổi đời. Người dân Phú Hải từ người dân mất nước, bị nhiều tầng áp bức, mạng sống không bằng một gánh muối, trở thành người dân của nước Việt Nam độc lập, được quyền tự do, dân chủ và bình đẳng ; nam nữ giàu nghèo ai cũng có quyền bầu cử, các thứ thuế bất hợp lý các món nợ có tính chất bóc lột được xóa bỏ.

Khi bước chân ra đường, mọi người ngẩng cao đầu, chào nhau bằng nắm tay giơ cao, nét mặt hồ hởi, rạng rỡ, quyết tâm cùng nhau xây dựng chính quyền non trẻ, bảo vệ nền độc lập. Lương giáo hòa đồng, Việt Hoa thân thiện, giàu nghèo thông cảm nhau hơn, cùng chia sẻ niềm vui và nỗi lo toan xây dựng xóm làng. Người biết chữ tự nguyện dạy cho người chưa biết chữ. Một số người trước đây là dân đao búa, ăn đêm nay trở thành người dân lương thiện, hữu ích ⁽¹⁾ sôi nổi nhất là tầng lớp thanh niên tham gia tự vệ.

Ở các ngã đường đều có tự vệ đứng gác, gậy tầm vông hoặc giáo mác cầm tay, cuộn dây giắt ngang hông, ngày đêm tuần tra, thôn xóm yên vui. Các phân đội tự

1 Các ông Trần Văn Láu, Tư Cheo, Hai Quới... vào cầm tử đội chiến đấu dũng cảm hy sinh.

vệ chiến đấu được tổ chức khá chặt chẽ, có chỉ huy và huấn luyện. Phân đội Xuân Hòa - Thiện Chánh có anh Lâm Vĩnh Trúc phụ trách, phân đội An Hải có ông Nguyễn Thìn và Trần Xuân Định hướng dẫn. Nhờ sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm ⁽¹⁾ đội viên mặc đồng phục : quần "soóc" xanh, áo sơ mi trắng, mũ ca lô nâu, trang bị dao găm, ná tên, cuộn dây. Ngày ngày "cơm nhà" đi tập luyện đội ngũ, các động tác quân sự cá nhân : lặn, lê, bò, toài, đâm chém, ném lựu đạn hoặc hành quân ra núi Cổ tập bắn ná. Sau buổi tập giới phụ nữ thường tổ chức bồi dưỡng cháo gà, cháo cá.

Để đào tạo cán bộ, tỉnh mở lớp huấn luyện quân sự ở Phan Thiết, anh Nguyễn Xiu được cử đi học lớp này, thời gian hơn 1 tuần. Lớp học quân sự của Phú Hàm Thuận tổ chức tại Bình Lâm, thời gian 10 ngày, các anh chị Nguyễn Thìn, Hồ Văn Phê, Nguyễn Thị Lê được cử đi học.

Sau đó, cán bộ quân sự tỉnh đến Phú Hải tổ chức cho các phân đội tự vệ tập đánh trận giả tại khu vực làng Xuân Hòa (lựu đạn giả làm bằng đất sét bọc vải).

Ngày 17-9-1945, Phú Hải sôi nổi hưởng ứng "tuần lễ vàng". Mọi người nói với nhau : Cần có vàng để góp phần xây dựng đất nước, mua súng đạn bảo vệ Tổ quốc. Ban tổ chức cuộc vận động là các vị chủ tịch, các ủy viên tuyên truyền, tài chính, thư ký. Các trụ sở Ủy ban trang hoàng cờ hoa, khẩu hiệu. Ở làng Xuân Hòa, ban tổ chức

1 Ông Hồ Văn Tâm (Hào Tâm) ủng hộ mỗi đội viên một bộ đồng phục, ông Hồ Văn Sơn trang bị dao găm.

tới từng nhà vận động. Nhiều người già trẻ, nam nữ, Việt Hoa tự nguyện ủng hộ, có người gỡ tư trang đang đeo giao cho Ban tổ chức. ⁽¹⁾ Mỗi người ủng hộ được gắn một huy hiệu nền xanh, xung quanh viền kim tuyến, giữa có ngôi sao vàng để ghi nhận, khích lệ, biểu dương. Nhờ vậy Phú Hải góp phần cùng cả tỉnh ủng hộ 30 ký vàng xây dựng chính quyền cách mạng đang còn trứng nước (HT1, 62).

Tiếp sau Tuần lễ vàng, ở Phú Hải có một đợt vận động ủng hộ đồng để đúc đạn, lựu đạn, dân địa phương gọi là "Tuần lễ đồng".

Người dân Phú Hải ý thức rõ sự cần thiết của đồng đã hưởng ứng tham gia cuộc vận động này rộng rãi hơn. Các nhà tính toán lại vật dụng bằng đồng của mình từ mâm, nồi đến chuông, đèn, lư đồng rồi chia làm hai phần : phần để lại và phần ủng hộ, có nhà, phần ủng hộ nhiều hơn.

Lúc này, dọc đường đi có dán tranh, áp phích kêu gọi cứu đói cho nhân dân miền Bắc, có tranh vẽ gây xúc động lòng người. Thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch, nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào "hủ gạo cứu đói", mỗi bữa ăn, mỗi nhà bớt đi một nắm gạo bỏ vào hủ gạo cứu đói. Đến ngày góp gạo, nhiều nhà thấy hủ gạo cứu đói nhà mình ít, đã bỏ thêm vài lon nữa. Góp gió thành bão, Phú Hải góp phần cùng cả tỉnh gởi gạo

1 Chị Hồ Thị Mỹ ủng hộ 1 kiếng vàng, vợ ông Lâm Vĩnh Bá 1 lắc vàng 5 chỉ, vợ ông Hồ Văn Tâm 1 kiếng vàng, thiếu niên Huỳnh Văn Tuấn 1 khoen tai vàng, ông Âu Bang Quý (Tài Phú) 5 chỉ vàng...

cứu đói theo các đoàn tàu và ghe bầu chuyển ra các tỉnh phía Bắc.

Trong những ngày này ai nấy đều quan tâm theo dõi tình hình phía Nam. Ngày 22-9 quân Pháp đánh úp ta ở Sài Gòn. Ngày 23-9-1945 đồng bào Nam Bộ bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Ở Phan Thiết, tinh tổ chức tiễn đưa đơn vị của Bình Thuận tiếp viện cho Sài Gòn, chiến đấu ở mặt trận Thị Nghè. Đồng thời vận động nhân dân chăm lo cho các đơn vị Nam tiến tạm dừng chân chuẩn bị chiến đấu cũng như các đơn vị từ phía Nam ra.

Tháng 10, tình hình ở Phan Thiết căng thẳng. Theo lệnh quân Anh, tàu chiến đổ quân Nhật lên Thương Chánh nhằm chuẩn bị bàn đạp cho quân Pháp đánh chiếm Phan Thiết. Ủy ban ra lệnh cho bộ đội sẵn sàng chiến đấu, các cơ quan và nhân dân di chuyển tản cư ra khỏi thị xã.

Sáng ngày 11-11-1945, quân Nhật từ Thương Chánh bung ra đánh chiếm các công sở. Quân ta chặn đánh tiêu hao các mũi tấn công của chúng. Tiếng súng kháng chiến của quân dân Bình Thuận bắt đầu (LSĐBTH, 165).

Ngày 13, 14-11-1945 quân ta rút ra vùng ven thị xã hình thành thế bao vây. Hướng Phú Hài, sau khi rút quân qua sông, ta đặt mìn cho nổ sập Cầu Ké. Những ngày sau quân Nhật bố trí bên kia cầu, quân ta chốt chặn bên này cầu, rồi ban đêm đột nhập vào Phan Thiết đánh phá quân Nhật. Ở Tân Phú quân ta bố trí dọc sông và đóng quân rải rác trong dân. Làng Tân Phú đảm nhận

nhiệm vụ nuôi quân. Ban tiếp tế được thành lập (bà Nguyễn Thị Lý, ông Đặng Văn Đạt và Hội Phụ nữ). Vừa vận động nhân dân ủng hộ và giúp đỡ, vừa lo mua lương thực thực phẩm, tổ chức nấu ăn và dọn ăn. Việc nấu ăn được phân ra nhiều điểm (trong khuôn viên nhà thờ cũng có một điểm nấu ăn). Nơi ăn là nhà làng, nhà Sở Đoàn cũ, các nhà rộng rãi. Gần một tháng quân ta bao vây quân Nhật cũng là thời gian nhân dân làng Tân Phú góp công của tự nguyện nuôi dưỡng hàng trăm bộ đội.

Ngày 12-12, quân Nhật rút theo đường biển. Cờ đỏ sao vàng lại pháp phối khắp thị xã. Nhiệm vụ lúc này là vừa lo "kiến quốc", vừa chuẩn bị "kháng chiến kiên quyết".

Để tuyên truyền nhiệm vụ này, Đoàn sao vàng đến Phú Hải biểu diễn văn nghệ tại chợ. Mở đầu buổi biểu diễn là điệu múa của thiếu niên Phú Hải với bài hát "Dang tay ta tung hô muôn năm bóng cờ". Hình thức tuyên truyền này hấp dẫn thu hút đông người. Giữa buổi biểu diễn có giới thiệu phổ biến nhiệm vụ kiến quốc và kháng chiến, quyết tâm giữ vững nền độc lập. Có người gơ tay đề nghị giải thích những điều chưa rõ và được trả lời tại chỗ.

Tin tức phía Nam báo về cho biết mặt trận Thị Nghè, Cầu Bông bị vỡ, quân Pháp chiếm Biên Hòa, Thủ Dầu Một. Bộ đội rút về Phan Thiết, Hàm Thuận khá đông (gần 20 đơn vị). Phú Hải đón nhận bộ đội ông Vĩnh về đóng quân trong làng. Nhà hàng Ngọc Lâm, chùa Am, các nhà rộng rãi đều có bộ đội ở (nhà ông Võ Thọ Rút ở hơn tiểu đội).

Ban tiếp tế được hình thành gồm Ủy viên tài chánh, Hội Phụ nữ (trong đó có chị Huỳnh Thị Thiệu Đường) có nhiệm vụ vận động nhân dân ủng hộ, đứng ra mua và phân phối lương thực - thực phẩm cho từng phân đội. Nơi chứa và cấp gạo là nhà ông Lê Xuân Bình, nơi phân phối thực phẩm là lều ông Lâm Vinh Bá. Đồng thời tổ chức vận chuyển cá mắm của Phú Hải qua trạm Cây Xay và nhận rau quả, gà vịt từ đây về cung cấp cho bộ đội ông Vinh.

Không khí chiến tranh cảm thấy đến gần nhưng không làm ảnh hưởng đến niềm vui, phấn khởi chuẩn bị bầu cử quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Đây là sự kiện trước đó chưa từng có. Thời thuộc Pháp, người được quyền bầu cử phải là chức sắc, người giàu có và là đàn ông, biết chữ. Nay không phân biệt giàu nghèo, nam nữ, biết chữ hoặc chưa biết chữ, công dân từ 18 tuổi trở lên đều có quyền chọn bầu cử người mình tin nhiệm vào cơ quan quyền lực cao nhất.

Nguyên tắc "phổ thông đầu phiếu trực tiếp, bỏ phiếu kín..." thật là mới mẻ, mới được nghe lần đầu. Để giúp người dân hiểu rõ, các ủy viên tuyên truyền và Mặt trận Việt Minh tổ chức nhiều cuộc sinh hoạt phổ biến, giải thích. Một lần nữa Đoàn sao vàng lại đến Phú Hải vừa biểu diễn ca kịch vừa giải thích tiêu chuẩn đại biểu quốc hội, cách tìm hiểu và lựa chọn người đủ đức tài thay mặt cho dân. Tỉnh Bình Thuận được bầu 2 đại biểu quốc hội. Ứng cử viên có 14 người, dân Hàm Thuận ghép thành 2 câu văn vắn :

Tương, Nhung, Quang, Giảng, Trà, Thời, Chát

Đối, Luận, Đan, Nga, Đáng, Ngọc, Trinh.

Phủ Hàm Thuận tổ chức cho ứng cử viên tiếp xúc cử tri ở Bình Lâm. Các làng đến dự rất đông. Đoàn cử tri Phú Hải hơn trăm người mang theo cờ băng và gậy gộc. Sân bay Bình Lâm đầy người. Trên bục cao, có bắc thang, các ứng cử viên lần lượt lên giới thiệu tiểu sử và chương trình hành động của mình. Ứng cử viên Nguyễn Bá Giảng nói quá dài, cử tri xì xào "hữu xạ tự nhiên hương", ông ta đã trình bày gọn lại.

Ở Phú Hải cuộc vận động bầu cử khá sôi nổi. Mặt trận Việt Minh cổ động cho ứng cử viên Nguyễn Tương, một cán bộ cách mạng năm 1930, bị tù đày vẫn giữ được tinh thần đấu tranh chống Pháp giành độc lập. Ông Võ Thọ Rút một hàm hộ tiến bộ cổ động cho ứng cử viên Huỳnh Tấn Đối, một bác sĩ tư chữa bệnh cho dân, có nhiều thân chủ ở Phú Hải, một trí thức chưa làm điều gì có hại cho dân. Nơi bầu cử được trang hoàng cờ hoa rực rỡ (nhà làng Xuân Hòa, Thiện Chánh, nhà Sở Đoàn cũ). Ngày 6-1-1946, công dân Phú Hải dậy sớm, quần áo tươm tất rủ nhau đi bầu cử. Trang trọng, trách nhiệm, trật tự, các cử tri đã tự tay mình bỏ lá phiếu giao trách nhiệm quyết định vận mệnh đất nước cho người mình tin nhiệm.

Kết quả bầu cử ở khu vực Phú Hải tập trung cao phiếu cho hai ứng cử viên Nguyễn Tương và Huỳnh Tấn Đối, phù hợp với sự tin nhiệm của nhân dân trong tỉnh bầu ra hai vị đại biểu quốc hội đầu tiên của tỉnh Bình Thuận.

Tin tức báo về cho biết mặt trận Xuân Lộc bị vỡ. Bình Thuận điều động lực lượng án ngữ Rừng Lá, phá sập cầu 30, 37, huy động tự vệ cửa cây làm vật chướng ngại cản đường.

Ngày 25-1, chiến hạm Pháp lớn vờ trước vịnh Phan Thiết, đêm quét đèn pha vào Thương Chánh, ánh sáng lan tỏa đến Phú Hải, dân thao thức, ngủ không yên.

Ngày 28-1, được tin quân Pháp chiếm Phan Rang. Ủy ban kháng chiến tỉnh ra lệnh bộ đội sẵn sàng chiến đấu di chuyển cơ quan, tản cư nhân dân, tiến hành tiêu thổ kháng chiến, thực hiện vườn không, nhà trống.

Bộ đội ông Vinh được lệnh đưa phân đội anh Trần Đình Nộ tăng cường trận tuyến Phú Long và di chuyển về hướng Chợ Dầu, để bộ phận tiếp tế ở lại vận chuyển hơn 10 tấn gạo đi sau.

Ngày 29 và 30-1 phía thị xã nhiều cột khói lửa tiêu thổ kháng chiến bốc lên cao.

Nhân dân Phú Hải gấp rút tản cư. Tài sản quý, vàng bạc, đồ kiểu, đồ đồng được chôn giấu. Mỗi người có một túi vải hoặc túi lác tùy thân, đựng quần áo, lương khô (bánh trắng, bánh tét, bánh in, cốm, gạo rang...) phòng khi thất lạc nhau vẫn có ăn. Mỗi gia đình thu gọn tài sản của mình trong một đôi quang gánh để dễ dàng tản cư. Có nhà di chuyển ván tủ hoặc chôn gạo ven rừng rạp cây đánh dấu. Nơi tản cư là các vùng núi Cố, động Cát Đỡ, chùa Giếng, ven rừng Phước Môn, Dương Xuân. Ủy ban cử một bộ phận ở lại chỉ đạo, còn phần lớn tản cư theo dân. Phú Hải nhận lệnh phá Cầu Quan. Không có mìn làm sao phá được cầu? Ông Lâm đề nghị đốt cầu và được chấp nhận. Củi khô, cành cây chất đầy cầu. Ông Âu Bang Quý (Tài Phú) ủng hộ 2 thùng dầu lửa.

Cầu Quan rùng mình bốc lên cao ngọn lửa tự thiêu hủy mình ngăn giặc qua sông ⁽¹⁾ Cây me, cây trôm được chặt đổ ra đường làm vật chướng ngại.

Ngày 31-1-1946 (29 Tết), quân Pháp hành quân cơ giới, trên chở một số quân Nhật giả làm bộ đội Việt Minh cầm cờ đỏ sao vàng đi trước, từ phía Bắc tiến về Phan Thiết. Đến Phú Long bị quân ta chặn đánh dữ dội, trận chiến diễn ra hai bên phố đến cầu. Với thế mạnh, địch vượt qua cầu tiến vào Phan Thiết lúc 14 giờ cùng ngày.

Sáng 1-2-1946 (30 Tết) tự vệ Phú Hải được lệnh huy động lên Phú Long thu thập và di chuyển 11 thi hài chiến sĩ hy sinh về Cây Me Ông Táo ở Chợ Dinh, tổ chức lễ mai táng. Phụ nữ Phú Hải gánh bánh tét, bánh tráng, lên tiếp tế cho tự vệ làng mình.

Buổi chiều, quân Pháp từ trung tâm thị xã nổ súng ra hướng Đông Bắc. Đúng bên kia Cầu Ké bị sập, chúng la hét, chỉ chỗ rồi bắn súng máy và mìn về phía Tân Phú, Phú Hải. Lần đầu tiên nghe súng nổ gần, tưởng địch đã tới nơi, nhiều người đang làm vịt cúng tất niên, vội xách chạy. Đêm 30, lễ cúng gọn lại, lặng lẽ, lo âu.

Ngày 5-2-1946 (mùng 4 Tết) quân Pháp qua Phú Hải. Từ mờ sáng nhiều nhà thức dậy sớm lo cúng tất đã nghe tiếng ô tô âm ì từ hướng Phú Long vọng tới. Trời sáng tỏ thì đoàn xe địch dừng lại ở ngã ba, đổ quân xuống. Chúng bắn dân đang chạy, cho xe có đầu tời kéo chướng ngại vật dạt sang hai bên đường rồi tiến chiếm

1 Mặt cầu bằng gỗ bị cháy không hoàn toàn, về sau Pháp muốn qua cầu phải lát ván.

nhà trường Xuân Hòa. Chúng tỏa ra các xóm, vào nhà sục sạo cướp giết nữ trang, hiếp phụ nữ, đánh người, tra hỏi Việt Minh, tiếng kêu la dọc đường làng. Một bộ phận tiến chiếm Lâu Ông Hoàng, đặt ống nhòm quan sát, thấy dân gồng gánh chạy tản cư, chúng bắn súng máy, mọcchê giết chết người dân ở xóm Lặn (anh Tuông con ông Vạn Thông). Trưa chúng ở lại nhà trường và xung quanh. Chiều chúng đốt một số nhà rồi rút về Phan Thiết (trong đó có nhà bà Tám Thành). Ngày đầu tiên đến Phú Hải, quân Pháp bộc lộ rõ bản chất quân cướp nước, đánh người, cướp của, hãm hiếp, đốt nhà, bắn chết dân thường.

Ủy ban bàn với dân cất giấu tài sản kỹ hơn, tăng cường canh gác báo động kịp thời tranh lánh, tổ chức truyền tin miệng từ Cầu Quan về An Hải, ra Ngọc Lâm, đến Động Cát Đổ.

Cuối tháng 2-1946, để phù hợp với tình hình mới, Hàm Thuận tổ chức lại hệ thống hành chánh, bỏ phủ và tổng, thành lập huyện và 6 khu hành chánh, từ 63 làng ghép thành 20 xã lớn hơn.

Ý thức rõ sự cần kíp này, Phú Hải hợp nhất 6 làng Sơn Thủy, Xuân Hòa, Thiện Chánh, An Hải, Ngọc Lâm, Tú Lâm thành xã Tân Dân có 3 thôn : Tân Phước, Tân Lộc, Tân Thọ. Mỗi thôn trên cơ sở 2 làng cũ. Chủ tịch Ủy ban hành chánh kháng chiến xã ban đầu là ông Lâm Vinh Bá, về sau là ông Trần Thành ; thư ký anh Võ Thọ Châu, các ủy viên khác như các ông Bộ Lê, Lâm, Tư Lâu, Lâm Vinh Long... Cán bộ thôn được cử ra từ ủy ban các làng cũ thu gọn lại, chủ yếu là thôn trưởng, công an, quân sự (ở thôn Tân Lộc, ông Hồ Thanh Cảnh thôn trưởng, ông Trần Đình công an).

Lúc này làng Tân Phú hợp nhất với hai làng Khánh Tường, Vĩnh Thạnh thành xã Dân Định. Chủ tịch là ông Trần Đình Trúc, thư ký ông Hồ Văn Bảy, công an ông Nguyễn Hữu Thanh... cả 2 xã đều thuộc khu II hành chính do ông Tiểu Nghi làm khu trưởng.

Nhờ tổ chức lại hệ thống hành chính 6 làng bên tả ngạn thống nhất một đầu mối chỉ đạo, đội ngũ cán bộ tinh gọn hơn, liên lạc trực tiếp với khu II nhanh hơn (ở chùa làng Phước Môn), sự chỉ đạo của huyện cũng thường xuyên và kịp thời hơn. Nhân dân Phú Hải từng bước được chuẩn bị kháng chiến lâu dài với tình huống Pháp có thể đóng đồn như Kim Ngọc.

Hoạt động của Ban kiến thiết (sau này là Danh dự đội) ở làng Tân Phú khá mạnh, kiểm soát chặt chẽ chủ trương "bất hợp tác" với địch làm chùn bước bọn "vô hình" định mò vào dò la tin tức.

Ngày 6-3-1946 ta và Pháp ký hiệp định sơ bộ. Ở Bình Thuận, ta lấy nhà làng Phước Môn làm địa điểm gặp gỡ hai bên. Cờ đỏ sao vàng ở nhà làng Phước Môn, Sơn Thủy, trên nóc nhà thờ Phú Hải tung bay báo hiệu vùng ta kiểm soát. Địch từ Kim Ngọc xuống làng Tân Phú lùng bắt người treo cờ, bắn cờ trên nóc nhà thờ, bắn mồi ché về phía nhà làng Sơn Thủy, cờ đỏ đang phấp phới.

Vài ngày sau, trời vừa tối, mới lên đèn, Tây đồn Kim Ngọc bất ngờ ập vào làng Tân Phú, vây nhà ông Đào Hữu Mai là ủy viên tuyên truyền mà chúng cho là người treo cờ trên nóc nhà thờ. Chúng đốt nhà, bắt ông

về đồn tra tấn nhưng không moi được tin tức gì. Thời gian sau chúng thủ tiêu ông sau dinh Bà Thiên Hậu (ông là một trong các liệt sĩ đầu tiên của xã).

Bất chấp Hiệp định sơ bộ, chúng đẩy mạnh hoạt động quân sự, mở rộng vùng chiếm đóng, trước hết là các xã vùng ven nằm trên trục giao thông. Ngày 16-3-1946, Pháp tổ chức một cuộc hành quân lớn, chiếm đóng Phú Hải (cùng ngày, chúng đóng đồn Rạng). Ban đầu chúng đóng quân tại nhà trường Xuân Hòa, thời gian sau, chúng chuyển lên đóng đồn ở Lầu Ông Hoàng. Từ đây nhân dân Phú Hải hoạt động kháng chiến trong tình thế mới, có đồn địch trên đất xã mình.

II - NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (16-3-1946 - 14-6-1947)

Đồn Lầu Ông Hoàng là một cao điểm quân sự án ngữ Đông Bắc Phan Thiết, cạnh tỉnh lộ 9, cùng với đồn Kim Ngọc tạo thành vòng cung bảo vệ Sở chỉ huy quân Pháp ở thị xã. Quân đồn trú có một trung đội. Chỉ huy là tên lê dương người Pháp, tên là Brière, cấp bậc sergentchef dân gọi là "Tây mặt đỏ". Có một đội người Việt tên là An (trước là lính khố xanh, sau vào bộ đội rồi sợ gian khổ bỏ về theo Pháp). Lính phần lớn là người dân tộc Tây Nguyên, có người cà răng (dân gọi là lính thồ).

Đồn Lầu Ông Hoàng thuộc quyền chỉ huy của đồn trưởng Kim Ngọc, làm nhiệm vụ đồn trú, chiếm đóng và kiểm soát hoạt động Việt minh. Nhược điểm là đồn ở xa và tách rời khu dân cư, từ đồn xuống làng hơn 500 mét.

Lợi dụng nhược điểm này, hoạt động kháng chiến của xã áp dụng hình thức "bán công khai" (PT1, 132) tạo thành hình thái hai chính quyền song hành.

Sau khi ổn định đồn trú, địch liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân ra núi Cốt, Động Cát Đổ, chùa Giếng ép buộc dân trở về. Đang thời điểm cần chuẩn bị trông tọt kịp vụ và đánh bắt cá, đồng thời tránh nguy cơ bị địch chia tách khỏi dân, Ủy ban xã cùng trở về với dân, lãnh đạo nhân dân kháng chiến. Việc đầu tiên là phải có chỗ ở bí mật, che giấu tung tích, nắm sát tình hình địch để có chủ trương đối phó.

Nhiều hầm bí mật được tạo dựng, ban đầu thường là vách đôi, thùng lều 2 đáy, nhiều nhất ở An Hải, Thiện Chánh, Xuân Hòa, có hầm chứa hơn 10 người. Quanh chợ Phú Hải thường ngày địch có mặt vẫn có hầm bí mật (thùng lều 2 đáy, nhà ông Lâm Vĩnh Bá, Lâm Vĩnh Long, Huỳnh Văn Mỹ, vách đôi nhà ông Trần Văn Hàng, hầm dưới bếp nhà ông Năm Tỳ...). Ít ai biết nơi ăn ở và làm việc của cán bộ xã thôn. Cán bộ được đặt và gọi tên mới, nhất là trên giấy tờ. Ông Lâm Vĩnh Bá đổi tên là Nguyễn Biên, ông Trần Xuân Định đổi tên là Trần Đình. Hệ thống theo dõi báo tin địch được bố trí nhiều hướng: Tây trên đôn xuống làng, đôn Kim Ngọc tới, ở Rạng vô, phía biển vào... Nhiều người tự nguyện tham gia như quán nước, bến đò, người đi chợ, gánh nước sớm, các em thiếu niên.

Làng Tân Phú không có đôn địch nhưng ở thế bị kẹp giữa nhiều hướng : địch ở Phan Thiết qua, đôn Kim Ngọc xuống, Phú Hải lại, giáp biển. Chỉ có hai kẻ hở là cánh đồng muối và cánh đồng lúa trồng trái phía Khánh Tường và Vĩnh Thạnh. "Căn cứ lõm" nơi cán bộ và Cẩm tử đội thường bám trụ là Xóm Ốc, xóm Mù U có rừng bản sát cạnh. Con đường rút về dinh Bà Thiên Hậu sát rừng phải vượt sông đoạn Chợ Dinh và đường liên hương. Phú Hải - Phú Long. Vì vậy lúc nào cũng đề phòng địch vây quét.

Cán bộ Ủy ban và các đoàn thể cứu quốc sống và làm ăn với dân, kịp thời hướng dẫn nhân dân nên đã tạo được niềm tin và chỗ đứng trong lòng dân.

Sau khi lừa dân về hồi cư xong, địch gấp rút dựng lập các Ban hội tề, buộc dân chúng sử dụng giấy thông hành, bắt đầu kiểm soát dân làng.

Chúng vây ráp bắt dân lên đồn, ra sức dụ dỗ, mua chuộc, răn đe, dọa dẫm buộc hương lý cũ, người biết chữ phải ra làm hội tề cho chúng. Không ai chịu làm và cũng không dám làm vì sợ cách mạng trừng trị. Không chịu thua chúng buộc phải cử người, dọa tra tấn, bán bỏ hoặc giam lại không thả về. Một số cụ già sợ sệt, nêu tên người này người nọ để được thả về. Cán bộ xã kịp thời gặp giải thích rõ âm mưu địch, đồng thời chiến sĩ Phòng điệp góp ý khuyên răn. Nhờ đó có người tìm cách từ chối khéo. Về sau chúng cũng dựng được Ban hội tề nhưng những người này liên lạc, báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban, có người làm việc cầm chừng hoặc sau vài ba tháng lấy cơ già yếu, bệnh tật xin nghỉ việc.

Chúng buộc dân phải có giấy thông hành do chúng cấp, từ đó chúng có thể phát hiện những người bất hợp tác với chúng, dò ra manh mối, cơ sở cách mạng. Thời gian này ta chủ trương chống phá giấy thông hành.

Do Cầu Ké bị sập, Cầu Quan bị cháy, đường Mũi Né Phan Thiết phải qua hai bến đò Phú Hải. Tại đây lực lượng Phòng điệp kiểm soát nhiều giờ trong ngày, kiểm tra hủy bỏ giấy thông hành, giải thích, khuyên răn và có lúc sử lý nghiêm khắc, gây cho địch nhiều khó khăn trong quản lý dân.

Về hoạt động của địch gần như thành quy luật : từ sáng đến 10 - 11 giờ trưa Tây đồn thường xuống làng,

quanh chợ lục soát, bắt đánh những người chúng nghi là Việt Minh, hoặc vào nhà dân cướp của. Năm ba ngày Tây đồn Kim Ngọc đi "pa trui" Phú Hải, có đêm phục kích tại chợ.

Ban đầu chúng cướp tiền Đông Dương, bông tai phụ nữ. Về sau chúng vào nhà nghi chôn giấu tài sản quý dùng cây sắt đầu nhọn "xăm nhà". Chúng xăm nhà ông Hương Giác phát hiện khạp đồ đồng, bạc các. Chúng lấy tiền rồi bảo người nhà xếp đồ đồng lên các bàn thờ xem có thật là đồ đồng thờ cúng hay là nơi Việt Minh cất giấu đồ đồng để đúc đạn.

Chúng thường bắt đánh thanh niên, truy bức khai báo Việt Minh nhưng với ý thức toàn dân giữ bí mật. Chúng khó lòng phát hiện. Có lần chúng nói chuyện với thợ cắt tóc mà người đang ngồi cắt tóc là anh Nhâm cảm tử đội có bọc lựu đạn trong mình.

Hàng tuần chúng buộc Ban hội tế bắt dân đưa lên đồn gánh nước, dọn vệ sinh, rào đồn...

Hoạt động kháng chiến của ta được duy trì bí mật. Ủy ban không có trụ sở chính thức, Chủ tịch và các ủy viên, mỗi người ở mỗi nơi, có hầm bí mật (ông Lâm Vĩnh Bá thường ở nhà ông Trần Sâm có vách đôi...). Khi họp thì lựa chọn địa điểm, bố trí canh gác cẩn thận (như nhà ông Chủ Lầu, Hương Giác, Dinh Cố...). Xã có một tổ in ấn tài liệu bằng bột nếp do anh Võ Thọ Châu ủy viên thư ký phụ trách, giúp việc có anh Nguyễn Thi và chị Hai Đầu. Nơi in tài liệu là nhà ông Võ Thọ Rút có vách

đôi và thùng lều hai đáy. Con dấu của Ủy ban xã giao cho anh Trần Tấn Lộc (Cao Ly) liên lạc cất giữ sau khi làm việc xong. Anh Lộc thường giấu trên hốc cây me nhà ông Lâm Vĩnh Bá. Công văn, giấy tờ được anh Châu thư ký phân loại cho vào chai hoặc ống thuốc đem chôn và đánh dấu khi cần thì đến lấy (thường chôn xa nhà, tránh liên lụy cho dân). Liên lạc xã có ông Nguyễn Tứ, anh Trần Tấn Lộc và bà Cai (mẹ anh Trần Nhứt Tân). Bà Cai đi lại công khai, chuyển tin tức và vật phẩm của xã Tân Dân cho khu II, địa điểm hẹn gặp thường gần Chùa Cháy (Phước Môn).

Các đoàn thể cứu quốc như thanh niên, phụ nữ, nghiệp đoàn, thiếu nhi duy trì được sinh hoạt, có chương trình hoạt động ủng hộ kháng chiến, bảo vệ cán bộ, giữ bí mật, báo tin địch, tham gia dân quân, tòng quân nhập ngũ. Đêm Trung thu vẫn tổ chức cho các em tụ tập sinh hoạt vui chơi (tại sân nhà ông Hồ Thanh Cảnh).

Trung đội dân quân do anh Lâm Vĩnh Trúc chỉ huy có 2 khẩu súng trường, thường tập hợp sinh hoạt ở nhà làng Thiện Chánh (sau đình Ba Bà). Khi xã cần họp dân với số lượng đông thường chọn địa điểm Miếu Cá, vừa rộng, dễ quan sát địch vừa tiện phân tán rút lui.

Để giúp đỡ các nghiệp đoàn hoạt động, ông Nguyễn Thìn được gọi lên Rẫy Thơm gặp đồng chí Nguyễn Tương giao nhiệm vụ đi Xóm Biển dự tập huấn. Ông Thìn đi thuyền (do Bảy Ủ lái) theo đường biển vào tập huấn rồi trở về bằng đường bộ (dọc đường nghe tin ta và Pháp ký tạm ước 14-9-1946).

Phong trào ủng hộ tài vật lực cho kháng chiến tiếp tục được duy trì. Cá khô, nước mắm - Phú Hải, hạt muối Tân Phú vẫn bí mật chuyển lên rừng. Phú Hải không phải là vùng lúa gạo nhưng vẫn có gạo ủng hộ bộ đội, đó là gạo của phong trào "hũ gạo nuôi quân", một hình thức vận dụng "hũ gạo cứu đói" cuối năm 1945.

Nguồn tài chánh của cách mạng gặp khó khăn, Ủy ban tỉnh Bình Thuận tổ chức vận động nhân dân ủng hộ hoặc cho cách mạng mượn khi nào kháng chiến thành công sẽ hoàn trả. Tuy chưa biết lúc nào kháng chiến thành công, nhưng với lòng yêu nước góp phần mình vào cuộc kháng chiến toàn dân, nhiều nhà đã ủng hộ (gần 400 nhà) và nhiều nhà đã sẵn lòng cho cách mạng mượn tiền (hiện nay còn lưu giữ giấy mượn tiền số 098 do Chủ tịch Ủy ban hành chánh Tỉnh bộ Bình Thuận Nguyễn Đức Dương ký ngày 27-9-1946, mượn 500 đồng Đông Dương của ông Nguyễn Ngọc Diêu khiếm thị). Cuộc vận động này khá rộng, kết quả, bộ phận của tỉnh về xã (ông Nguyễn Đức Dương, Văn Công Lực...) được bảo vệ an toàn, địch không phát hiện được.

Lúc này lực lượng vũ trang của ta còn non yếu, gặp nhiều khó khăn, gian khổ nhưng một số thanh niên ý thức nhiệm vụ trai thời loạn "bí mật tìm cách gia nhập bộ đội để được trực tiếp đánh Tây như các anh Phạm Cửa, Nguyễn Văn Đắc, Lại Ngọc Năm (các anh chiến đấu dũng cảm, là liệt sĩ đã hy sinh).

Lực lượng Cảnh tử đội ở Phú Hải thuộc khu 1 (sau này là trung đội 1, sở chỉ huy đóng ở xóm Cồn) hoạt động theo phương thức "tổ chim sẻ", lúc hợp lúc tan, xâm

nhập vào thị xã thường qua các điểm hành lang như Bến Đò, Xóm Ốc, Gò Me, Cầu Ké, Cột Thê. Nơi trú quân thường là Xóm Ốc, xóm Mù U, làng An Hải, Thiện Chánh.

Xóm Ốc gần rừng bần ngập nước lầy lội, Tây mang giầy đinh, ngại sụp lầy, được coi là khá an toàn. Nhiều lần Cẩm tử đội và cán bộ cơ sở kịp rút vào rừng bần đã thoát được nguy cơ địch đang truy đuổi (vì vậy có thời gian Cẩm tử đội nghiêm cấm chặt phá bần). Những nhà cạnh rừng bần (như nhà ông Hai Liễu) thường giúp đỡ Cẩm tử đội làm nơi ăn ở. Nhà thờ cũng là địa điểm trú đêm tạo bất ngờ.

Ở An Hải, nhiều nhà nuôi dương che chở cho Cẩm tử đội. Nhà bà Phụng (mẹ liệt sĩ Phạm Văn Phụng) có hầm bí mật chứa hơn 10 người, là nơi anh "Lộc Nhi" chính trị viên Trung đội 1 thường lui tới, họp bàn kế hoạch chiến đấu. Nhà bà Ba Gạo (mẹ ông Hai Àng) cạnh bến đò là một cơ sở tích cực, đêm nào cũng thức chờ, hễ nghe tiếng hú ám hiệu thì lập tức đưa đò qua sông đón anh em trở về.

Ở Xóm Mù U, Cầu Ké có địa điểm mà Cẩm tử đội tin cậy là nhà ông Nguyễn Hồ (cha liệt sĩ Nguyễn Nhơn) làm nghề đánh xe ngựa.

Người Hoa ở Phú Hải có cảm tình với cuộc kháng chiến của ta, có lợi thế là ngoại kiều ít bị địch nghi ngờ, có lần Tây đồn mời lên uống cà phê. Có người ủng hộ giúp đỡ Cẩm tử đội như ông Âu Bang Quý. Có người quan hệ và cung cấp tình hình địch cho ta như ông Trần Tôn Phú (có lần ông theo cơ sở của ta là bà Đỗ Thị Lý

lên sau dinh Bà Thiên Hậu gặp anh Thoại cán bộ quân báo trao đổi về tình hình địch).

Cuối năm 1946, địch coi Phú Hải là vùng ổn định. Còn ta, nhờ kịp thời chuyển phương thức hoạt động đã duy trì được chính quyền cách mạng, giám sát được Ban hội tề, bảo toàn được cơ sở, tiếp tục thúc đẩy hoạt động kháng chiến.

*

* *

Sang năm 1947, thực hiện lời kêu gọi "Toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946) cả nước bước vào cuộc trường chinh chống Pháp.

Ở Bình Thuận, địch đang thế mạnh, ra sức bình định vùng chiếm đóng, tung lực lượng cơ động vào rừng sâu tìm diệt cơ quan lãnh đạo và bộ đội ta. Còn ta, sau khi củng cố, cũng giáng trả địch một số đòn hiểm ác hỗ trợ cho phong trào du kích chiến tranh bắt đầu chớm nở. Cuộc chiến đấu có cường độ lớn hơn.

Ở Hàm Thuận, địch củng cố bộ máy tay sai từ phủ đến xã. Chúng mua chuộc, thưởng công và bắt đầu xuất hiện một số hội tề nguy hiểm đe dọa đánh phá cơ sở cách mạng. Huyện Hàm Thuận tổ chức một đợt trừ gian diệt tề. (PT1, 76) phá thế kềm của địch, đã "diệt nhiều tên gian ác và bắt sống 60 tên khác để xử tội (THCP, 92). Nhân nhân phấn khởi, tề điệp lo sợ, địch điên cuồng đốt nhà, bắn giết dã man nhiều người.

Ở Phú Hải, Ban hội tế chịu sự giám sát của cách mạng với yêu cầu tìm cách tạo điều kiện cho dân đi lại làm ăn dễ dàng, che giấu hoạt động kháng chiến giảm bớt tổn thất khi bị địch đánh phá. Đồng thời ta gài một số người là cơ sở của ta vào bộ máy hội tế (ông Huỳnh Văn Mỹ chúng giao làm Còm-mít-xe, ông Lâm Vinh Long chúng sử dụng làm thông dịch viên khi cần).

Tháng 5-1947, tại Đá Ông Địa, lực lượng tự vệ ông Trương tiêu diệt đoàn xe 3 chiếc GMC của chúng. Địch ở Đồn Lâu Ông Hoàng tăng cường số lần xuống làng thay đổi giờ giấc đi về, lùng sục, dò la tin tức. Một buổi sáng, chúng xuống chợ, đến trưa không về mà phục lại sau chợ. Khi chợ tan, chúng phát hiện hai chiến sĩ Cẩm tử đội và truy đuổi. Hai anh lui vào ẩn tránh trong nhà ông Phụ Dư (ông Dư là giáo dân Quảng Bình vào Phú Hải làm nghề phụ chèo đò). Chúng bao vây kêu gọi đầu hàng. Đáp lại là tiếng nổ vang của lựu đạn từ trong nhà tung ra về hướng chúng. Từ nhiều phía súng địch nhả đạn, căn nhà lá mờ trong khói súng. Hai anh hy sinh, vợ chồng ông Phụ Dư cũng bị chúng bắn chết. Trước sự kiện này, người dân Phú Hải xúc động mạnh, ý thức đối kháng địch tăng lên cùng với tinh thần cảnh giác giữ bí mật tránh sơ hở.

Địch tăng cường phòng bị. Chúng bắt dân rào đồn kỹ hơn, nhất là phía sau đồn rào tre còn sơ sài. Đồn được trang bị thêm một đại liên kiểu mới tên là Vích-ke mới được đưa vào Việt Nam. Để khoe khoang, tên đồn trưởng mời người Hoa (các ông Trần Tôn Phú, Huỳnh Nhơn) lên đồn uống cà phê, coi bắn thử súng mới.



Ông TRẦN THÀNH, Chủ tịch xã Tân Dân.



Ông LÂM VINH BÁ,
Chủ nhiệm Mặt trận Liên Việt xã Tân Dân.

Cũng thời gian này, quân báo của ta bí mật xâm nhập vào Phú Hải điều tra nghiên cứu tình hình địch. Bộ phận quân báo này do đồng chí Nguyễn Đình Hữu, trung đội phó của Trung đoàn 82 tăng cường cho đại đội Hoàng Hoa Thám chỉ huy. Nơi đào hầm bí mật để ẩn nấu là nhà bà Đỗ Thị Lý cách chợ 50 mét. Ông bà Lý và hai con gái là Nguyễn Thị Lê, Nguyễn Thị Ngọc cùng tham gia đào hầm, nuôi dưỡng và che giấu (theo giấy xác nhận có công với cách mạng).

Ở làng An Hải, trong nhà ông Trần Đình lại thấy có một anh bộ đội mua cá, tên là Tự quê xã Ung Chiếm, thường dò hỏi đường đi từ đồn xuống chợ. Vài ngày sau cả hai bộ phận này lặng lẽ rút lui, mọi sinh hoạt trong làng vẫn ở trạng thái bình thường. Địch lo ngại. Chỉ huy đồn Kim Ngọc mật bàn với đồn trưởng Lâu Ông Hoàng tiến hành một mưu kế thâm độc. Chúng giả làm bộ đội Việt Minh tấn công đồn Lâu Ông Hoàng rồi kêu gọi dân làng đi tiếp ứng cho Việt Minh nhằm làm bực lộ rõ lòng dân Phú Hải mà chúng nghi ngờ là theo Việt Minh.

Đêm 16-4 âm lịch (4-6-1947) Tây đồn Kim Ngọc chỉ huy một trung đội lính pác-ti-dăng trong đó có tên đội Sư gian ác, mặc quần áo đen, bí mật tiến về Phú Hải vào ẩn phục trong nhà trường Xuân Hòa. Rồi trên đồn Lâu Ông Hoàng tiếng súng các loại nổ dữ dội, kéo dài như một trận công đồn thực sự. Sau đó dưới ánh trăng mờ, dọc theo đường làng có tiếng kêu gọi hô hào nhân dân nhanh chóng đi tiếp ứng cho bộ đội ta đang đánh đồn, nơi tập trung là nhà trường. Tương thật cả làng phấn chấn, xã đội phó gọi dân quân. Thanh niên từ các

xóm ngô đổ xô ra đường chạy về phía nhà trường với những gì có thể làm vũ khí được. Anh Lê Thạch vác chiếc búa bừa củi, ông Lâm Vinh Long cầm khoan thợ mộc, anh Trần Văn Tấn xách dao còn dừng lại tảng đá trước nhà ông Trần Tôn Phú mài vội dao cho bén.

Nhóm dân quân đi đầu vừa đến gần thì bỗng nghe tiếng Tây hô bắn, lửa đạn tuôn ra cổng trường rồi địch chuyển súng máy bắn dọc đường làng. Sáu người con trai Phú Hải ngã xuống, máu thấm vào lòng đất quê hương. Xóm làng náo loạn, tiếng giày đinh rầm rập, tiếng địch hò hét, tiếng súng bắn vào các ngô xóm. Chúng sục vào nhà, tra hỏi tìm bắt Việt Minh, cấm dân ra đường. Một đêm đau thương. Sáng hôm sau, gia đình và xóm làng, qua Ban hội tề tìm cách giấu tống tích người hy sinh, nhận thi hài chôn cất chu đáo. Mộ được sắp thành hàng ngang thứ tự theo tuổi : Đào Quang Sạn, Lê Văn Ty, Lê Thạch, Võ Thọ Sáng, Trần Văn Tấn, Hồ Văn Ngự (các anh đều được công nhận là liệt sĩ).

Ủy ban xã tiến hành một đợt giáo dục vạch trần âm mưu địch tàn bạo, nâng cao ý chí căm thù, cảnh giác, chấn chỉnh công tác quan sát theo dõi địch ban đêm, động viên tiếp tục đấu tranh với địch, kêu gọi thanh niên tòng quân giết giặc.

Ủy ban xã lại nhận được mật báo của đại đội Hoàng Hoa Thám mời họp bàn nắm tình hình bên trong đồn Lầu Ông Hoàng để chuẩn bị cho một kế hoạch tấn công. Yêu cầu phải có bản sơ đồ, bố trí lực lượng, binh khí kỹ thuật trong đồn. Ủy ban xã bàn bạc, cân nhắc lựa chọn 2 người đảm trách nhiệm vụ quan trọng, bí mật và nguy

hiểm này. Ông Trần Thành Chủ tịch xã trực tiếp giao nhiệm vụ cho anh Võ Thọ Đoán (có em là liệt sĩ Võ Thọ Sáng mới bị địch bắn chết đêm 4-6) và anh Ngô Đăng Huệ⁽¹⁾ nhận viên chạy giấy của Ban hội tề được phép lên xuống đồn. Căn cứ vào lời kể của anh Huệ sau khi lên đồn quan sát kỹ cùng với sự hiểu biết trước đây về biệt thự này, anh Đoán vẽ bản sơ đồ bố trí trong đồn. Nơi vẽ là tào khậu (nay nằm trong khuôn viên nhà ông Võ Đức Hay), canh gác là anh Huệ giả vờ đứng chơi ở đầu hẻm. Vẽ xong hai người cùng xem lại kỹ. Để vẽ khoảng cách các vị trí đặt súng được chính xác, khi vào đồn, anh Huệ đi chậm đếm thềm từng bước rồi về báo lại. Bản sơ đồ được Ủy ban giao cho người liên lạc tin cậy là anh Trần Tấn Lộc (cũng có em là Trần Văn Tấn hy sinh đêm 4-6) giao tận tay cho anh Hữu quân báo. Bộ đội yêu cầu cho biết thêm một số tình hình địch và khẩu súng mới. Xã báo cho biết đồn trưởng cũ là Briere mới đổi đi, đến thay thế là hai tên đội người Tuy-ni-di làm đồn trưởng, đồn phó.

Sáng ngày 14-6-1947, đại đội Hoàng Hoa Thám tổ chức một phân đội giả dạng Tây đồn Kim Ngọc đi "pa-trui" Phú Hải, công khai vào đồn Lầu Ông Hoàng rồi bất ngờ tấn công tiêu diệt đồn.

Phân đội này do anh Ngọc chỉ huy, giả làm lính Thổ, anh Trương Ngọc Ánh làm thông ngôn. Giả làm sĩ quan Pháp là 4 anh hàng binh người Âu tên là Bua, Lâm, Phan, Thiết (ra hàng từ đồn Bình Lâm và Phan Thiết, lấy nơi này đặt tên). Xuất phát từ cây tre Mỏ Côi,

1 Sau 1954, làm việc cho chế độ Mỹ ngụy.

theo đường Chợ Dinh về chợ Phú Hải rồi tạm dừng lại. Phân đội tiếp chiến đã có mặt ở Mã Trái Bí. Chờ sáng nhìn rõ mặt người, đội patrui tiến lên đồn theo đường lính thường xuống chợ, vào cửa sau. Dân làng An Hải bàng hoàng khi thấy anh TỰ bộ đội mua cá trước đây, nay mặt áo lính Tây đi đầu dẫn đường.

Tại sân đồn, tên đồn trưởng mặc quân phục ngắn tay đón chào. Sĩ quan đội patrui trao cho hắn bản mệnh lệnh (giả) của quan tư Phan Thiết. Bất ngờ ta nổ súng tấn công. Địch không kịp đối phó, bị tiêu diệt (địch chết 20 tên). Ta thu toàn bộ vũ khí (1 đại liên Vichke, 3 trung liên, -5 tiểu liên, nhiều súng trường, đạn dược, quân trang quân dụng). Sau 2 giờ ta rút lui an toàn, (khi rút lui anh Lâm lạc đường xuống chợ được chị Nguyễn Thị Lê băng bó vết thương nhẹ ở cánh tay và chi đường). Một ca nô địch đang tuần tra ngoài biển, nghe súng nổ, áp vào gần bờ rồi chạy về hướng Phan Thiết.

Sau khi trận đánh kết thúc, Ủy ban xã phổ biến cho cán bộ, nhân dân và Ban hội tế chuẩn bị tinh thần và biện pháp đối phó khi địch quay trở lại, có thể chúng sẽ khủng bố dã man, đốt phá xóm làng để trả thù như nhiều nơi khác. Ra lệnh cho cán bộ cơ sở tạm thời ẩn lánh, chỉ để lại một bộ phận lãnh đạo nhân dân đối phó với địch. Số lớn cán bộ đã ra Ngọc Lâm, Tú Lâm hoặc theo ghe ra biển đánh cá.

Quả nhiên, sau khi vượt rào đồn chạy thoát, đội An và lính sống sót về Phan Thiết báo tin. Pháp tổ chức một cuộc hành quân lớn qua Phú Hải. Giữa trưa chúng

tiến hành lùng sục, tra đánh nhân dân, tìm bắt Việt Minh, nhiều người sợ hãi chui dưới giường ẩn lánh, chúng lôi ra bắn chết (hai anh Tư Hương, Võ Cường ở xóm Lặn). Chúng định đốt phá xóm làng trả thù. Ban hội tế ra sức phân trần, "đồn ở trên đồi cao cách biệt với xóm làng, dân chúng làm sao biết được Việt Minh ở đâu tới đánh đồn". Lính Thổ sống sót cũng cho chúng biết là Việt Minh từ hướng Mã Trái Bi vào tấn công đồn. Chúng đành chấp nhận lý lẽ nhưng vẫn hậm hực. Sau đó chúng bắt dân lên đồn dọn dẹp, gánh nước lau rửa các vết máu, khiêng xác lính chết đưa lên xe chở về Phan Thiết và để lại một phân đội giữ đồn.

Chiến thắng Lầu Ông Hoàng có ý nghĩa nhiều mặt, "là trận đánh xuất sắc gây được tiếng vang lớn ở Bình Thuận và cả vùng Cực Nam Trung bộ". Nhân dân vui mừng phấn khởi, nhất là đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Phú Hải, "trả thù cho đồng bào bị sát hại". Chiến thắng đã thúc đẩy "phong trào tổng quân nhập ngũ, phong trào ủng hộ kháng chiến sôi nổi, mạnh mẽ đã giải quyết được một phần khó khăn" về vũ khí đạn dược, giải quyết tốt quan hệ cá nước, quân dân cùng đánh giặc. Còn địch thì bàng hoàng. Chúng đóng lại đồn Lầu Ông Hoàng nhưng tinh thần giảm sút, ở thế co thủ, khác trước. Hoạt động kháng chiến của xã Tân Dân có điều kiện phát triển một bước mới.

III - CHIẾN TRANH DU KÍCH PHÁT TRIỂN (6-1947 - 5-1949).

Sau chiến thắng Lầu Ông Hoàng, ở Phú Hải xuất hiện tình thế mới. Tuy địch vẫn đóng đồn như trước nhưng ở thế co thủ và đến giữa năm 1948 chúng rút bỏ đồn. Hoạt động kháng chiến của ta có bước phát triển mới khá toàn diện.

Thời gian đầu (6-1947 - 5-1948) địch ở đồn Lầu Ông Hoàng chủ yếu làm nhiệm vụ đồn trú, giữ cao điểm, thu hẹp việc giám sát dân chúng. Số lần xuống làng lục soát, bắt đánh, tra xét như trước đây giảm nhiều. Chúng chỉ tiến hành khi thấy cần, nhất là khi có lệnh của đồn Kim Ngọc và Phan Thiết. Áp lực của địch đối với Phú Hải là những cuộc hành quân kiểm soát, lùng bắt cán bộ cơ sở của đồn Kim Ngọc, áp lực này càng gia tăng khi chúng rút bỏ đồn Lầu Ông Hoàng và có lúc diễn ra hàng ngày. Riêng làng Tân Phú còn chịu áp lực từ hướng Phan Thiết, nhất là bọn mật thám, biệt kích giả dạng dân thường dò la tin tức, phục bắt, bắn chết cán bộ cơ sở và Cảnh tử đội, trong đó có tên Lu-i khét tiếng ác độc.

Ban đầu ta vẫn giữ phương thức hoạt động cũ "bán công khai", đồng thời để đối phó với địch, ta tăng cường biện pháp quan sát địch, kịp thời báo tin để có thể gia tăng tới mức tối đa các hoạt động kháng chiến. Giữa năm 1948 địch rút bỏ đồn, ngoài các điểm quan sát ở bến đò, cửa biển, ta bố trí điểm canh gác của dân quân ở Cầu Quan, tổ chức cắm "bù" trên Lầu Ông Hoàng, thông báo



Ông HỒ VĂN SƠN,
hàm hộ yêu nước, Ủy viên tài chánh xã Tân Dân, Phó Chủ
tịch xã Hàm Nhơn. (Sau 1954, bị địch bắt đày đi Côn Đảo).

tin địch cho toàn xã. Đồng thời để phù hợp với đặc điểm mới là vùng tranh chấp, xã chuyển sang phương thức hoạt động mới "Địch đi ta hoạt động công khai, địch tới ta hoạt động hợp pháp".

Tham gia phát hiện báo tin địch khá rộng rãi. Ngoài dân quân còn có các chị đi chợ sớm, gánh nước sớm, các em thiếu niên vừa chơi vừa canh gác. Anh Chít là người "tàng tàng" cũng tích cực tham gia, nhất là ban đêm :

Những đêm Tây phục chợ

Gặp Chít là không may

Em lên đi báo động

Địch phải rút êm ngay.

Những thuyền đánh cá trước khi cập bến nếu thấy mền đồ phơi trước sân nhận biết đang có Tây càn quét trong làng. Ở bến đò, dấu hiệu báo có địch là các cửa sổ được quy ước mở rộng ra, một vài tiếng lóng được sử dụng : Ta quây (Tây qua), Bà ngũ (Bù ngã).

Phong trào giữ bí mật được phổ biến và thực hiện nghiêm ngặt với khẩu hiệu "ba không" (không nghe, không thấy, không biết). Người lạ, người quen khó lòng biết nơi ở, nơi họp hoặc tìm gặp cán bộ, Ủy ban nếu không có người đủ tin cậy thẩm tra trước. Có lần một người dân biết rõ ông Phan Viên là cán bộ huyện cần gặp Ủy ban đã chỉ nơi họp, bị người khác phát hiện báo cáo, suýt bị xử lý nghiêm khắc vì vi phạm khẩu hiệu "ba không".

Hầm bí mật phát triển gấp bội, kiểu dạng phong phú. Vách đôi với cửa vào là sau cánh cửa tủ, tấm gương soi, nơi để xoong nồi... Thùng lều hai đáy mà vẫn thấy

phần trên là muối hoặc vôi nước mắm chảy ra. Hầm đào trong nhà thì nắp cửa hầm đặt dưới khung dệt đệm, bếp nấu cám heo, nơi chát củi, tủ đựng thức ăn, cả chuồng gà. Hầm đào ngoài vườn thì cửa hầm dưới gốc cây, bụi cây, hàng rào, có đường hầm thông ra bờ sông dưới gốc cây bần hoặc cừ chống lữ. Có khi trang thờ cũng là nơi ẩn nắp bất ngờ (có lần anh Đồng Sĩ Kỳ cán bộ kinh tế huyện Hàm Thuận không quen trốn hầm bị ngộp thở, gia đình cho ngói núp trên trang thờ rồi kéo màn đỏ che lại).

Để đấu tranh hợp pháp, ta vẫn duy trì giám sát chỉ đạo Ban hội tề. Đối với những người bị Tây lừa bắt và buộc phải làm Hội tề thì Ủy ban xem xét. Nếu chấp nhận cho làm thì báo cho họ biết đồng thời đề ra yêu cầu phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của xã. Nếu không chấp nhận được thì hướng dẫn cho họ lánh tránh hoặc lấy cớ ốm đau, già yếu, kém chữ nghĩa để từ chối. Có lúc ta chọn cán bộ cơ sở của ta đưa vào làm việc Hội tề (ông Đỗ Hữu Hoài công đoàn, có thời gian xã đưa ra làm Hội tề và ông đã làm giấy cam đoan với xã).

Để cho địch tin Ban hội tề là cộng sự và chịu phục tùng chúng, mỗi lần địch tới Phú Hải cần quét, Ban hội tề thường có mặt ở sân banh đón và trả lời những câu hỏi của chúng về tình hình trong xã. Hàng tuần lên đồn Kim Ngọc trình báo. Có thời gian các thông báo, yết thị của chúng vẫn cho dán ở chợ để tỏ ra Phú Hải vẫn thuộc vùng chúng kiểm soát.

Những lần lùng bố, Tây Kim Ngọc thường bắt dân tập trung tại sân banh để gạn lọc, phân loại truy tìm

bắt Việt Minh. Một số cán bộ, cơ sở, bộ đội không kịp ẩn tránh cũng bị bắt lẫn lộn với dân. Yêu cầu của xã là tìm cách xin chúng thả về càng nhiều càng tốt. Ban hội tề viện đủ lý do biện minh với chúng những người bị bắt là dân thường, không phải là Việt Minh. Như nêu rõ họ tên người bị bắt, nghề nghiệp, gia cảnh (mẹ già, vợ yếu, con đau, đói nghèo, nheo nhóc...) hoặc những cá tính uống rượu, cờ bạc, ghen tuông đánh vợ... Nhiều người được thả nhưng có lúc chúng không chịu thả, bắt đưa về đồn Kim Ngọc giam giữ, tra hỏi. Ban Hội tề lại lên đồn Kim Ngọc tiếp tục giải bày, nài nỉ, xin bảo lãnh và cũng có một số chúng thả về như anh Trần Tấn Lộc liên lạc xã, ông Hồ Văn Sơn ủy viên tài chánh.

Đối với cán bộ cơ sở cần có thể tùy thân hoặc giấy thông hành đi lại hoạt động thì Ban hội tề kê khai họ tên khác, xen lẫn vào danh sách dân thường để được cấp giấy (anh Võ Thọ Đoán cần có giấy thông hành đi Sài Gòn học nghề vô tuyến theo yêu cầu của trên. Ông Trần Thành Chủ tịch xã yêu cầu và Ban hội tề đã đáp ứng). Có nhân viên hội tề lợi dụng dịch sơ hở lấy cấp giấy tờ không chỉ cung cấp cho ta.

Tháng 3-1948, huyện Hàm Thuận tổ chức đợt phá tề. Cùng lúc Tây đồn Lầu Ông Hoàng bắt giữ chị Huỳnh Thị Thiệu Đường, Tây Phan Thiết bắt anh Trần Văn Minh cán bộ Công an Hàm Thuận, xã rà soát lại Ban hội tề, các sơ hở, tăng cường cảnh giác. Theo yêu cầu của công an huyện, xã đã gọi một nhân viên hội tề ra rừng để nắm tình hình và Ban hội tề vẫn được tiếp tục duy trì hoạt động.

Thời kỳ này (6-1947 - 5-1949) xã Tân Dân xây dựng và phong trào kháng chiến khá toàn diện, sôi nổi nhiều hiệu quả.

Bộ máy chính quyền, mặt trận, các đoàn thể cứu quốc được củng cố. Cơ quan xã có ông Trần Thành Chủ tịch, anh Võ Thọ Châu thư ký, ông Hồ Văn Sơn tài chánh, ông Lê Đình Xuân trưởng ban dân quân... Liên lạc xã có ông Nguyễn Tứ, các anh Trần Tấn Lộc, Chút, Hoàng Cúc.

Chủ nhiệm Liên Việt có ông Lâm Vinh Bá, công đoàn thủy nghiệp có ông Lâm Vinh Minh, Nguyễn Thìn... Ban chấp hành phụ nữ có các chị : Lâm Thị Mai, Trần Thị Hương, Võ Thị Nguyệt, Mười Tấn, Năm Hồng, Thảo...

Xã quan tâm đầu tiên là nghề cá, nguồn sinh sống chủ yếu của Phú Hải. Lâu nay tỷ lệ ăn chia giữa bạn (lao động biển) và thợ (chủ thuyền) là 4 : 6, có khi 3 : 7. Tỷ lệ này nghiêng về thợ. Công đoàn thủy nghiệp xã do anh Lâm Vinh Minh chỉ đạo cùng với một số cán bộ giúp việc là các ông Nguyễn Thìn, Tư Ngộ, Hương Thông tổ chức một cuộc vận động cùng nhau bàn bạc thỏa thuận một tỷ lệ phân chia mới, tăng thêm cho bạn. Cuộc vận động thu hút hầu hết bạn, thợ, chèo dọc tham gia trên cơ sở đấu tranh đoàn kết thỏa thuận.

Ban đầu tổ chức những cuộc họp riêng của bạn, của thợ, của chèo dọc quán triệt mục đích ý nghĩa, đoàn kết giúp nhau có cuộc sống ổn định tham gia kháng chiến, sau đó bàn bạc đề xuất tỷ lệ ăn chia mới. Cuộc vận động anh em chèo dọc gặp thuận lợi khi bố trí bộ phận nòng cốt có các ông Dọc Thọ, Dọc Nhâm, Dọc Châu. Khó khăn

nhất là tầng lớp thợ, có chủ thuyền tỏ thái độ cứng rắn. Để mở thông, công đoàn thuyết phục 4 chủ thuyền là cán bộ xã có uy tín, đầu tiên là hai ông Trần Thành, Lâm Vinh Bá, tiếp đến là hai ông Hồ Văn Sơn, Huỳnh Văn Mỹ. Các ông đều nhất trí với chủ trương điều chỉnh tỷ lệ. Bốn thuyền này được chọn làm thí điểm họp chung giữa bạn, chèo dọc và thợ. Hai tỷ lệ được thảo luận nhiều nhất là 5 : 5 và 6 : 4. Cuối cùng tỷ lệ ăn chia giữa bạn và thợ được thỏa thuận thống nhất là 6 : 4. Từ đó các chủ thuyền khác chuyển biến theo. Lao động biển phấn khởi bước vào vụ cá nam với khí thế mới. Có mấy câu thơ nói về kết quả cuộc vận động này như sau :

*Phú Hải vùng biển quê tôi,
Người lao động đã bao đời nổi trôi.
Ngày nay cách mạng đổi đời,
Có công bằng ắt có đời ấm no.*

Cũng từ đây trong nghề cá ở vịnh Phan Thiết truyền miệng câu : Muốn làm bạn thì về Phú Hải, muốn làm thợ thì về Phan Thiết, Mũi Né.

Sau lớp tập huấn của Hội nông dân cứu quốc huyện tổ chức ở xóm Cát (Dân Thạnh) về chính sách tạm cấp ruộng đất công điền và thu đảm phụ kháng chiến, xã Tân Dân tiến hành tạm cấp ruộng làng cho nông dân sản xuất, có chú ý ưu tiên cho gia đình liệt sĩ (như ông Lê Xuân Bình) gia đình có con em đi bộ đội (như ông Huỳnh Hy). Nông dân phấn khởi hăng hái sản xuất và đóng góp đảm phụ kháng chiến đầy đủ.

Cửa biển Phú Hải thêm nhộn nhịp, sôi động khi hàng chục thương thuyền Lagi (Hàm Tân) đến giao lưu mua bán (1948). Hàng đem đến là cá muối, dầu rái, chai cục, đèn chai, cọc chèo... Hàng chở về chủ yếu là muối, hàng sinh hoạt từ Phan Thiết đưa qua. Nhờ vậy, cá Hàm Tân đến được vùng Bầu Thiêu, Ô Rô.

Ghe bầu Phú Hải vận chuyển nước mắm tin đi Sài Gòn, ra miền Trung đều đóng thuế xuất tỉnh, ban đầu mỗi tin 10 xu, về sau các hàm hộ mà nòng cốt là các ông Trần Thành, Hồ Văn Sơn, Lâm Vĩnh Bá hưởng ứng tự nguyện đóng thuế 20 xu để góp thêm phần ủng hộ kháng chiến (ông Tiểu Nghi cho biết : từ tinh thần tự nguyện đóng thuế gấp đôi của hàm hộ Phú Hải đã giúp cho huyện thu thuế nước mắm ở Mũi Né thuận lợi hơn). Thuế ghe bầu tính theo tải trọng mỗi tấn 100 đồng. Trạm thuế Phú Hải có một tổ chèo thuyền ra cửa kiểm soát thu thuế. Nhờ vậy đã góp phần tích cực cho ngân sách kháng chiến của huyện và tỉnh.

Lúc này, tiền Việt Nam và tin phiếu cùng lưu hành ngang giá với tiền Đông Dương (năm 1951 tiền Việt Nam mất giá, đồng tin phiếu còn thấp hơn). Người dân thường phải giấu kỹ, nhất là khi gặp Tây. Giấu trong búi tóc, dưới hàng hóa, bánh trái, có khi nhét trong miệng cá, nhiều nhà chôn cất (Tù Coocvê bị bắt khiêng gỗ nhà ông Hồ Văn Sơn xây đồn đã phát hiện nơi chôn tiền Việt Nam và lấp lại). Sau 1975 khi ông Nguyễn Ngọc Giao từ trần, con cháu tìm thấy 70 tờ tiền Việt Nam còn mới với mệnh giá 100 đồng/tờ). Về sau nhu cầu tiền Đông Dương tăng lên, việc chuyển đổi tiền trở thành một nhiệm vụ



Ông TRẦN TẤN LỘC (Cao Ly)
*liên lạc xã Tân Dân, chiến sĩ đặc công
thời chống Pháp và chống Mỹ.*

đối với xã, nhất là Hội phụ nữ (ông Trần Dân nhân viên tiếp tế của Cẩm tử đội nhiều lần nhờ và được bà vợ ông Cửu Vinh đổi tiền Đông Dương).

Phú Hải không phải là vùng sản xuất lương thực nhưng có tổ chức đường dây mua gom gạo bắp rồi huyện huy động dân công xuống chuyển về. Thuốc tây, pin đèn, giấy in, vải đỏ... là mặt hàng chiến lược, địch kiểm soát chặt chẽ nhưng giới phụ nữ và người Hoa cũng tìm nhiều cách mua bán vận chuyển cho kháng chiến (ông Huỳnh Nhơn nhiều lần mua thuốc sốt rét Quinimax bó vào đùi đem từ Phan Thiết về giao cho chị Huỳnh Thị Thiệu Đường).

Thực hiện chỉ thị sản xuất tự túc của Tỉnh ủy, Tiểu đoàn 86 dựa vào vùng biển Phú Hải tổ chức một thuyền đánh cá do anh Học chỉ huy. Nhờ sự giúp đỡ của dân, tổ này đã đánh bắt cá có kết quả, cung cấp một phần cho đơn vị và thương bệnh binh.

Trước đây tuyến vận tải biển của tỉnh đi "một lèo" từ trạm Bình Nhơn đến trạm Kê Gà, trong một đêm. Gặp gió nổi hoặc nam cũng phải chèo thuyền gần bờ biển dễ bị địch phát hiện và hành trình phải kéo dài thời gian, không kịp bốc dỡ hàng lên bờ và cất giấu trước sáng. Năm 1948 tỉnh đặt thêm một trạm ở giữa, tại làng Tú Lâm thuộc xã Tân Dân, cung đường biển gọn lại, thuận tiện hơn. Bốn giờ chiều hàng đã lên thuyền và khoảng 1 - 2 giờ sáng hàng đã lên bờ về trạm Kê Gà (một trong số trạm trưởng Tú Lâm nay còn sống là ông Trương Khắc Minh). Ngoài vũ khí đạn dược còn chuyên chở cán bộ, bệnh binh từ khu Lê vào Hàm Tân và ngược

lại vận chuyển cá mắm Hàm Tân cung cấp cho cơ quan tỉnh ở Ô Rô. Được nhân dân Tú Lâm giúp đỡ, che chở, nhiều lần địch từ biển đổ bộ lên bờ cần quét, du kích báo tin kịp thời cho trạm ẩn tránh, không bị tổn thất.

Nhiều lần Ủy ban xã huy động hội viên công đoàn thủy nghiệp tham gia thủy thủ đoàn hoặc bốc xếp hàng, nhất là khi có yêu cầu khẩn trương phục vụ tuyến đường biển Bắc Nam của Trung ương.

Phú Hải còn là một trạm trung gian của đường dây bí mật từ thị xã về cơ quan kháng chiến tỉnh ở Ô Rô, theo đường Núi Cốc, Mã Trái Bí đi Triền, Dân Thạnh. Cán bộ ở Phan Thiết ra thường nghỉ đêm chờ sáng hôm sau về Khu Lê, ngược lại, cán bộ tỉnh thường dừng chân ở Phú Hải trước khi xâm nhập vào thị xã.

Để chuẩn bị kế hoạch hoạt động Tết 1948, thị xã chuyển một lượng lớn tiền Đông Dương qua đường Phú Hải. Ông Nguyễn Ngọc Miên được tỉnh giao nhiệm vụ về Phú Hải gặp ông Huỳnh Văn Mỹ. Ông Mỹ liên lạc với ông Huỳnh Văn Dậu Chủ tịch thị xã. Sau đó tại nhà ông Huỳnh Văn Vinh, ông Miên nhận một ba lô tiền Đông Dương từ tay chị Huỳnh Thị Thiệu Đường. Chuyển đi an toàn.

Qua lại Phan Thiết phải đi đò, những người lái đò là tai mắt của xã, phát hiện người có dấu hiệu khả nghi, nhất là bọn mật thám giả dạng dân thường. Khi có nhiệm vụ quan trọng, xã trực tiếp tổ chức bảo vệ canh gác bến đò, bố trí điều hành lái đò như trường hợp tổ chức đưa ông Lê Tự Nhiên, ông Khanh Tỉnh ủy viên thoát trại

giam địch từ thị xã qua bến đò Phú Hải về Ô Rô. Một số lần, tiểu đoàn 86 xâm nhập vào Phan Thiết hoạt động (1948 - 1949) thì bến đò được tăng cường 20 thuyền và người lái đưa bộ đội qua sông. Lúc bộ đội trở về, nhân dân chờ đón dọc hai bên đường, Hội Mẹ và Hội phụ nữ đã chuẩn bị sẵn tại chợ nhiều mái hột é và bánh trái ủy lạo cho bộ đội.

Phong trào vận động thực hiện "đời sống mới" khuyến khích dùng hàng nội hóa, xóa mù chữ, chống các tệ nạn rượu chè, cờ bạc, trộm cắp được các đoàn thể hưởng ứng tham gia rộng rãi.

Dầu thơm, thuốc lá thơm, hàng tơ lụa được coi là xa xỉ phẩm, không phù hợp với hoàn cảnh kháng chiến được vận động không nên dùng, riêng đối với cán bộ thì cấm dùng, nếu tự tiện sẽ bị kiểm điểm. Cuộc vận động không uống rượu thường kèm theo biện pháp xử lý hành chánh nghiêm ngặt, nhất là nấu rượu lậu, có người đã bị xử lý nghiêm khắc. Theo quy định chung, rượu chỉ dùng khi có giỗ, Tết, đám cưới, làm thuốc, xông hơi sản phụ và có giấy phép của xã, nếu không, sẽ bị tịch thu và xử phạt. Xóm làng yên tĩnh, không có người say rượu.

Cờ bạc bị cấm ngặt. Dân quân, công an theo dõi, bắt giữ, xử lý, không trừ một ai, kể cả cán bộ xã. Có lần vài cán bộ xã lợi dụng nhà kín đáo có hầm bí mật trốn Tây (nhà chú Phung) tổ chức cờ bạc và để kẻ xấu gieo rắc luận điệu sai trái đã bị công an và dân quân bí mật vây bắt và dẹp luôn. Nhà chứa cờ bạc bị gọi cảnh cáo, nếu tái phạm bị xử phạt nặng hoặc đưa ra rừng

giao cho công an huyện giáo dục. Mọi người lo làm ăn không còn cảnh sát phạt nhau trên chiếu bạc.

Trộm cắp bị coi là hành vi xấu xa, bị nhân dân lên án, chính quyền xử lý nghiêm khắc, kể cả oa trữ, mua bán đồ trộm cắp (có 1 người bị xử phạt nặng). Xóm làng yên ổn, tài sản của dân được an toàn.

Để cổ vũ phong trào, ngoài bài hát "Đời sống mới" được phổ biến, các lứa tuổi đều hát, nhất là thanh thiếu niên, xã còn tổ chức Đoàn thông tin cổ động với lời ca tiếng hát, hoạt cảnh động viên nhân dân thực hiện đời sống mới, hăng hái tham gia kháng chiến. Đoàn do anh Võ Thọ Châu thư ký Ủy ban phụ trách, vừa chỉ đạo vừa sáng tác. Tổ biểu diễn ca hát có các anh Nguyễn Xa, Nguyễn Thi, Thạnh, Nuôi... bộ phận đờn có các ông Oanh, Bảy (mù). Mục đích của Đoàn được nêu rõ :

*Nhiều khi tin tức thất thường
Mới từ đầu chợ, cuối đường khác xa
Bài chòi vì thế lập ra
Thông tin mục đích lo xa liệu gần...*

Đoàn cũng giải thích rõ cho dân hiểu và tự nhắc nhở mình :

*Xin ai đừng tưởng bạc tiền
Chúng tôi chẳng phải ban riêng làm tiền.*

Nhiều bài chòi, hoạt cảnh, kịch vui, bài vè được tổ chức trình diễn thu hút nhiều người xem góp phần làm cho cuộc sống kháng chiến tươi vui.

Để xóa mù chữ xã mở nhiều lớp bình dân học vụ dạy ban đêm. Người biết chữ tự nguyện dạy, người chưa biết chữ hăng hái đi học. Mỗi xóm 1 lớp, mỗi lớp 10 - 20 học viên. Lớp học ở dinh Ba Bà, nhà trường cũ và các nhà rộng rãi. Mỗi học viên đem theo một cây đèn chai, riêng ở nhà trường có đèn bơm hơi do ông Trần Văn Hàng đảm nhận. Lớp học ở Ngọc Lâm do ông Tăng Hữu (Hai Theo) dạy được duy trì khá tốt. Xã còn tổ chức "đốt chữ" trên đường đi chợ để thúc đẩy phong trào. Ai đọc được thì cho qua, ai không đọc được thì phải dừng lại vài phút ôn lại cho thuộc rồi mới cho qua. Nhờ vậy nhiều người đã biết chữ.

Cuối năm 1948, Ban dân y huyện mở nhiều lớp đào tạo cứu thương để thành lập Ban dân y ở các xã. Một trong năm lớp học đã mở tại Phú Hải. Nơi giảng dạy là dinh Cố vừa rộng rãi, yên tĩnh lại vừa dễ dàng lánh địch. Mỗi xã cử 4 - 5 người đi học, cả lớp có 48 học viên. Xã Tân Dân cử 4 người đi học là các anh chị : Hoàng Sao, Huỳnh Thị Cừ, Võ Thị Nguyệt, Trần Thị Hương. Giáo viên là anh Lê Long Minh (Lê Kỳ) Trưởng phòng Dân y huyện. Suốt thời gian học, được Ủy ban và các đoàn thể, nhất là Hội phụ nữ tổ chức vận động nhân dân ủng hộ gạo, cá rau, nấu ăn và phục vụ chu đáo. Khai giảng và kết thúc lớp học đều có mời Ủy ban và các đoàn thể dự. Sau lớp học anh Minh còn xuống Phú Hải giúp Ban Dân y xã tổ chức đánh mắt hột cho nhân dân.

Đầu năm 1948 có bão vào ngày 11-2 âm lịch (21-3-1948), ghe bầu ông Hộ Chi bị chìm, 3 người tử nạn. Ở bãi Từ Bi (nay thuộc xã Hàm Tiến) có "ông lụy" (cá voi chết dạt

vào bờ) một ngư dân Phú Hải phát hiện trước về báo (theo tục lệ ai nhìn thấy cá voi trước thì coi là trưởng tử, được thọ tang cúng thần Nam Hải). Vạn Phú Bình huy động hàng trăm ngư dân kéo ra rước về làm tang thờ cúng. Ngư dân sợ tại không cho mang đi vì "ông lụy" ở bờ biển làng mình. Hai bên giằng co căng thẳng và đã có tiếng súng nổ của du kích Rạng. Ủy ban xã Tân Dân cử cán bộ, trong đó có ông Nguyễn Thi đứng ra hòa giải. Hai bên bình tĩnh trao đổi, có lý có tình, thống nhất "xin keo", cuối cùng, thỏa thuận cho Phú Hải bên được keo rước cá voi về thọ tang thờ cúng. Đám rước kéo dài dọc theo bờ biển. Tây đồn Lâu Ông Hoàng cho lính đi dò xét, được giải thích, chúng rút về đồn. Ngư dân hai làng giải tỏa được nguy cơ xô sát và địch không gây phức tạp.

Từ sau chiến thắng Lâu Ông Hoàng đến giữa năm 1949 phong trào thanh niên tự nguyện tòng quân nhập ngũ và tham gia du kích sôi nổi, rầm rộ được cha mẹ, vợ con người thân khuyến khích, đoàn thể động viên, xóm làng cổ vũ.

Có người là con trai duy nhất như anh Đỗ Văn Chừ có người mới cưới vợ như anh Nguyễn Văn Cải cũng "dứt áo ra đi". Cha bị địch giết, con lên đường ra trận với mỗi thù quân giặc như các anh Đặng Văn Công, Đào Hữu Hùng. Anh ngã xuống, em tiếp bước cầm súng ra tuyến đầu như Nguyễn Văn Tấn, Lê Xuân Hoa. Rời bỏ tay lưới, tay cuốc như các anh Nguyễn Văn Mạnh, Hà Văn Dương. Thanh niên công giáo có mặt trong lực lượng chiến đấu như các anh Lê Hồng Trục, Nguyễn Nhớ, Hai E... Liên lạc xã cũng ra đi cầm súng như các anh Trần

Tấn Lộc, Hoàng Cúc. Nữ cũng vào bộ đội như chị Nguyễn Thị Lê y tá. Cô tất nói ngong cũng không ai ngăn được tinh thần nhập ngũ của anh Văn Tấn Ngong.

Hầu hết chiến đấu dũng cảm, giữ vững khí tiết, lập nhiều thành tích, xứng đáng với lòng tin cậy của quê hương. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cải quần nhau với giặc trong trận Thái An, liệt sĩ Nguyễn Văn Giáp luôn ở tổ mũi nhọn, liệt sĩ Nguyễn Nhơn địch treo giải bắt anh, liệt sĩ Nguyễn Văn Xây dù chết không khuất phục. Có người trở thành cán bộ chỉ huy quả cảm như liệt sĩ Phạm Cửa hoặc là chiến sĩ thi đua toàn quốc được cử đi dự Liên hoan Thanh niên thế giới như anh Phạm Ty.

Thanh niên ở lại xã thì tham gia lực lượng dân quân du kích "com cha, áo mẹ" đi làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, cắm bù, báo tin địch bảo vệ xóm làng, bảo vệ chính quyền cách mạng được nhân dân tin yêu, bảo bọc, chăm sóc. Những lần tập trung huấn luyện (thường ở khu vực Cây Dối Bà Trùm) thì Hội phụ nữ, Hội mẹ chiến sĩ vận động ủng hộ lương thực thực phẩm nuôi dưỡng. Tại Đại hội dân quân huyện Hàm Thuận tháng 9-1948 ở Giếng Cát, dân quân xã Tân Dân được báo cáo điển hình, đại hội hoan nghênh. Khi bị địch bắt, thà chết dù bị cực hình cũng không phản bội cung khai làm hại xóm làng như liệt sĩ Lâm Vinh Lân, Lê Điển để lại tấm gương tốt cho xóm làng.

Năm 1948, Hội mẹ chiến sĩ và Hội phụ lão được thành lập thu hút các mẹ, các cụ tham gia vào Mặt trận Liên Việt, đoàn kết toàn dân kháng chiến. Nổi lên là hoạt động của Hội Mẹ, rất tích cực góp phần chăm sóc đời sống tinh thần vật chất cho chiến sĩ chiến đấu ngoài

rừng, dân quân du kích tại địa phương và cả cán bộ cơ sở xã, trở thành người mẹ chung của những người kháng chiến. Mỗi lần các con đi công tác ghé qua nhà, mẹ đều có cơm nóng, canh sốt, bát chọt đêm khuya thì có cơm nguội cá kho, bánh tráng no lòng. Buổi sáng các con báo chiều sẽ trở về đơn vị thì mẹ đã chuẩn bị sẵn cho nồi cá kho, gói cá khô, chai nước mắm keo, lon cá chà bông, hộp dầu cù là, chiếc khăn lông, cục xà bông, gói thuốc lá. Tình cảm các mẹ lúc nào cũng bao dung, ấm áp, bộ đội đóng quân gần làng, mít tinh lửa trại ở đâu, các mẹ thường cùng Hội phụ nữ đến thăm hỏi, tặng quà, động viên. Có chiến sĩ quê xa được mẹ nhận làm con nuôi, con đỡ đầu, tình cảm mẹ con gắn bó hơn (anh Lê Quý Bân quê Hà Nội thư ký đại đội Trần Quốc Tuấn là con đỡ đầu của bà Chùa, đến nay 1993 vẫn giữ mối quan hệ mật thiết với mảnh đất Phú Hải). Có chiến sĩ tuổi đời còn trẻ được các chị trung kiên nhận làm em nuôi và chăm sóc như em ruột (anh Bá nay là Phó Giám đốc Sở TBXH đã nghỉ hưu có người chị nuôi là bà Phan Thị Cẩm (vợ ông Tư Hòe). Đầu năm 1949 gặp lúc đơn vị khó khăn về lương thực, anh đã dẫn tiểu đội về nhà chị nuôi và được chị nuôi dưỡng hơn 2 tuần).

Nhiều chiến sĩ, du kích, cơ sở, nhất là Cẩm tử đội nay còn sống vẫn nhớ ơn cưu mang, đùm bọc của các mẹ, các chị trong những năm tháng kháng chiến, trong đó có các bà Phụng, Năm Tý, Hồ Thị Tứ, Nguyễn Thị Nhỏ, Nguyễn Thị Hai, Trần Thị Lai...

Trung đội 1 Cẩm tử đội đứng chân trên địa bàn hai xã Dân Định và Tân Dân. Ban chỉ huy ở xóm Cồn. Hai tiểu đội Phi Long, Phi Hồ thường ở xóm Ốc, xóm

Mù U, Cầu Ké. Tiểu đội Ba Mạng ở An Hải và Thiện Chánh. Về sau có thêm tiểu đội hỏa lực ở Núi Cốc, ngày ở nhà dân, đêm ngủ trên Dinh Cốc. Tiểu đội này dựa vào nhà dân và một số nhà cơ sở như ông Phạm Thanh (Ba Túc), Lê Văn Xuân (Hai Xuân), Nguyễn Thị Lan (Sáu Chợ), được dân nuôi dưỡng che chở. Nhiều nhà trồng rau cho phép anh em hái ăn rồi báo lại sau. Có người còn bày cho chiến sĩ lấy mật cóc pha với mũ cây làm thuốc độc bôi vào dao găm để sát tử địch. Vài người được đơn vị chọn làm cơ sở quân báo như chị Phan Thị Tới (Tám Lùn). Ở xóm Ốc có bà Tự thường dùng xuồng chở chiến sĩ vào rừng bần tránh lánh địch.

Từ những nơi này, Trung đội 1 đã tung lực lượng của mình đột nhập vào Bắc thị xã giết giặc trừ gian. Bến đò Phú Hải nhiều lần chứng kiến bọn ác ôn bị bắt giải qua sông đi về hướng động cát Ngọc Lâm xử lý. Trong số này có tên Vịt (Nguyễn Ngọc Châu), ác ôn đồn Tuy Hòa, Phú Long.

Người Hoa ở Phú Hải vốn gắn bó với xóm làng từ trước, có cảm tình với cuộc kháng chiến chống Pháp. Tây coi người Hoa là ngoại kiều, quy định dán cờ trước nhà. Ngoài việc ủng hộ và đóng thuế đầy đủ, người Hoa còn cùng với cơ sở của ta lập đường dây mua bán bí mật với cơ quan tỉnh, huyện, cung cấp các mặt hàng chiến lược, che giấu bảo vệ cán bộ.

Nhà ông Trương Quang Vi (Hai Kim) có hầm bí mật ở nhà lều. Hầm có một đầu thông ra bực biển, một đầu thông với cửa sổ có chấn song giả nhà ông Hương Thông. Nơi đây ông Nguyễn Thìn thường trú ẩn, đồng

chị Lưu Phương, Bí thư chi bộ có lần cũng ẩn nấp ở đây. Một lần Tây vây ráp, lòng bố, ông Huỳnh Nhơn (Hai Dền) che giấu anh Trần Ngọc Thành (con Bát Xi) đại đội phó trong buồng riêng rồi đứng trước cửa nói chuyện với Tây và tri phủ Chuân. Ông Nhơn còn nhận in phóng ảnh 40 tấm chân dung Hồ Chủ Tịch cỡ lớn 30 x 40 cho các cơ quan tỉnh và phải cất giấu dưới hầm, chờ người nhận. Lần khác ông gặp đồn trưởng Lâu Ông Hoàng tìm cách gợi ý xin thả cơ sở của ta bị chúng bắt (chị Huỳnh Thị Thiệu Đường).

Đầu năm 1949, trong cuộc gặp mặt mừng Tết Nguyên Đán của Ủy ban xã tổ chức tại nhà ông Lê Hữu Phước (Chủ Lâu) có mời người Hoa dự và vận động ủng hộ cuộc kháng chiến của ta. Cũng năm này tỉnh chủ trương vận động người Hoa tập họp nhau lại trong một tổ chức ủng hộ nhân dân ta chống Pháp. Tổ chức này ban đầu định lấy tên là Hoa Việt thân thiện Hội. Nhưng để giữ bí mật, thống nhất gọi tên Hội là Hoa Kiều liên hiệp Hội, gọi tắt là Hội Hoa Liên. Ban chấp hành Tỉnh hội có 2 bộ phận : bộ phận công khai ở ngoài rừng Ô rô (có ông Huỳnh Triệu Quang) bộ phận bí mật hoạt động trong thị xã, bộ phận này có ông Trần Tôn Phú ở Phú Hải (bí danh là Trần Tự Nhiên) ông là thư ký Tứ Bang, giáo viên trường Hữu Nghị.

Lúc bấy giờ nhiều nhà kinh doanh buôn bán ngạc nhiên thấy mức thuế ta thu tương đương mức thuế họ đóng cho Pháp. Ông Trần Tôn Phú quan hệ với các ông Lê Bảo, Nguyễn Văn Ninh, viên chức theo dõi thuế của Pháp, vận động cung cấp bản sao bộ thuế rồi bí mật chuyển cho ông Võ Văn Ngưỡng Chủ tịch thị xã.

Chi hội trưởng Hội Hoa Liên ở Phú Hải là ông Phan Học Thọ (Hai Chợ). Chi hội sinh hoạt dưới hình thức công khai là hạp Hoa Kiều theo chỉ đạo của Tứ Bang. Ông Huỳnh Triệu Quang (Ba Tàu Bay) thường về Phú Hải hoạt động Hoa Kiều vận vùng thị xã và được đùm bọc, che chở (có lần ông bị bệnh ở nhà ông Lâm Vĩnh Bá và Chi hội Hoa Liên đã mời ông Thiên Sanh Đường ở Phan Thiết qua chữa bệnh).

Công tác binh vận thường bí mật, cũng đem lại hiệu quả. Anh Lâm đi lính nguy bỏ ngũ trốn về mang theo một khẩu "mọc ta", 1 khẩu garăng bị địch dùng nốt đồ truy đuổi bắn theo. Từ bến đò, du kích bắn trả ngăn chặn rồi tìm cách đưa anh Lâm ra vùng kháng chiến.

Năm 1948, huyện tăng cường anh Lưu Phương và chị Hồng Sơn về xã Tân Dân giúp đỡ xây dựng phong trào kháng chiến ở xã và góp phần thúc đẩy hoạt động của thanh thiếu niên, phụ nữ. Ông Nguyễn Tứ liên lạc xã đón anh Lưu Phương đưa về ở nhà ông Hương Giác, có hầm bí mật. Anh thường cất giấu tài liệu dưới tượng các vị nữ thần đình Ba Bà.

Thời gian này Hội nghiên cứu Các - Mác, huyện xuống xã tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, phát hiện, lựa chọn, bồi dưỡng đối tượng phát triển đảng viên, chuẩn bị tiến tới thành lập chi bộ xã.

Ông Trần Như Khuông tổ chức nhiều buổi nói chuyện ở đình Ba Bà, nhiều cán bộ cốt cán dự. Ông nêu rõ mục tiêu lý tưởng của Đảng, tiêu chuẩn đảng viên, hướng

phần đầu vào Đảng. Cán bộ thảo luận sôi nổi, nhiều thắc mắc nêu ra và được giải thích rõ. Khoảng mười ngày tổ chức một buổi, có lúc do ông Hoàng Văn Tĩnh giới thiệu nội dung. Để phân biệt làm rõ mục tiêu lý tưởng của Đảng Cộng sản, còn tổ chức vài buổi trao đổi phân tích một số luận điệu sai trái của kẻ xấu trong Đảng Dân chủ ở xã Dân Đông đang có ý định gieo rắc trong vài hàm hộ và hương lý cũ ở Phú Hải.

Đối tượng phát triển Đảng đầu tiên do hai ông Khuông và Tĩnh lựa chọn là hai anh Lâm Vĩnh Minh và Huỳnh Văn Bạch (Tý). Sau nhiều lần gặp riêng nói chuyện, hai anh được đưa về huyện học tập về Đảng 5 ngày, chủ yếu là Điều lệ Đảng. Học xong, ngày 17-7-1948, hai anh Lâm Vĩnh Minh và Huỳnh Văn Bạch được kết nạp vào Đảng, người giới thiệu là hai ông Khuông và Tĩnh. Lúc này ở xã có 3 đảng viên dự bị : Lâm Vĩnh Minh, Huỳnh Văn Bạch và Lưu Phương (được kết nạp trước ở nơi khác). Huyện chủ trương ghép lại sinh hoạt gọi là Chi bộ dự bị, chỉ định đồng chí Lưu Phương chủ trì sinh hoạt. Cuộc sinh hoạt đầu tiên ở nhà ông Hương Giác.

Sau đó, chiều ngày 13-8-1948 tại nhà bà Phạm Thị Lý (vợ ông Phan Viên) dưới chân Núi Cốc, đồng chí Trần Như Khuông thay mặt Huyện ủy Hàm Thuận tổ chức lễ thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở xã Tân Dân. Chi bộ có 5 đảng viên : Lưu Phương, Lâm Vĩnh Minh, Huỳnh Văn Bạch, Nguyễn Tứ (mới kết nạp), Phan Viên (cán bộ Mặt trận huyện tăng cường, còn có tên là Được, Riêng). Đồng chí Lưu Phương được chỉ định làm

Bí thư chi bộ. Từ đây cuộc kháng chiến ở xã có Chi bộ Đảng trực tiếp lãnh đạo.

Chi bộ coi trọng công tác phát triển đảng viên mới hướng vào cán bộ chủ chốt của chính quyền, đoàn thể một lòng vì kháng chiến, không sợ hiểm nguy gian khó, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Mỗi đảng viên có trách nhiệm giới thiệu 1 - 2 người để chi bộ xét chọn đưa vào nguồn phát triển Đảng. Mỗi đợt xét chọn thường phân làm hai đợt nhỏ : kết nạp trước và kết nạp tiếp sau. Phải qua các bước tuyên truyền, thử thách, học tập về Đảng. Công tác thử thách được giao thường là vận động ủng hộ kháng chiến, nắm tình hình địch, bảo vệ cán bộ. Học tập về Đảng thường tổ chức vài ba ngày do đồng chí Tinh hoặc Lưu Phương phụ trách địa điểm ở Dinh Ba Bà, có lúc ở khu vực Cây Dối Bà Trùm.

Nhiều đợt kết nạp đảng viên mới kế tiếp nhau. Đợt đầu có các ông : Nguyễn Thi, Lâm Vĩnh Bá, Lê Đình Xuân, Trần Nhật Lâm, Nguyễn Thìn... Tiếp sau là các ông : Lê Trí Thức, Văn Tấn Kinh, Nguyễn Văn Trọng (Mười Sửu), Hà Văn Đình (Xuân công an), Trương Ấm, Hà Tiên Nghĩa (Tư Ngọ), Nguyễn Xiu, Trần Văn Tam, Trần Đình, Trần Quý, Phạm Thị Lý (vợ đồng chí Phan Viên), Lâm Thị Mai, Trần Thị Hồng (Hòn)...

Việc lựa chọn đưa vào đối tượng phát triển Đảng với một số cán bộ xã nguyên là hàm hộ như các ông Lâm Vĩnh Bá chủ nhiệm Liên Việt, Trần Thành Chủ tịch xã, Hồ Văn Sơn cán bộ tài chánh, Huỳnh Văn Mỹ cán bộ thuế quan (Chi bộ giới thiệu, huyện kết nạp) được chi

bộ xem xét, cân nhắc, phân tích kỹ lưỡng, thận trọng và mạnh dạn. Các ông thuộc tầng lớp hữu sản tiến bộ, có học thức, tham gia hoạt động từ những ngày đầu, tích cực hoạt động kháng chiến, có uy tín trong dân, trải qua nhiều thử thách, nhất là chịu đựng kham khổ, tính mạng luôn bị đe dọa vẫn không sờn lòng, chấp hành tốt chủ trương chính sách của cách mạng như đóng thuế ủng hộ kháng chiến, hiến điền, thực hiện tăng phần ăn chia cho lao động biển. Sau khi đứng trong hàng ngũ của Đảng, các ông đã phát huy tốt vai trò của mình trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp.

Giữa năm 1949 chi bộ có 28 đảng viên, chia làm 7 tổ Đảng, mỗi tổ 3 - 5 đảng viên, có mặt trong chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể, ở cả 3 thôn. Nhờ vậy sự lãnh đạo của Chi bộ bao quát, sâu sát, nhạy bén, toàn diện, có hiệu quả.

Để nâng cao trình độ lãnh đạo của cấp ủy viên, tỉnh và huyện mở các lớp học ở Ô rô, Cốc Chua và ở huyện, một số cán bộ được cử đi học như đồng chí Lâm Vĩnh Minh, Nguyễn Thìn. Đồng chí Lưu Phương dự lớp học có tên là Huỳnh Thúc Kháng.

Khi đồng chí Lưu Phương trở về huyện công tác thì đồng chí Phan Viên thay làm Bí thư, sau đó đồng chí Lâm Vĩnh Minh được cử làm Bí thư thay cho đồng chí Phan Viên được điều động đi xã khác.

Các đảng viên ở Phú Hải là lực lượng nòng cốt, kiên trung, lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc kháng chiến chống Pháp đến cùng, không ai bỏ cuộc, phản bội.

Đầu năm 1948, Tây đồn Kim Ngọc cùng mật thám Phan Thiết thường vây ráp, càn quét, bắt giết cán bộ cơ sở nhân dân hòng dập tắt phong trào kháng chiến, ban đầu tập trung đánh phá làng Tân Phú, sau đó vào giữa năm chuyển sang đánh phá 6 làng tả ngạn, số lần càn quét gia tăng, có lúc hàng ngày.

Tháng 3-1948, anh Nguyễn Hữu Thanh trưởng công an xã Dân Định cùng 2 cán bộ công an huyện trên đường về làng Tân Phú công tác bị bọn mật thám Phan Thiết, trong đó có tên Kim, giả dạng dân thường phục bắn chết. Một số cơ sở Xóm Ốc, cũng bị chúng bắt giết như các ông Đặng Văn Đạt, Huỳnh Văn Bá... Anh Nguyễn Nhơn-tiểu đội trưởng cảm tử đội nổi tiếng gan dạ, là một người chỉ huy trận đánh bằng xe sở thù, địch treo giải thưởng bắt anh. Một sáng giữa năm 1948, tại cầu Ké, 2 tên mật thám giả dạng dân thường phục bắn anh gãy chân. Chúng tra tấn, anh không khai, chúng bắn anh cùng 5 người tù "xăng cọc-vê" (tù nghi là Việt Minh không cho ra ngoài làm lao dịch) ở Chợ Dầu - Dương Xuân.

Đặc biệt là tên Lu-i khét tiếng tàn ác, giết người không ghê tay, không cần bằng cứ. Dân Tân Phú tìm cách lánh mặt, mỗi lần bị bắt gặp phải kêu hấn bằng cựa. Hấn đã treo cổ 4 người trên cây me, cắt cổ anh Ân cho lòi com. Có lần đang hứng, hấn bắt một người dân rồi giao hẹn, nếu hấn bắn không chết con chim đang đậu trên cây thì bắn người này thế mạng cho con chim (may sao chim chết) vào nhà nào thấy có đồ đạc gì quý và thích thì buộc gia chủ phải bán cho hấn với giá rẻ mạt.

Chỉ huy linh đồn Kim Ngọc càn quét Phú Hải là một tên Tây đội ca lô màu đỏ, dân gọi là "Tây đầu đỏ" hần thường cưỡi ngựa đuổi bắt, bắn giết cán bộ cơ sở (ông Tư Cheo cảm tử đội bị hần bắn chết), vài cuộc càn quét có tri phủ Chuân đi theo.

Mỗi lần đến Phú Hải, chúng sục sạo tìm hầm bí mật, lừa dân làng bắt kể già trẻ trai gái tập trung lên sân banh rồi gạn lọc, bắt những người nghi ngờ là Việt Minh đưa về đồn Kim Ngọc tra tấn khai thác. Một số cán bộ cơ sở, du kích, bộ đội không kịp ẩn tránh cũng bị bắt. Ông Hồ Văn Sơn đang coi đống ghe bị Tây đầu đỏ bắt trời buộc dây sau yên ngựa phải cố chạy theo ngựa về đồn Kim Ngọc. Anh Trần Tấn Lộc cũng bị chúng bắt, một cảm tử đội bị bắt đã tìm cách giao lại quả lựu đạn cho chị Phan Thị Tới.

Anh Nguyễn Văn Xây bộ đội đánh cá ở Tú Lâm bị chúng bắt giam giữ tra tấn. Dù thân thể tím bầm, áo quần rách nát bê bết máu vẫn một lòng trung kiên, không khai báo. Chúng trời anh và 2 người tù khác vào cùng một dây rồi bắn chết tại Chợ Dầu.

Anh Lâm Vĩnh Lân dân quân ở xã Xuân Hòa, anh Lê Điển du kích ở Ngọc Lâm bị chúng bắt tra tấn khốc liệt mặt mũi sưng vù cũng không moi được tin tức gì. Đầu tháng 6-1948 chúng dẫn anh Lân về Phú Hải buộc chỉ nơi cất giấu tài liệu, anh im lặng không trả lời, chúng tức giận đánh đập rồi dẫn anh về lại đồn. Đến giữa cầu Quan, bất ngờ anh lao xuống sông, chúng vội vã bắn theo, máu loang đỏ mặt sông và dòng sông quê hương ôm vào lòng mình người con bất khuất.

Vài hôm sau, vào sáng ngày 14-6-1948 (7-5 âm lịch) cũng tại cầu Quan, lần thứ hai nước sông Phú Hải loang đỏ máu người du kích Lê Điển, địch buộc chỉ nơi giấu súng, anh nói với dân làng : Thà chết chứ không làm hại quê hương !

Anh Phạm Văn Phụng quê làng An Hải, một cảm tử đội dũng cảm, địch dùng cực hình cũng không khai cơ sở ở Phú Hải, chúng bắn anh trên Căng.

Dân thường bị bắt, hễ chúng nghi ngờ cũng bị bắn chết. Ông Có bị hư một mắt chúng đem bắn chết vì cho đó là ông Nguyễn Tứ liên lạc của xã, cũng bị hư một mắt.

Chiến sĩ, dân quân, du kích Phú Hải đã nêu cao gương bất khuất, thà chết không khai.

Tuy vậy "khi địch đánh phá mạnh trong nội thị, một số phần tử hoang mang khai báo, thậm chí còn đưa địch đi chỉ các cơ quan đã nuôi dưỡng che giấu mình trước đây" (PT1, 174). Một hôm Tây và mật thám Phan Thiết qua Phú Hải, ập vào nhà ông Phạm Hữu Bé khui hầm bí mật đặt dưới bếp nấu ăn. Nhưng hầm trống rỗng, không có một cảm tử đội nào. Gặp lúc chủ nhà đi vắng, chỉ có bà già, con nít, chúng hầm hực, đe dọa rồi rút về.

Nửa cuối năm 1948, tình hình ngày càng căng thẳng đồng thời được tin địch có ý định tái chiếm Phú Hải và sẽ áp dụng kinh nghiệm ở Ninh Thuận, dồn dân rào làng, lập khu tập trung, tách cá ra khỏi nước. Thực tế ở Hàm Thuận cho thấy khi địch tới chiếm đóng vùng nào thì chúng thường lợi dụng nơi có nhà cửa kiên cố, rộng rãi

để đồng đồn như biệt thự, đình làng, trường học, chùa, nhà thờ (Kim Ngọc, Rạng, Tâm Hưng, Phú Hội)... Để chống phá ý định của địch tái chiếm Phú Hải, huyện chủ trương phá trước những nơi dự kiến địch có khả năng lợi dụng đóng đồn. Huyện cử anh Đoàn Quang về xã phổ biến chủ trương. Nhân dân xôn xao, sau khi được giải thích, một lòng vì sự nghiệp kháng chiến giành độc lập, mặc dù còn nhiều ý kiến khác nhau nhưng nhân dân đã chấp nhận yêu cầu có tính thử thách cao này (có nhà vắn nấu chè, nấu cháo bồi dưỡng cho dân quân phá nhà mình).

Ở Tân Phú, phá hủy nhà làng, nhà Sở Đoàn, nhà thờ các đình miếu thờ thần linh. Ở Phú Hải diện phá hủy nhiều hơn, huyện tăng cường thêm dân quân Xa Ra Tuy Hòa xuống hỗ trợ cùng với dân quân ở xã do xã đội trưởng Lê Đình Xuân chỉ huy tiến hành phá hủy các cơ sở công cộng : chợ, Lầu Ông Hoàng, nhà hàng, Ngọc Lâm, nhà làng, chùa, đình Tiên Hiền, miếu thần linh... (chỉ còn lại đình Ông thờ cá voi) cách phá cũng thô sơ : chặt cột, đập tường, dùng dây buộc kéo gãy cột, sập nhà. Vài ngôi nhà lớn gần chợ như nhà ông Hào Tâm, Nguyễn Xiu cũng nằm trong đợt này. Trong ba ngày phá hủy hơn 60 cơ sở công cộng (thời gian thực hiện chủ trương này khoảng giữa tháng 10-1948, có người nhớ là ngày 11-9 âm lịch, đêm có trăng).

Do nhận thức chưa thấu đáo, cho là tiêu thổ kháng chiến như những ngày đầu chống Pháp nên các ngày sau tiếp tục phá nhà dân (theo đồng chí Lâm Vĩnh Minh phá gần 150 nhà, theo số liệu báo cho Tây để yêu cầu trợ

giúp dựng lại nhà là 105 cái) có nhà dỡ ngói, kéo sập mái hoặc đập thủng tường nhà (hiện nay nhà ông Đào Hữu Hùng còn dấu vết này). Một hy sinh lớn của nhân dân Phú Hải, Tân Phú.

Địch vẫn tiếp tục càn quét liên miên nhưng vẫn chưa thấy có dấu hiệu rõ rệt tái chiếm Phú Hải. Hoạt động kháng chiến vẫn tiếp tục duy trì, tăng cường cảnh giác đề phòng địch vây quét lớn, tránh tổn thất. Lãnh đạo xã đã có kế hoạch chuẩn bị 2 bộ phận : một sẽ chuyển ra vùng ngoại vi, một sẽ ở lại cùng nhân dân đấu tranh với địch nếu chúng trở lại đóng đồn đồn dân lập khu tập trung.

Đầu năm 1949 địch vẫn gia tăng lòng bố. Trong làng có anh Chút người "tàng tàng" nhưng rất ghét Tây anh thường ở trần, quần đeng (rắn biển) trên cổ, ngêu ngao dọc đường ngày đêm. Khi phát hiện có Tây càn quét anh thường kịp thời báo tin, có lúc anh dùng tay quay vòng tròn hô to : Ta quây (Tây qua) anh là 1 trong những người lội xuống sông đưa thi hài liệt sĩ Lâm Vinh Lân lên bờ. Lần này thấy thằng Tây đầu đỏ hống hách đánh dân, anh tức giận vừa chửi và lấy đá ném. Thằng Tây đâm anh chết tại ngã tư gần nhà ông Cửu Vinh. Dân làng thương tiếc. Anh Lâm Vinh Minh xúc động làm bài thơ có đoạn :

Em tự lo làm lấy

Đi thăm dò tin Tây

Chạy báo cho cán bộ

Tránh lòng bố hàng ngày...

... Đòi em sao ngăn ngủ
An giấc ngủ hôm nay
Anh, những người còn sống
Tiếp nhiệm vụ em đây !

Tiếp đó, một buổi chiều, anh Biểu công an huyện công tác ở Phú Hải xong, trên đường trở về, tới Miếu Kỳ Lân thì bị địch phục bắt, chúng đánh và dẫn anh tới gần ngã ba cầu Quan rồi bắn chết.

Tình hình ngày càng căng thẳng. Đến giữa năm 1949 địch chủ trương rút bỏ một số đồn cô lập bị ta uy hiếp, đồng thời đưa quân về tăng cường phòng thủ ngoại vi bảo vệ trung tâm chỉ huy Phan Thiết. (Địch rút bỏ Lagi 1-5-1949, sau đó rút bỏ đồn Tân Nông, Lương Sơn THCP, 132) ngày càng có nhiều tin tức và dấu hiệu chúng sẽ tái chiếm Phú Hải. Đêm đêm một số cán bộ xã và ở huyện, thị đến công tác thường ra Ngọc Lâm ngủ, để phòng bị địch vây quét lớn nội xã Phú Hải, núi Cốt không những là nơi trú đêm của tiểu đội hỏa lực cảm tử đội mà là nơi trú ẩn bí mật, riêng biệt của nhiều cán bộ cơ sở. Lúc này trời chưa mưa chỉ lơ thơ vài chòm cây xanh. Mỗi buổi sáng, khoảng 8 - 9 giờ thấy dấu hiệu báo an toàn mới về làng hoạt động.

Đêm 1-5-1949 xã tổ chức meeting kỷ niệm ngày Quốc tế lao động tại chợ, nhân dân các làng tham dự khá đông. Sau đó theo thường lệ một số cán bộ ra Ngọc Lâm ngủ đêm. Ông Tăng Hữu vẫn duy trì lớp học bình dân học vụ của mình phụ trách.

Mở sáng ngày 2-5-1949 quân Pháp hành quân cơ giới theo đường Phú Long - Phú Hải - Mũi Đá đổ xuống tiến hành vây quét lớn Núi Cốc. Lực lượng địch khoảng 1 tiểu đoàn hình thành vòng vây khép chặt 3 phía. Hơn 8 giờ sáng, quân địch dàn hàng ngang tràn qua Núi Cốc chạm phải tiểu đội cảm tử đội. Trận cận chiến không mong muốn diễn ra dữ dội, ác liệt. Năm chiến sĩ quyết tử chọi lại một tiểu đoàn địch, chiến đấu ngoan cường đến hoithở cuối cùng, nằm lại trên Núi Cốc thân yêu. Tiếng súng nổ liên hồi vọng vào núi vang xa báo hiệu cho mọi người ẩn tránh nhưng không tránh khỏi tổn thất. Anh du kích Dư Văn Bé bị trúng đạn, một chiến sĩ ốm nặng nằm mê man trên Dinh Cốc bị chúng giết chết. Một số cơ sở bị chúng bắt đánh rồi đưa về Phan Thiết giam giữ tra tấn như ông Văn Tấn Kinh, Phạm Thanh...

Sau trận vây quét Núi Cốc, địch đóng lại đồn ở Phú Hải. Lần này khác trước, ngoài đồn Lâu Ông Hoàng, chúng dựng một hệ thống tháp canh, bót gác, trạm kiểm soát ở các ngã đường ra vào. Phú Hải trở thành vùng địch chiếm đóng, hoạt động kháng chiến gặp bước khó khăn phải chuyển phương thức đấu tranh khác.

IV - VƯỢT QUA KHÓ KHĂN (5/1949 - 12/1951)

Năm 1949 - 1951 địch thực hiện chủ trương dồn dân, dồn làng, rào làng, lập hệ thống lô cốt lập khu tập trung, âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt giết người Việt".

Ở Phú Hải, sau khi tái chiếm, chúng thực hiện âm mưu này theo nhiều bước. Đầu tiên chúng tập trung sức nhanh chóng xây dựng hệ thống đồn bót, trạm gác, tháp canh chốt chặn các ngã đường ra vào vùng trung tâm Phú Hải gồm 4 làng An Hải, Thiện Chánh, Xuân Hòa, Sơn Thủy nơi có nguồn nhân vật, tài lực dồi dào nhất xã (một hình thức rào làng mà không có hàng rào). Tiếp đến chúng lập dựng bộ máy tay sai, tiến hành đánh phá tìm diệt cơ sở cách mạng bên trong, đồng thời mở rộng tầm hoạt động kiểm soát ra tới vùng Ngọc Lâm, ngăn chặn ta xâm nhập. Sau đó chúng chà đi chà lại vùng Tú Lâm, dồn dân về Ngọc Lâm (Xóm Mới) tạo thành một vành đai trắng cắt đứt mối liên hệ giữa nhân dân Phú Hải với cơ quan lãnh đạo xã và khu Lê Hồng Phong nằm phía Tây tỉnh lộ 9.

Từ giữa đến cuối năm 1949, xã tạm thời có 2 vùng: vùng nội xã địch đang trong quá trình xây dựng đồn bót bao gồm khu trung tâm Phú Hải và Tân Phú, vùng ngoại vi địch chưa với tới bao gồm Ngọc Lâm và Tú Lâm.

Cơ quan lãnh đạo xã nằm lại trong Phú Hải cùng nhân dân đấu tranh làm chậm tốc độ xây dựng đồn bót



Ông LƯU PHƯƠNG,
Bí thư đầu tiên của Chi bộ xã Tân Dân.



Ông LÂM VĨNH MINH,
Đảng viên được kết nạp đầu tiên và là
Bí thư Chi bộ xã Tân Dân.

của chúng, chuẩn bị cho nhân dân về tinh thần và phương thức đấu tranh với địch, tiếp tục hoạt động kháng chiến trong vùng địch tạm chiếm sau này, tổ chức mạng lưới và đường dây cơ sở mật.

Dựa vào những nhà có hầm bí mật, kín đáo, dễ quan sát, tiện ẩn tránh cán bộ xấp bám trụ lại (anh Lâm Vĩnh Minh, thường ở nhà ông Tám Đình). Nhiều cuộc họp với nhân dân và đoàn thể được tổ chức có canh gác báo động. Địa điểm thường họp là nhà các ông Võ Cồn, Sáu Quyên, nhà lều ông Võ Thọ Rút, vườn nhà ông Chủ Voi, sau nhà ông Thọ Ngọng... Nội dung chỉ đạo thường là : Ổn định tình hình tư tưởng cán bộ, nhân dân, chuẩn bị tinh thần và điều kiện hoạt động trong bối cảnh mới, đề cao ý thức bí mật, hướng dẫn phương thức đấu tranh hợp pháp, tiếp tục ủng hộ quý kháng chiến. Việc tổ chức cơ sở mật, nhất là bố trí cán bộ nằm lại trong nội xã hoạt động được cấp ủy và Ủy ban cân nhắc kỹ, chọn người địch ít có khả năng phát hiện kể cả địch có thể dò tìm qua người thân trong gia đình (phần lớn cán bộ có gia đình đều ra rừng sau này) và có điều kiện hoạt động. Cơ sở mật được bố trí riêng rẽ, quy ước sẵn cách bắt liên lạc.

Địch bắt làm xâu, xây đốn, nhân dân trốn tránh, lẩn công, rề rà gánh nước, khuân vác, phụ hồ. Chúng vào nhà cướp gỗ gạch thì tìm cách cất giấu, giăng co, lói kéo, chửi rủa, đòi phải mua bán sòng phẳng. Có lần anh Phạm Ty đưa một bộ phận bộ đội địa phương huyện về phục kích trong nhà cha mình ở Ngọc Lâm diệt 2 tên địch do Tây đốn cướp gỗ nhà dân.

Địch bắt làm hồi tề, ta khuyên những người có cảm tình với kháng chiến ra làm và răn đe những người mà dân e ngại. Địch bắt làm thẻ tùy thân, nhân dân tìm cơ không tiền đồng, trì hoãn, kéo dài, đối với cơ sở mật thì ta cho làm giấy sớm như dân thường.

Công tác vận động ủng hộ kháng chiến và đóng thuế nước mắm, môn bài, muối... được duy trì kín đáo, các hàm hộ, thương nhân, chủ ruộng muối vẫn nộp đủ (Phú Hải và Mũi Né được đánh giá là nơi " đóng góp lớn nhất huyện" (HT 1, 112) huyện thu thuế muối ở ba làng Tân Phú, Lại An, Tân Xuân mỗi năm 15 ngàn đồng Đông Dương. Giấy tờ, số liệu, báo cáo thu thuế chuyển sang cách viết bí mật. Dùng nước cau tươi hoặc nước xà bông viết trên giấy xấu (địch ít chú ý) đem phơi khô, không thấy chữ, khi xem nhúng vào nước vo gạo chữ sẽ hiện lên.

Một số nam nữ thanh niên và người có cảm tình với kháng chiến không muốn sống dưới sự kiểm soát của địch, tìm cách qua trạm gác thoát ly ra rừng đi bộ đội hoặc làm người dân làng kháng chiến, hoặc vào cơ quan làm việc (trong số này có các chị Hồ Thị Minh Đông, Huỳnh Thị Đông, Võ Thị Lan làm nhân viên ty ngân chính).

Cuối năm 1949, theo chỉ thị của huyện, cơ quan lãnh đạo xã di chuyển ra vùng ngoại vi, chia làm 2 đợt, lần lượt rút khỏi vùng nội xã. Ban đầu ở Tú Lâm sau dời qua khu rừng Động Cát Đổ phía Tây tỉnh lộ 9, dựa lưng vào khu Lê Hồng Phong. Đầu năm 1950, cán bộ lãnh đạo chủ chốt của cơ quan xã đã có mặt : Lâm Vĩnh

Minh bí thư chi bộ, Trần Thành Chủ tịch xã, Lâm Vinh Bá Chủ nhiệm Liên Việt, các ông Võ Thọ Châu, Hồ Văn Sơn, Nguyễn Thìn, Nguyễn Thi... xã đội có các ông Lâm, Mai, Nguyễn Xiu, công an có các ông Xuân, Lê Trí Thức, Trần Đình, Phụ nữ có các chị Lâm Thị Mai, Trần Thị Hương, bộ phận du kích có 3 khẩu súng trường.

Nhiều căn nhà lá nhỏ ẩn dưới các lùm cây là nơi ẩn ở của cơ quan, có canh gác. Mỗi buổi sáng phải tiến hành trình sát ven rừng và quanh Giếng Mái, nếu an toàn mới triển khai các hoạt động. Nơi gặp gỡ tiếp xúc với cơ sở và nhân dân thường ở Núi Cốc và nhiều địa điểm ở Tú Lâm. Đường dây liên lạc bí mật ở 2 đầu Trạm gác Lăng Ông : một ở Ngọc Lâm, một ở An Hải. Trên Núi Cốc, ta bí mật đặt vọng quan sát rất kín đáo do 1 tổ quân báo đảm trách theo dõi hoạt động của địch ở đồn Lâu Ông Hoàng và phát tín hiệu bí mật báo an, báo động (chỉ có cán bộ được thông báo trước mới biết). Khi cần thì đột nhập vào Phú Hải ban đêm. Thường đi sát mép nước biển (không đi trên cát trắng, địch dễ phát hiện bóng đen) khi vào đến cửa mới lên bờ. Có lúc phải lội ra cửa lên thuyền rồi mới cập bến, tại bến có quy định ám tín hiệu và người đón đưa về nơi an toàn.

Đầu năm 1950, địch xây dựng xong hệ thống đồn bót ở Phú Hải. Trên Núi Bửu Sơn có đồn Lâu Ông Hoàng với tầm quan sát xa sát chân Núi Cốc. Hai đầu cầu Quan có 2 tháp canh : tháp canh bên Phú Hải gần nhà ông Lê Xuân Bình, tháp canh bên Tân Phú ở sát sông cạnh nhà ông Hộ Thi, nhìn thấy rõ ven động, đường đi chợ Đình, đường cống lờ đi Lại An. Bót Trùm Hòn chốt giữ

đường Phú Hải đi Mũi Đá, án ngữ đường đi Mã Trái Bí. Bót dinh Thân và trạm gác Lãng Ông lục soát dân ra vào đường Phú Hải đi Ngọc Lâm. Chòi quan sát Cây Me thường xuyên dòm ngó hoạt động của dân chúng trong làng. Phía biển ca nô địch tuần tra.

Chúng bắt đầu kiểm soát chặt chẽ, lùng bắt cán bộ cơ sở trong nội xã, đánh phá liên tục vùng ngoại vi ngăn chặn ta xâm nhập.

Chúng củng cố lại ban hội tế, đưa những tên không lương thiện vào làm, trong đó có tên Nhạc (tự xưng là Tổng Nhạc) ở Tân Phú. Số này tuy ít nhưng ngy hiểm, thường đe dọa tống tiền các gia đình thoát ly kháng chiến, quà cáp, biếu xén không vừa ý thì đe dọa báo Tây bắt. Đồng thời một số cơ sở của ta bị địch bắt tra hỏi. Trước tình hình này, dưới sự chỉ đạo của ông Nho (Hiến), công an và xã đội thực hiện kế hoạch ly gián. Cơ sở mật của ta (trong đó có anh Võ Đức Hay) dùng hình thức bỏ thư rơi gây cho địch nghi ngờ số này là do ta gài vào, không tin cậy, thải loại, thậm chí giết chết. Tên "Tổng Nhạc" cũng không thoát khỏi kế hoạch ly gián này, về sau địch không sử dụng nữa).

Một buổi sáng tháng 3-1950, anh Trần Văn Dậy du kích mật, đang cùng nhiều người súc rửa tìn nước mắm thì địch tới bắt đưa về Phan Thiết vào trại giam đồn G.I. Trước đó vài ngày chúng bắt anh Mười Thống nhà gần cầu Quan và cũng giam tại đây. Chúng tra tấn cũng không khai thác được điều gì. Chiều ngày 7-3-50 (21-2 âm lịch) gia đình đi bỏ bao thì chúng cho biết sẽ thả anh Dậy vào sáng hôm sau. Tưởng thật, cả nhà ai cũng

có ý mừng cho người cha trẻ sắp được về nhìn mặt đứa con đầu lòng mới sinh đầy tháng. Đêm hôm đó, những người ở các nhà quanh chợ nghe tiếng ô tô dừng lại. Một lúc sau nghe tiếng lên đạn lách cách rồi nhiều loạt súng nổ dài. Mờ sáng, những người đi gánh nước sớm thấy 2 thi hài nằm trước chợ, nhìn mặt nhận ra anh Dậy và anh Mười Thông bị chúng giết chết. Bên trái chợ còn có xác một tên hội tề bị chúng bắn chết sau kế hoạch ly gián của ta.

Chúng mở rộng hoạt động kiểm soát vùng ngoại vi Ngọc Lâm, đốt phá, bắt dờ nhà dờ dân vào khu tập trung Xóm Mới. Lấy cớ là nơi tổ tiên ông bà tạo dựng từ xa xưa, nhiều người làm đơn xin ở lại đất cũ. Ban đầu chúng chấp nhận cho một số nhà ở lại (như nhà ông Bộ Tự) nhưng về sau chúng dùng áp lực buộc phải vào khu tập trung).

Lúc này ta cần phải đột nhập bí mật vào Phú Hải móc nối cơ sở, nắm tình hình, chỉ đạo đấu tranh. Việc này nhiều khó khăn, có khi tổn thất.

Một đêm tháng 7-1950, một tiểu đội bộ đội địa phương đột nhập vào Phú Hải. Lúc trở ra, địch ở bót Dinh Thần bất ngờ nổ súng dữ dội, kéo dài sát mép nước dọc bờ biển. Anh Nguyễn Văn Dân, đội viên, quê làng An Hải, đi sau cùng bị trúng đạn hy sinh. Ngày hôm sau, một ông già trong làng uống rượu giả say vào bót xin nhận thi hài đem về cho gia đình mai táng.

Cũng vào thời gian này, sau khi kết thúc chiến dịch hè ở Bắc Bình Thuận, bộ đội chủ lực tỉnh cùng bộ đội địa phương huyện mở "Hoạt động Thu". Hệ thống tháp

canh cao dọc đường 8, quốc lộ 1, tỉnh lộ 9 quanh thị xã đều bị tấn công. Chiến thuật đánh tháp canh chủ yếu là dùng FT1 (loại mìn lôm có sức công phá lớn như pháo) áp sát vào tường tháp canh rồi cho phát nổ.

Ở Phú Hải, tháp canh hữu ngạn bị kềm chế, tháp canh tả ngạn bị tấn công. Sau cơn mưa chiều, đêm về im ắng. Tiếp theo tiếng nổ từ đường 8 vọng lại là tiếng nổ dữ dội, mặt đất rung mình, khói đen trùm kín tháp canh Phú Hải. Bộ đội tiếp cận xung phong đánh chiếm. Cai Kim bỏ mạng, ta thu vũ khí (trận này địch cho là nội ứng vì chiều hôm đó, lấy cờ có đám giỗ, vợ một người lính đem rượu thịt đến cho Cai và lính ăn uống say sưa).

Chiến thắng hoạt động Thu làm cho nhân dân phấn khởi, tề ngụy hoang mang, địch lỏng lộn, tức tối, trả thù. Chúng hèn nhát đem tù ra bán hàng loạt ở trại giam PaGốt, trong đó có anh Nguyễn Nhớ cảm tử đội quê làng Tân Phú. Ở Phú Hải, tại Ba Dốc, chúng dùng xe chở tù Phan Thiết qua 6 người tù trói cùng một dây bán chết rồi lấp chung một hố. Dân làng đào lên cơi trói chôn riêng từng người thành một hàng 6 ngôi mộ.

Để ngăn chặn ta làm công tác binh vận, chúng đưa lính Hòn (đảo Phú Quý) đến gác tháp canh cầu Quan, đồng thời mở rộng các cuộc hành quân ra Tú Lâm nhằm xóa bỏ bàn đạp của ta tiến vào Phú Hải. Trên bộ có bọn Còm Mãng Đô phục kích có lúc mới mờ sáng, trên biển ca nô địch bất ngờ đổ bộ vào giữa trưa, gây cho ta một số tổn thất như anh Bùi Mên du kích bị thương thấu phổi, gãy tay. Có lần mới mờ sáng, chúng đã lừa bắt dân tập trung lại một chỗ để dồn dân vào Ngọc Lâm. Anh

Liều du kích đã bí mật vượt qua tỉnh lộ 9 vào rừng báo tin cho bộ đội địa phương. Anh Vực đã chỉ huy đơn vị kịp thời vận động phục đánh địch tại Đá Chẹt giải thoát được đồng bào bị bắt, còn chúng tháo chạy để lại nhiều vết máu.

Sáng ngày 20-10-1950, địch càn quét khu rừng Động Cát Đỗ nơi ở của cơ quan xã. Hai du kích gác báo động bị địch đuổi theo nổ súng. Anh Tăng Văn Giới trúng đạn hy sinh. Cơ quan xã kịp thời thoát lui, an toàn.

Giữa tháng 11-1950 (5-10 âm lịch). Hội Phụ nữ xã tổ chức một cuộc họp trong nhà ông Bốn Ợ ở Ngọc Lâm. Qua khỏi trạm gác Lãng Ông, các chị lẻ tẻ từng người đi về hướng xóm nhà gần Núi Cốc. Địch ở Lâu Ông Hoàng quan sát phát hiện nghi ngờ cho lính vây bắt. Cùng lúc này ở ngôi nhà đầu xóm, anh Hà Văn Thu chủ nhà là liên lạc mật ở Ngọc Lâm và anh Nguyễn Văn Đủ liên lạc mật ở An Hải đang trao đổi tài liệu, bản tin. Bất ngờ địch ập vào nổ súng. Anh Đủ chết giữa sân, anh Thu bị thủng bụng vội gọi con gái chưa kịp đến thì chúng bắn tiếp, anh hy sinh. Nghe súng nổ cuộc họp giải tán.

Mất cơ sở liên lạc, địch đánh phá mạnh, việc chỉ đạo gặp khó khăn. Cùng lúc này, các xã trong huyện cũng bị "địch dồn sức đánh phá áp đảo ta" (HT 1, 122) và ta "đứng trước nhiều khó khăn gay gắt". Để kịp thời đối phó với tình hình địch chia cắt, khống chế địa bàn, cuối 1950 huyện quyết định phân vùng, sáp nhập 20 xã thành 8 xã lớn hơn, tên xã bắt đầu bằng chữ hàm, và 8 chữ tiếp sau là : Cán, Kiệm, Liêm, Chính, Nhơn, Đức, Trí, Dũng (HT 1, 92).

Thực hiện chủ trương trên, ba xã Dân Định, Dân Lập, và Tân Dân tiến hành hợp nhất thành xã Hàm Nhơn, cán bộ xã Tân Dân tham gia vào cơ quan kháng chiến xã Hàm Nhơn có các ông : Lâm Vĩnh Minh ủy viên tổ chức (vài tháng sau chuyển về xã Hàm Trí), Trần Thành Chủ tịch xã (sau bị ung thư chết) Lâm Vĩnh Bá mặt trận Liên Việt, Võ Thọ Châu và Hồ Văn Bảy Ban thư ký, Nguyễn Xiu xã đội phó, Lâm Thị Mai và Trần Thị Hương Thường trực phụ nữ...

Ba chi bộ hợp nhất thành chi bộ xã Hàm Nhơn, ông Đào Bích làm Bí thư. Chi bộ có hơn 200 đảng viên chia thành nhiều phân chi bộ kết hợp với Ban cán sự vùng nhỏ và đội võ trang công tác Phú Hải.

Từ đây về mặt tổ chức hành chính kháng chiến thì Phú Hải là một vùng của xã Hàm Nhơn và chỉ đạo trực tiếp là Ban cán sự Phú Hải.

*

* *

Năm 1951, ở Phú Hải chúng ra sức lập vành đai trắng cố cắt đứt mối liên hệ giữa nhân dân với cơ quan lãnh đạo kháng chiến, củng cố bộ máy hội tế tăng thêm Bang Tá và nhân viên mật thám truy lùng cơ sở mật, ra sức vơ vét tài lực và bắt lính lập "Quân đội quốc gia".

Địch mở nhiều cuộc hành quân càn quét, chà xát vùng Tú Lâm, đốt phá nhà bán chết người (con bà Tư Tới) dùng áp lực súng đạn lừa dân dồn vào khu Xóm

Mới ở Ngọc Lâm, biển Tú Lâm thành vành đai trắng, cấm dân chúng đi lại, muốn ra vào Phú Hải chỉ đi một con đường qua trạm gác Lăng Ông. Hễ thấy người đi trên tỉnh lộ 9 và các con đường khác thì từ Lầu Ông Hoàng chúng bắn pháo cối. Anh Năm Đào (Năm Sung) quê Lại An bị bắn chết ở Hầm Đá. Anh Phạm Nhơn du kích thoát ly đang từ Đá Chẹt đi vào buổi chiều, bị chúng bắn gãy ngón tay cầm chai mua dầu. Ban đêm, anh Võ Chử cầm đèn đi rước mụ về đỡ đẻ cho vợ cũng bị chúng bắn chết.

Đọc đường bờ biển Ngọc Lâm đi Tú Lâm, chúng cho lính giả dạng người câu cá, còn chúng thì phục kích trong các bụi cây dừa đợi chờ bắt cán bộ cơ sở ra vào.

Tháng 5-1951 anh Nguyễn Ngọ chiến sĩ bộ đội địa phương quê làng An Hải, từ Tú Lâm vào tới Bãi Đanh thì mới biết mình đã lọt vào ổ phục kích của địch. Anh lợi xuống biển lặn vào người đang đẩy rước. Chúng bắn anh bị thương nặng, sau đó không cứu được.

Tiếp đến ngày 10-6, anh Văn Tấn Ngọ chiến sĩ nuôi quân bị chúng phục bắt, anh lao xuống biển, chúng bắn theo, máu loang đỏ một vùng sóng nước, Ngọc Lâm. Nhiều cơ sở ra Tú Lâm họp cũng bị chúng bắt giữ như các ông Văn Tấn Kinh, Bốn Quy, Trương Lợi, chị Mười Tấn... nhưng không có chúng cơ chúng thả về.

Thời gian này, Ban cán sự Phú Hải vẫn lấy Động Cát Đổ làm căn cứ. Ông Nguyễn Thi làm Trưởng ban kiêm chính trị viên Đội võ trang công tác (VTCT), ông Trần Đình ủy viên công an, ông Nguyễn Xiu đội trưởng

đội VTCT, ông Lâm và ông Mai làm địch vận, ông Giáo Bé công đoàn...

Rút kinh nghiệm bị tổn thất, các hoạt động kháng chiến chuyển hẳn vào bí mật, tránh không cho địch đánh phá, pháng đầu mối. Giảm các cuộc hội họp và số lần đột nhập vào nội xã, xây dựng lại đường dây liên lạc, tiếp tế, chọn lựa cách thức vượt qua vùng trắng Tú Lâm, lợi dụng Núi Cổ chắn ngang tầm mắt quan sát của địch ở Lầu Ông Hoàng.

Đối với nội xã chủ yếu dùng phương thức "móc nối kéo ra ngoài" vùng ngoại vi. Từ nhiều địa điểm hẹn gặp khác nhau, từng cơ sở một giả dạng đi câu, đi chợ, đi đám giỗ, thăm bệnh, hái củi ra gặp cán bộ. Nội dung gặp lắng nghe thông tin 2 chiều, nắm kết quả ủng hộ kháng chiến, hướng dẫn đấu tranh với địch, hình thức hợp pháp, lý lẽ phù hợp, hình thức, mức độ, yêu cầu hợp lý (anh em gọi vui là phương thức "cán bộ cần câu").

Đường dây liên lạc bí mật được xây dựng lại, hộp thư bí mật được đặt ở khu vực Cây Dứa Bà Trùm, cây Dưỡi Tú Lâm. Giấy tờ dùng mực viết không thấy chữ, dùng tiếng lóng, quy ước mật mã. Hàng hóa công khai qua trạm gác Lãng Ông thường giấu trong gánh, đệm, than củi... vật nhỏ có thể nhét vào miệng cá, bụng cá, cần câu.

Các hội viên cứu quốc được chia từng tổ vài ba người, tổ này không biết tổ kia. Sinh hoạt dưới hình thức công khai như chơi bài, uống trà, rủ nhau đi gánh nước, thợ bần bần đi biển. Du kích mật cất giấu lựu đạn, khi có lệnh mới đưa ra sử dụng (như ông Trương Lợi được

được giao 2 quả lựu đạn). Nữ du kích ít nghi ngờ hơn, vài đội viên VTCT được bố trí làm bạn đi biển kéo lưới rừng vừa làm nhân cốt cho du kích mật. Hình thức truyền đơn, khẩu hiệu tạm ngưng sử dụng.

Để tăng cường kiểm soát điều hành Ban hội tề và kìm kẹp chặt nhân dân, chúng đưa từ nơi khác tới một Bang tá tên là Nghê và đưa tên Nổi mật thám ở Phan Thiết về Phú Hải tổ chức màn lưới chỉ điểm phát hiện đánh phá cơ sở của ta, đặc biệt tên này hay chửi cách mạng và đe dọa nhân dân. Được thế, "tề ngủ đôn" (không dám ngủ nhà sợ ta trừng trị phải lên đôn ngủ), lên mặt hoạt động mạnh. "Tề ngủ nhà" (có quan hệ và chịu sự chỉ đạo của ta) lo lắng, nhân dân yêu cầu có biện pháp mạnh. Một đêm, đội VTCT cùng với công an đột nhập vào Phú Hải, bắt gọn tên Nổi tại nhà một người đàn bà góa mà hắn thường ép buộc. Ta trừ khử và để lại bản án. Ở Tân Phú một tên "tề ngủ đôn" thường hống hách bị ta trừng trị cảnh cáo ban ngày. Nhân dân phấn khởi, tề ngủ nhà an tâm, tề ngủ đôn lo sợ.

Để có người làm việc, chúng buộc phải bổ sung người vào Ban hội tề. Lần này ta chỉ đạo cơ sở vận động những người có cảm tình với kháng chiến chịu ra làm hội tề như các ông Nguyễn Phú Xuân, Thân, Y và một vài cán bộ giám biên chế của ta về nhà làm ăn. Phần lớn nhân viên hội tề, nhất là trưởng ban (Bảy Tang) đều chịu sự giám sát của ta và khi có vấn đề khó xử lý thì xin ý kiến chỉ đạo của ta.

Lúc này chúng buộc dân phải làm thẻ tùy thân, tăng thuế, bắt dân đi xây, đi lính.

Mỗi gia đình phải nộp 5 đồng, thẻ tùy thân 25 đồng, giấy kiểm tra 2 đồng. Lấy cơ đói nghèo, biển giá khó khăn, không có việc làm, dân lao động kỳ kèo xin miễn giảm, hèn lẩn, trì hoãn, kéo dài. Dịch tặng các loại thuế. Thuế thổ trạch 15 - 200 đồng, thuế thủy đình đánh vào nốt chà 50 - 100 đồng (lúc này giá gạo 40 đồng 1 gạo), các loại thuế môn bài, xe ngựa, nước mắm đều tăng... Chúng bày thêm một số thuế mới như thuế ánh sáng, thuế bảng hiệu, thuế bù trừ hối đoái (PT1, 206). Các đối tượng chịu thuế như hàm hộ, thương nhân, chủ ruộng muối... làm đơn kêu ca mất mùa, thua lỗ xin miễn giảm trì hoãn thời gian nộp thuế.

Dịch bắt dân đi làm xấu khiêng gạch gỗ, bốc dỡ vật liệu, rào đồn. Lấy cơ đang mùa vụ trồng tría, tối trời đi biển, vợ con nheo nhóc, ốm đau, ma chay, cưới xin... lên xuống nhiều lần xin giảm. Chúng phải chấp nhận giảm bớt số ngày đi xấu từ 15 còn 5 ngày, từ 5 ngày còn 3 ngày.

Chúng bắt dân gánh nước cho lính đồn Lầu Ông Hoàng sử dụng, ai gánh đủ số quy định chúng cấp giấy chứng nhận. Ai không có giấy này chúng bắt đi gánh nước bất kể đang làm gì, ở đâu. Có lần vì bực tức họ lên đái vào nước cho chúng uống, chẳng may chúng dùng ống nhôm quan sát bắt gặp, chúng đánh và buộc phải gánh gấp đôi.

Để phát triển nguy quân thành lập "quân đội quốc gia" chúng tổ chức nhiều cuộc lùng bắt thanh niên đi lính. Các mẹ, các chị, các em canh chừng báo động. Thanh niên trốn hầm bí mật, tạm lánh ra rừng, đi biển, đi nơi

khác. Có đợt gắn chực thanh niên tự hủy hoại một phần thân thể để chống bắt lính. Họ chặt 2 đốt ngón tay trở phải thường dùng bóp cò súng, chặt ngón chân cái để bị loại vì không thể chạy nhanh và hay bị vấp ngã, nhỏ nước lá cây vào mắt gây viêm giác mạc cấp, bôi mù xương rồng vào vùng da mỏng gây viêm loét da có mũ cấp tính.

Song song với chống xấu, thuế, bắt lính còn đấu tranh chống hãm hiếp phụ nữ. Một chị phụ nữ bị Tây đồn hãm hiếp. Các mẹ, các chị làm đơn kêu kiện đòi không được làm nhục phụ nữ. Chúng vu cho là âm mưu của Việt Minh nói xấu quân đội Pháp. Cơ quan Phòng Nhì ở Phan Thiết bắt đến tra hỏi, đe dọa. Sau khi bị vạch trần sự thực có chứng cứ, chúng buộc phải hứa ngăn cấm.

Tháng 10-1951, để hỗ trợ phong trào kháng chiến vùng tạm bị địch chiếm. Xã Hàm Nhơn tổ chức và tiến hành một số hoạt động : treo cờ, rải truyền đơn ở chợ Phú Long, phá hoại giao thông đường Phú Long - Phú Hải. Ngày 13-10-1951 nữ du kích Hàm Nhơn giả người đi chợ, giấu lựu đạn dưới rau qua bót gác Cầu Quan, được sự phối hợp của nữ du kích mặt Phú Hải, ném lựu đạn vào lính đồn đi chợ. Lựu đạn nổ, vài tên bị thương. Chúng cố truy lùng nhưng không tìm ra manh mối (trong vụ này có vài bà, vài chị đi chợ vướng phải mảnh lựu đạn).

Tháng 12, bộ đội ta thắng lớn ở khu vực Căng làm tăng thêm niềm tin của nhân dân hướng về kháng chiến

(9-12 tấn công trường bắn, 28-12 tiêu diệt cứ điểm Căng, 31-12 bắn rơi 1 máy bay Đacôta).

Trước đó, vào giữa năm 1951, huyện tổ chức hội nghị sơ kết về công tác tiến sâu vào hậu địch của các đội VTCT tại Bàu Ghe nhằm thúc đẩy hoạt động kháng chiến vùng sau lưng địch. Đối chiếu với phong trào Phú Hải thấy không sai hướng. Nhờ vậy đã vượt qua khó khăn từ giữa năm 1949 đến giữa năm 1951, có bước phát triển vào cuối năm, nhất là xây dựng và duy trì hoạt động của các tổ chức cơ sở trong nội xã, giữ được liên lạc giữa hai vùng nội xã với nhau, chỉ đạo hoạt động kháng chiến bước đầu thông suốt. Lúc này ở Phú Hải có 709 hội viên cứu quốc, 1.653 quần chúng cơ sở, 10 tổ du kích mật với 77 đội viên (HT1, 138) một phần ở ngoại vi Ngọc Lâm, Tú Lâm, một phần nằm trong nội xã.

Theo phương châm của Hội nghị sơ kết : hoạt động toàn diện chính trị - quân sự - địch vận, lấy vận động chính trị làm chủ yếu, hoạt động quân sự đóng vai trò hỗ trợ, phong trào kháng chiến ở Phú Hải bước vào năm 1952 với những bước đi tự tin hơn.

V - GIỮ VỮNG PHONG TRÀO (1-1952 - 7-1954)

Năm 1952 hoạt động của địch nổi lên ở Hàm Thuận là tiếp tục càn quét phá hoại sản xuất, giết trâu, cướp lúa, dồn dân lập thêm đồn mới (Xóm Bàu). Ở vùng địch hậu chúng ra sức củng cố hội tế ngụy, vây bắt linh. Còn bộ đội ta cũng giành thêm nhiều chiến thắng hỗ trợ tích cực cho phong trào kháng chiến trong huyện. (Trận độn thổ ở Bình Lâm, tập kích đồn Mường Mán (20-8) tiêu diệt đồn Ngã Hai 18-9).

Ở Phú Hải, ta đấu tranh xóa vành đai trắng, chỉ đạo hoạt động trong nội xã đi vào chiều sâu, chú ý chất lượng, tiến hành công tác địch vận. Ở vùng rừng ta hình thành làng kháng chiến Phú Hải.

Cuối năm 1951 bước sang năm 1952, các cơ quan kháng chiến và đơn vị bộ đội giảm mạnh để tinh gọn biên chế (cơ quan tỉnh, huyện từ 3.800 còn 2.000, riêng cơ quan tỉnh còn 100, Tỉnh đội còn 50). Nhiều cán bộ, chiến sĩ quê Phú Hải trở về làm người dân sinh sống trong vùng rừng kháng chiến. Phú Hải hình thành làng kháng chiến Phú Hải (vùng kháng chiến xã Hàm Nhon có 2000 dân chia làm 5 thôn, làng kháng chiến Phú Hải là thôn 4). Rừng Động Cát Đổ, cây Sò Đo, Láng Găng xuất hiện nhiều nhà lá mái thấp nấp dưới các lùm cây quanh năm có lá. Vách nhà, sạp nằm được làm bằng nhiều cây nhỏ thẳng. Chông cắm quanh nhà, lương thực nước uống được chôn giấu, có hầm bí mật. Có tổ chức

thôn trường, canh gác và báo động bằng keng. Sáng sớm du kích đi trinh sát ven rừng, nhất là ven động có giếng nước, nơi địch thường phục kích. Nhiều cuộc đụng độ diễn ra, tiếng súng vang xa, tiếng keng báo động dồn dập. Trước đây vùng rừng này có lúc vết chân cọp nhiều hơn dấu giày đinh của Tây. Cọp đi có lúc thành đàn năm ba con, bắt heo, bò và cả người. Có người ngủ đêm bị cọp liếm tóc, có người phải trèo cây suốt buổi (ông Đình đi họp công đoàn gặp cọp phải leo cây). Cuối năm 1951 trở đi cọp giảm dần.

Người dân ở đây vừa tăng gia sản xuất, vừa tham gia bảo vệ canh gác, đi dân công, đóng góp công sức cho kháng chiến. Họ làm rẫy trồng khoai mì, khoai lang, dưa ớt, hái củi, hầm than.

Có người làm thợ máy, cắt tóc, làm các loại bánh kẹo như bánh hời, bánh thuẫn, bánh kẹp, kẹo đậu phộng... mở quán bán ở chợ kháng chiến Cây Xay.

Họ có quan hệ mật thiết với thân nhân ở Phú Hải không thể cắt rời, là người tuyên truyền có hiệu quả các chủ trương của kháng chiến, đồng thời thường xuyên được thân nhân cung cấp, gạo, cá, trà, thuốc, vật dụng cả mặt hàng hiếm như cà phê. Các đám cưới cũng được tổ chức tươm tất.

Đời sống của Ban cán sự Phú Hải có khó khăn hơn, nhất là các gia đình nghèo, phải vừa làm việc vừa sản xuất tự túc, có khi đẩy rước. Thành thạo thuyền vận tải của tỉnh chở cá mắm Hàm Tân về trạm Đất Im thì cũng được vài ba hủ mắm ăn trong vài tuần. Phần lớn

nhờ gia đình tiếp tế gạo cá rồi gánh củi, mì, lang, dưa, ớt về bán kiếm tiền sinh sống nhưng cũng không dễ dàng qua trạm gác Lăng Ông. Chị Phạm Thị Lùn (vợ ông Nguyễn Thi), chị Giác (vợ ông Trần Đình) thường chọn phiên lính gác "dễ chịu" để qua trạm. Có lần chúng tra gạn "chị là đàn bà sao cửa được củi thẳng như vậy?", "Dem cá nục, bánh trắng cho Việt Minh phải không?", "Mì lang ai trồng mà có?".

Làng kháng chiến Phú Hải là một mục tiêu địch chú ý, chúng có vài lần mò vào nhưng ngán ngại chông gài và du kích.

Đối với vành đai trắng, ta chỉ đạo đấu tranh từng bước, nhân dân Tú Lâm, Ngọc Lâm làm đơn yêu cầu cho nhân dân được đi lại làm ăn, phát rẫy, đi củi, chăn bò, bẫy thỏ, bắt dồng... để sinh sống. Địch chưa chấp nhận thì bất ngờ đạn pháo Lầu Ông Hoàng rơi vào khu tập trung xóm Chợ Mới, chị Mẫn bị trúng đạn. Nhân cơ hội, lấy cơ không an toàn nhân dân bung ra làm nhà ở dọc biển, Xóm Lặn, có người trở về nơi cũ, xóa dần một bước ranh giới chia cắt của vành đai trắng tạo điều kiện cho việc ra vào nội xã giảm bớt khó khăn. Có lần ông Nguyễn Thi Trưởng ban cán sự giả người đi củi, ban ngày qua trạm gác Lăng Ông vào Phú Hải hoạt động, gặp gỡ cơ sở, nghe báo cáo và trực tiếp chỉ đạo. (Ông có thể tùy thân, giầy gánh nước đủ cho đốn...).

Chỉ đạo công tác địch vận ở Phú Hải do ông Nho (Hiến) hai ông Lâm và Ba Mạ, thường dùng đơn tuyến. Một cơ sở là ông Nguyễn Đông (Dú) bắt mối với một thiếu úy tên là Trá và một lính thường tên là Tư Viên.

Hai người này thường đến chơi nhà ông Đồng báo cho biết ngày giờ, địa điểm lùng bố và ai đã bị bắt. Khi ông Đồng gọi ý thì người thiếu úy này tìm cách thả về. Địa điểm liên lạc giữa ông Đồng với ông Lâm là Vườn chuối Tú Lâm. Một thời gian sau hai người này chuyển đi nơi khác.

Một cơ sở nữa là anh Hồ Mạo bắt mối với lính bót gác, đã có vài lần chuyển đạn và lựu đạn cho ta.

Quân báo Tỉnh đội cũng sử dụng đường dây liên lạc Phan Thiết - Phú Hải - Chợ Cây Xay thông qua các mẹ, các chị đi mua bán ở chợ kháng chiến này như các bà Nguyễn Thị Dậu, Tám Mẹo... Buổi sáng, ông Tư Muồng từ Phan Thiết qua Phú Hải giao cho bà Dậu vài tờ giấy trắng (dùng mực hóa học không thấy chữ) bà giấu dưới hàng hóa đến chợ Cây Xay giao cho anh Lạc đã chờ sẵn, rồi lại nhận vài tờ giấy trắng của anh Lạc về giao cho ông Tư Muồng.

Nhiều gia đình ở Phan Thiết có thân nhân đi kháng chiến cũng theo con đường này chuyển vật phẩm tiếp tế cho chồng, con, em mình.

Trước những chiến thắng và chính sách tù hàng binh của ta, nhất là trận tiêu diệt đồn Ngã Hai (18-9-1952) loan tới Phú Hải làm cho một số binh lính địch dao động. Các mẹ, các chị nhỏ to hỏi chuyện gia đình, khêu gợi, cảm cảnh chết chóc, ngụ ý "ở hiền gặp lành", "ác giả ác báo"... làm cho một số binh lính chịu sự tác động chuyển biến theo hướng an phận, nói lỏng kiểm soát, giảm tính hung hăng, lánh chết... góp phần thuận lợi cho hoạt động của ta.

Khi Hàm Nhơn bầu Hội đồng nhân dân xã, các cơ sở ở Phú Hải giới thiệu ông Huỳnh Can (Cử Cận) đại biểu cho nhân dân vùng nội xã Phú Hải (chủ trương này đã có từ tháng 8-1948 của huyện Hàm Thuận (HT1, 89, sau khi hợp nhất, xã Hàm Nhơn tổ chức lại). Hoạt động chủ yếu của đại biểu HĐND trong vùng địch là quan sát nắm tình hình o ép, kềm kẹp của địch, phản ánh nỗi khổ và nguyện vọng của nhân dân vùng địch hậu cho Ủy ban xã ngoài rừng, nhất thiết không để lộ bí mật (nhiệm vụ này được đơn giản hóa và gói gọn 7 chữ "mắt thấy, tai nghe, miệng nói lại"). Tuy vậy, có lần, ông công khai trực tiếp khuyên răn một vài người không nên cờ bạc thì bị họ dọa báo cho địch, về sau được chấn chỉnh.

Trên cơ sở phong trào kháng chiến được duy trì và có bước phát triển, cũng với sự nỗ lực phấn đấu xây dựng chi bộ tự động công tác, phân chi bộ Phú Hải tiến hành lựa chọn một số cơ sở trung kiên để phát triển đảng viên mới (trong số đảng viên mới ở nội xã có các ông Lê Xuân Bình, Ngô Lại, Huỳnh Hy, Võ Bảy, Năm Mến, Sáu Chi...). Lễ kết nạp thường tổ chức ở Đất Im, có bàn thờ Tổ quốc, cờ đỏ búa liềm, giản dị, trang nghiêm do ông Nguyễn Thị, Trưởng phân chi bộ chủ trì. Phân chi bộ Phú Hải lúc cao nhất có 20 đảng viên, Phó phân chi bộ nằm trong nội xã (ông Lê Trí Thức) với gần 10 đảng viên sống trong vùng địch nhưng hàng tháng vẫn tìm cách ra rừng họp và đóng đảng phí đều đặn.

Vào giữa năm Nông hội Hàm Thuận chủ trương tiếp tục sử dụng ruộng đất vắng chủ cấp cho nông dân nghèo, đồng thời vận động địa chủ kháng chiến hiến điền.

Ở Phú Hải, riêng ông Hồ Văn Sơn hiến hơn 6 mẫu ruộng ở Long Thạnh.

Địch ra sức đánh phá sản xuất vùng kháng chiến nổi lên là bắn giết trâu cây và cướp đốt lúa khi ta thu hoạch (ở Hàm Thuận có khoảng 2.700 con trâu bị chúng bắn chết HT1, 152). Ta chủ trương gặt và chuyển hết lúa trong đêm, có bộ đội và du kích bảo vệ. Cán bộ và dân làng kháng chiến Phú Hải được huy động hàng trăm người, nhiều đêm liền vác đòn gánh vượt qua sông gánh lúa giúp dân trên cánh đồng Lại An. Hết gánh lúa lại gánh muối trên đồng mặn Tân Phú.

Ngày 20-10-1952 (2-9 Â.L) thiên tai giáng xuống Hàm Thuận, Phan Thiết một trận lụt lịch sử, dân gọi là lụt Nhâm Thìn. Nước lũ đầu nguồn dồn về hạ lưu không thoát kịp ra biển bị ứ lại, cả vùng đồng bằng Hàm Thuận chìm dưới làn nước bạc mênh mông, chỉ còn thấy các ngọn cây. Tại Phú Hải, ở xóm Cồn và bãi trũng ven sông, nhiều nhà và người bị cuốn trôi ra biển.

Đọc theo sông Hội Nhon, Phú Long, bộ đội cùng với nhân dân tích cực tham gia cứu vớt người và tài sản bị nạn. Anh Phạm Ty quê làng Ngọc Lâm được ghi nhận là một chiến sĩ có thành tích cứu vớt hơn 20 người.

Cuối năm, trên yêu cầu Phú Hải cung cấp gần trăm huy hiệu nền đỏ sao vàng. Cơ sở ghe bầu bán nước mắm vào Sài Gòn bí mật đặt thêu, rồi bỏ huy hiệu vào tìn nước mắm rỗng chuyển về. Sau đó huy hiệu được đem đóng vào giữa các học cốm chuyển ra rừng. Có lần lính gác kiểm tra xin ăn, cơ sở của ta cho chúng vài ba học

không có đánh dấu. (Có hai cơ sở được giao làm nhiệm vụ này : cơ sở ghe bầu do ông Hương Được chuyển cho Trạm thuế quan. Cơ sở phụ nữ chuyển giao cho xã, người tổ chức đóng cốm là ông Bộ Mậu). Cũng trong năm này, trên có chủ trương phá rã tế và yêu cầu phải thực hiện nghiêm chỉnh. Ban cán sự Phú Hải phân vân đắn đo. Cuối cùng nhất trí chấp hành và đề xuất phương án "giã bắt tế ra rừng giáo dục cải tạo rồi cho trở về nhà". Số này gồm "tế ngủ nhà" và tế do địch ép buộc. Được thông báo trước, họ mang theo quần áo ra rừng lên Ty Công an ở Triền một thời gian rồi tổ chức cho trở về lại. Tế ở thôn giữ lại 1 - 2 ngày, tế ở xã một vài tuần. Khi trở về nhà, theo chỉ đạo của ta, họ đến xã trình diện rồi đưa cho Bang tá xem quyết định cảnh cáo của cách mạng nếu tái phạm sẽ bị trừng trị nghiêm khắc và lấy cơ đó xin nghỉ việc. Bang tá buộc phải chấp nhận.

Về mặt tổ chức, cuối năm 1952, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Hàm Thuận lần thứ 3, các xã Hàm Nhơn, Hàm Thắng, Hàm Đức, Hàm Dũng tách ra khỏi huyện Hàm Thuận thành lập Khu Miền Đông do Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo (HT1, 189). Từ đây cho đến lúc kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, Phú Hải vẫn nằm trong xã Hàm Nhơn nhưng xã lại được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy nhanh hơn, gần hơn, kịp thời hơn.

*

* *

Năm 1953, so sánh lực lượng trên toàn quốc thay đổi ưu thế chiến lược nghiêng dần về ta. Hồng đảo ngược

tình thế, chính phủ Pháp cử tướng Nava làm Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn quyết liệt.

Ở Hàm Thuận bộ đội ta đánh thắng nhiều trận lớn (diệt đồn Sông Quao 19-1, đánh Khách sạn Liên Thành 6-4, diệt tiểu khu Mũi Né 13-4...). Địch phản ứng mạnh bằng những cuộc càn quét lớn dài ngày (nhảy dù Dân Thạnh 12-2, càn quét Tam Giác 8 tiểu đoàn 15-8), đồng thời tung bọn biệt kích đánh phá các làng kháng chiến. Trong vùng chúng kiểm soát, địch tăng cường phòng thủ, xây dựng lô cốt boong ke thấp thay thế cho hệ thống tháp canh cao và ra sức bắt lính đôn quân.

Ở Phú Hải, chúng xây 2 lô cốt boong ke ở hai bên đầu Cầu Quan thay thế cho 2 tháp canh cao trước đây, tổ chức canh gác bảo vệ cầu, bảo vệ sườn Đông Bắc Sở chỉ huy của chúng ở Phan Thiết.

Chúng tổ chức nhiều cuộc vây ráp lớn bắt thanh niên đi lính. Một lần chúng bất ngờ vây ráp bến cá đang có nhiều thanh niên lao động biển. Một cuộc đụng độ lớn giữa bọn bắt lính với các mẹ, các chị và các em thiếu niên. Nhiều vòng, nhiều lớp vây quanh chúng tạo điều kiện cho thanh niên chạy thoát. Chúng dọa nổ súng, tiếng la hét, giằng co và đòn gánh tới tấp giáng vào đầu chúng. Bến cá không còn thanh niên, thuyền định cập bến thấy dấu hiệu "mền đờ" dừng lại ngoài biển, chỉ còn thấy gương mặt thách thức của các bà mẹ, các chị, chúng đành rút lui.

Sau đó thanh niên tổ chức từng nhóm vài ba người cùng báo tin ẩn tránh, có nhà quan hệ với nhân viên cơ quan bắt lính nắm tình hình tìm cách cho con em mình lẫn tránh.

Nửa đầu năm 1953, quân ta thắng lớn nhiều trận, nhất là trận tiêu diệt tiểu khu Mũi Né với 2 đồn, 11 tháp canh, thu được đại bác 94 mm. Nhân dân phấn khởi, càng tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến, phong trào ủy lạo bộ đội lên mạnh. Ở Phú Hải, các mẹ, các chị và gia đình có con em đi bộ đội tìm cách qua trạm gác lên Láng Găng, gồng gánh quà bánh về Triền ủy lạo bộ đội, động viên thân nhân mình dũng cảm chiến đấu "bằng anh, bằng em". Khi trở về Phú Hải, họ là người tuyên truyền tích cực phát huy chiến thắng, đôi lúc họ nói "quá lên" cho địch thêm hoang mang như : Bộ đội dùng vải dù bay qua hàng rào lưới long dày 3 - 4 mét (thực tế tấm vải dù chỉ dùng ngụy trang, còn dùng thang vượt qua hàng rào lưới long vào đồn Thạch Long). Dưới hình thức nói "bóng gió" khêu gợi hướng bỏ ngũ, chống đồn quân, tránh đối đầu với bộ đội, nói lỏng kiểm soát. Vài tên tề ngụy chống đối ta cũng phải co thụt, nhất là tin Phan Lý Ngự bang tá Mũi Né bị ta bắt và xử lý.

Việc qua lại trạm gác có phần nói lỏng, kiểm soát chiều lẹ. Địch chấp nhận cho dân đi lại làm ăn phát rẫy, đi rừng, bỏ lệnh cấm ghe đi đánh cá xa bờ (từ năm 1951).

Tiểu khu Mũi Né bị tiêu diệt, lần đầu tiên bị ta thu đại bác, địch phản ứng mạnh. Ngày 23-4 địch tập trung quân bộ binh, xe tăng, xe lội nước dùng tàu há

mồm đổ bộ lên Đá Ông Địa, bắt dân phu bốc dỡ đạn được lên bờ. Từ bờ biển Phú Hải, có sự yểm trợ của máy bay, địch càn quét lớn Khu Lê Hồng Phong với hy vọng mong manh tìm thu lại 2 khẩu đại bác. Khắp nơi từ Rẫy Thơm, Giếng Chanh, Triền, cho đến Trại Máu, tiếng súng nổ, tiếng gầm rú của xe tăng suốt ngày. Làng kháng chiến Phú Hải đã kịp thời ẩn tránh, chỉ có vài chòi rẫy nằm trên vệt đường xe tăng đi qua bị đốt cháy. (Sau trận này địch đóng đồn ở Xa Ra, Động Bà Hòe (HT1, 156)).

Địch chủ trương đánh phá mạnh và bao vây khu Lê Hồng Phong. Chúng tổ chức phục kích ven rừng, ven động quanh giếng nước thuộc vùng kháng chiến xã Hàm Nhơn. Tiếng súng chiến đấu của du kích tuần tra sáng sớm đung độ với chúng cùng với tiếng kêng báo động liên hồi từ làng kháng chiến này qua làng kháng chiến khác từ rừng Dương Xuân, Phước Môn đến làng Găng, Động Cát Đổ làm chúng chồn bước. Chúng chuyển sang đột kích bí mật vào ban đêm.

Đại đội biệt kích Béc Na và trung đội cơ động chuồng ngựa mang theo máy bộ đàm bí mật đột nhập vào ban đêm. Mờ sáng chúng có mặt sau lưng thôn 4, làng kháng chiến Phú Hải. Ngôi nhà rìa làng (anh Hùng Lít) dậy sớm nhen lửa. Địch hướng súng vào nơi có ánh lửa. Một du kích phát hiện ném lựu đạn vào hướng chúng và báo động. Súng địch bắn xối xả vào làng. Địch bị thương 2 tên : 1 bị thủng bụng, 1 bị vỡ mắt rên la. Tiếng kêng báo động liên hồi. Địch vội vàng dùng bộ đàm hợp quân bắt dân khiêng linh bị thương rút về Phan Thiết.

Ngược lại, đại đội 225 bộ đội địa phương Hàm Thuận phối hợp cùng du kích xã áp sát vào đồn Lâu Ông Hoàng và các lô cốt địch dùng loa bình vận, súng phóng lựu đạn bắn phá, quấy rối. Một số đường mòn quanh đồn địch gài mìn chống bộ đội ta xâm nhập và đã có 2 người dân đi gánh nước, gánh lá vướng phải mìn chúng gài, bộ đội và du kích tháo gỡ hoặc xoay mìn về hướng chúng thường qua lại.

Mùa gặt lại đến. Vụ lúa này "ở Bắc Hàm Thuận thu hoạch 3.500 tấn lúa, tăng 60% so với năm 1952". Nhân dân làng kháng chiến Phú Hải lại được huy động vác đôn gánh qua sông làm nhiệm vụ chuyển lúa gặt đem góp phần làm thất bại âm mưu đốt phá lúa của địch và làm tăng thêm quỹ lúa kháng chiến.

Năm 1953, phong trào ở Phú Hải được giữ vững và có bước phát triển, bám chặt vào nội xã, duy trì hoạt động hợp pháp nhân dân phấn khởi, tề ngụy co thủ.

*

* *

Đầu năm 1954, ta thắng lớn trên các chiến trường chính, địch sa lầy ở Điện Biên Phủ, phong trào du kích chiến tranh vùng sau lưng địch phát triển mạnh, kìm chân địch, chúng lâm vào thế bị động, so sánh lực lượng nghiêng về ta.

Ở Bình Thuận, bộ đội ta lớn mạnh về số lượng và chất lượng, liên tiếp thắng nhiều trận lớn, mở rộng vùng

kháng chiến. Ngày 7-4 đánh chiếm 3 đồn Gia Bát, La Dày, Tánh Linh, ngày 6-5 tiêu diệt đồn Lương Sơn rồi Duồng, sau đó là các đồn Long Hương, Sông Lũy (10-5) Bàu Gia, Sông Lòng Sông (18-5). Địch rút về cơ thủ, bảo vệ sở chỉ huy và các đồn còn lại, cố đồn quân đưa ra chiến trường và tung bọn biệt kích đánh phá một số làng kháng chiến của ta.

Trước khí thế mới, quân dân càng phấn khởi, thấy rõ dần ngày chiến thắng.

Ở Phú Hải, tề ngụy và binh lính cũng nhận thấy ưu thế của ta, chuẩn bị lối thoát, hòa dịu với dân. Hoạt động của cơ sở, chỉ đạo của Ban cán sự dễ dàng hơn, đi ra rừng ít bị ngăn trở.

Một số thanh niên bị địch bắt đi lính huấn luyện ở quân trường. Suối Dầu, rủ nhau bỏ đơn vị mang súng ra vùng kháng chiến rồi trở về Phú Hải sinh sống (các anh Điền, Đồng Văn Nhâm).

Lúc này địch đưa về Phú Hải một bang tá mới tên là Thái. Y nguyên là cán bộ kháng chiến (ở khu Lê Hồng Phong) dinh tề về làm việc cho địch. Nhân dân e ngại. Theo chỉ thị của tỉnh, đại đội 225 có nhiệm vụ bắt sống tên Thái. Một tổ đặc nhiệm được thành lập do anh Lương Văn Diệm (Hà) chỉ huy với 3 chiến sĩ Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Quang, Đào Hữu Hùng (quê Tân Phú) trang bị tiểu liên Sten băng gáp. Giữa đêm tổ đột nhập giấu quân trong nhà một cơ sở gần nhà thờ và sáng hôm sau đã ở vị trí phục kích (kiềng nhà Tây Sở Đoan cũ).

Khoảng 9 giờ, trên chiếc xe ngựa của ông Sáu Lại có anh Hùng giả làm phụ xe đang cầm cương, ngồi phía

sau là tên Thái cùng với Bộ Giả và lính bảo vệ Tư Mùi. Đến vị trí anh Hùng phát tín hiệu, cả tổ xông lên, tước súng Tư Mùi, trói tên Thái thu tài liệu, thả Bộ Giả rồi áp tải tên Thái chạy dưới làn đạn bắn đuổi theo của bọn Còm Măng Đô vừa từ Cầu Ké kéo sang. Vượt cánh đồng, lội qua sông vào rừng, cả tổ về đủ mặt tại chợ Cây Xay, giao tên Thái và cặp tài liệu cho anh Trần Bích Cam đại đội phó.

(Ta giáo dục tên Thái và thả về trước khi đi tập kết). Nhân dân Phú Hải vui mừng, xóa được nỗi lo, đánh tiếng răn đe bọn còn lại.

Để bàn việc phối hợp hoạt động với bộ đội, Ban cán sự Phú Hải triệu tập một cuộc họp ở rừng Láng Găng, có chị Xoan cán bộ phụ nữ tỉnh tham dự, mời cơ sở trong nội xã ra họp (có các ông Chụp, Hai Miệt, Sáu Chỉ, Bảy Mến...) sáng 30-4 đang chuẩn bị họp thì bọn biệt kích lên vào xả súng bắn rồi rút nhanh. Chị Xoan trúng đạn hy sinh, anh Nguyễn Thi, Trưởng Ban cán sự bị thương nặng. Hai ngày sau (2-5-1954) anh Thi vĩnh viễn ra đi tại Bệnh viện Đá Bàn. Anh Nguyễn Thi nằm xuống là một tổn thất của nhân dân Phú Hải, mất đi một cán bộ lãnh đạo có đức độ, gắn bó với dân đấu tranh với địch nhiều năm tháng. Ông Trần Đình thay thế tiếp tục nhiệm vụ.

Ngày 7-5-1954, quân ta tiêu diệt Điện Biên Phủ, giáng một đòn nặng nề, rúng động quân địch, so sánh lực lượng nghiêng mạnh về ta. Cả nước phấn khởi, cuộc kháng chiến đang tới bước quyết định. Phối hợp chiến trường, bộ đội Bình Thuận tiêu diệt khu Lương Sơn và đồn Duồng (6-5).

Ở Phú Hải bộ đội địa phương đưa hoạt động áp sát ngoại vi Phan Thiết. Sau khi nghiên cứu tình hình. Đại đội 225 tổ chức tấn công lô cốt đầu cầu Quan phía hữu ngạn. Bằng hỏa lực kết hợp loa bình vận, ta chiếm lô cốt vào giữa đêm (9-5).

Tiếp đó, tháng 7 lại đánh phá cầu Quan. Đại đội 225 làm nhiệm vụ kim chế địch và tổ chức cảnh giới, bộ phận công binh tinh do anh Minh Hoài chỉ huy, đặt mìn dưới trụ cầu. Mìn nổ, trụ cầu bên tả ngạn sập nghiêng, ngăn trở giao thông cơ giới giữa Phan Thiết với Phú Hải.

Những ngày sau, nhân dân Phú Hải chờ đón một cuộc tấn công lớn của bộ đội nhằm đẩy địch ra khỏi Phú Hải, áp sát trung tâm sở chỉ huy địch ở Phan Thiết. Bộ phận chuẩn bị chiến trường do anh Mười Vĩnh chỉ huy cùng với Ban cán sự ban đêm đột nhập vào Phú Hải nghiên cứu tình hình địch thì nhận được lệnh đình hoãn và thông báo Hiệp định đình chiến lập lại hòa bình đã được ký kết tại Giơnevơ ngày 20-7-1954. Ngay trong đêm này, một cuộc meeting được tổ chức tại nhà ông Cửu Vinh chào mừng Hiệp định. Mặc dù còn đồn địch, nhân dân đến dự rất đông.

Tin vui thắng lợi đột ngột, bay nhanh, mừng vui hân hoan tràn ngập lòng người. Đầu làng, cuối xóm, trong nhà ngoài chợ gặp nhau vui vẻ bàn tán về thắng lợi lịch sử này. Binh lính địch ở Phú Hải cũng tỏ ý mừng, khỏi phải ra trận và không ngăn cản nhân dân tự do đi lại.

Phần lớn cán bộ xã Hàm Nhơn và Phú Hải được mời về dự các lớp học tập của huyện và tỉnh quán triệt tình hình nhiệm vụ mới và nhận sự phân công mới.

Ở Phú Hải, Ban cán sự bận bẻ nhiều việc. Giải thích cho nhân dân thông hiểu về thắng lợi và các điểm chính trong Hiệp định Giơnevơ, nhiệm vụ sắp tới và thái độ của ta. Thông báo cho nhân dân biết bộ đội chuẩn bị tập kết ra miền Bắc, dự định tổ chức liên hoan mừng thắng lợi và chia tay ở Triền. Hướng dẫn các gia đình có thân nhân bị địch bắt sắp trao trả tù binh tại Ba Cây (Hàm Nhơn) để phòng địch có âm mưu di chuyển hoặc thủ tiêu. Bận rộn nhất là các gia đình có chồng, con, em đi tập kết, lo chuẩn bị sao cho người thân của mình có đủ vật dùng trước trong và sau khi ra tới miền Bắc. Nào là quà bánh, đường sữa, áo len, dầu cù là, vật kỷ niệm, đồng hồ, nhẫn vàng... Mừng lo trộn lẫn. Mừng cho chồng, con, em mình là bộ đội chiến thắng, ra Bắc được gặp Bác Hồ, một mơ ước của nhân dân miền Nam. Lo địch còn đó, ngày nào lại sum họp. Những ông cha, bà mẹ, các anh chị và nhân dân Phú Hải hòa cùng nhiều dòng người từ các nơi kéo về Triền thăm bộ đội và dự lễ. Nụ cười và nước mắt giữa mẹ, con, nhất là người vợ trẻ tiễn chân chồng.

Nhân được tin ngày 1-8-1954 phái đoàn của ta sẽ vào Phan Thiết dự họp với quân đội Pháp bàn triển khai thực hiện Hiệp định. Ban cán sự bàn với cơ sở nội xã huy động nhân dân tổ chức biểu tình chào mừng phái đoàn, hoan nghênh Hiệp định. Sáng 1-8, ban đầu khoảng 20 người (có ông Nguyễn Thìn, Tư Ngang) từ An Hải kéo lên hướng chợ. Rồi từ trong nhà, đầu hẻm lần lượt người già, trung niên, phụ nữ bước xuống đường xếp vào đội ngũ nối dài, khi lên đến sân banh đông khoảng gần ba trăm người. Sau khi meeting hoan nghênh Hiệp định đoàn

biểu tình trở về vừa đi vừa hô khẩu hiệu "Hoan nghênh Hiệp định đình chiến", "Hoan nghênh hòa bình thống nhất nước nhà". Một số người quá phấn khích đưa ra yêu cầu xóa bỏ bắt xâu, gán nước, đòi tự do đi lại làm ăn, nhất là có người (bà Mẹo) hô to "Đả đảo Bảo Đại" khẩu hiệu không phù hợp này được chấn chỉnh. Vài tên lính có ý định ngăn trở, được ta giải thích, chỉ đứng xem. Về tới An hải, đoàn biểu tình giải tán.

Sau nhiều năm bị địch o ép, bom đạn liên miên, nay tiếng súng đã ngừng, bầu trời yên tĩnh, người dân Phú Hải nhận thức rằng cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân ta kết thúc thắng lợi. Nhưng đồn địch vẫn còn trên mảnh đất quê hương và cả miền Nam, cuộc đấu tranh mới đang ở trước mặt, chắc chắn không kém phần quyết liệt, cần phải đồng tâm hiệp lực, Bắc Nam cùng phối hợp đấu tranh tiến tới thống nhất nước nhà.

*

* *

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi là trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Riêng đối với Phú Hải là một dấu son rực sáng trong truyền thống xã nhà được tạo dựng bằng xương máu, tài sản, công sức, trí thông minh của nhân dân trong xã đấu tranh chống kẻ thù xâm lược trên mảnh đất quê hương.

- Dưới ngọn cờ độc lập của Đảng, nhân dân Phú Hải tập hợp thành một khối vững chắc trong Mặt trận thống nhất, kẻ thù không lũng đoạn và phá vỡ được.

- Sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc đóng góp nhiều nhân tài, vật lực cho kháng chiến chấp nhận phá nhà mình và nơi thờ cúng thực hiện chủ trương chống địch trở lại đông đôn.

- Con em Phú Hải chiến đấu dũng cảm, kiên cường ngoài mặt trận, hy sinh bất khuất khi rơi vào tay giặc, để lại nhiều tấm gương sáng.

- Tùy từng giai đoạn, vận dụng phương thức đấu tranh phù hợp tránh được tổn thất lớn, sử dụng và giám sát được Ban hội tề làm lợi cho kháng chiến tạo điều kiện hoạt động thuận lợi.

- Vận động và phát huy tốt vai trò nòng cốt, trung kiên của tầng lớp lao động, vai trò phụ nữ, nhất là vai trò của tầng lớp hữu sản có uy tín (như già làng).

- Chi bộ Đảng ra đời muộn, đảng viên ít, trung kiên và đã khẳng định được vai trò lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn, khốc liệt cho đến khi kháng chiến thắng lợi.

Những kết quả thu được là vốn quý mãi mãi được trân trọng, giữ gìn và phát huy, không chỉ trong giai đoạn chống Mỹ vô cùng ác liệt tiếp liền sau đó mà còn là điều đáng suy gẫm của con cháu mai sau, vận dụng và phát huy trong sự nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

CÁC CHIẾN SĨ HY SINH TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

STT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh	Ngày hy sinh
1	Nguyễn Minh Niên	1906	31-1-1946
2	Đào Hữu Mai	1905	6-1946
3	Lại Ngọc Năm	1926	1-1947
4	Đào Quang Sạn	1920	4-6-1947
5	Lê Văn Ty	1922	4-6-1947
6	Lê Thạch	1923	4-6-1947
7	Võ Thọ Sáng	1926	4-6-1947
8	Trần Văn Tấn	1927	4-6-1947
9	Hồ Văn Ngự	1928	4-6-1947
10	Nguyễn Văn Đắc	1926	2-6-1947
11	Nguyễn Hữu Thanh	1920	6-3-1948
12	Nguyễn Văn Tấn	1928	8-4-1948
13	Đỗ Văn Chừ	1924	15-4-1948
14	Nguyễn Văn Cải	1927	2-6-1950
15	Lâm Vinh Lân	1927	10-6-1948
16	Lê Diễm	1927	13-6-1948
17	Nguyễn Nhơn	1925	27-7-1948
18	Nguyễn Văn Xây	1925	7-1948
19	Lê Tấn Nhứt	1925	31-8-1948
20	Phạm Văn Phụng	1929	25-12-1948

LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG XÃ PHÚ HẢI

162

STT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh	Ngày hy sinh
			6-5-1949
21	Bùi Mạnh	1923	5-1949
22	Nguyễn Đình Thọ	1920	7-1949
23	Trần Văn Láu	1902	7-4-1950
24	Trần Văn Dây	1926	2-6-1950
25	Trần Sơn Hùng	1929	8-7-1950
26	Nguyễn Văn Dân	1926	27-7-1950
27	Nguyễn Văn Giáp	1924	27-7-1950
28	Nguyễn Nhớ	1920	28-7-1950
29	Phạm Cửa	1927	8-8-1950
30	Hà Văn Dương	1928	5-10-1950
31	Phan Viên (Được)	1910	20-10-1950
32	Tăng Văn Giải	1928	14-11-1950
33	Hà Văn Thu	1927	1950
34	Đỗ Văn Chơn	1934	28-3-1951
35	Phạm Diết	1929	5-1951
36	Nguyễn Ngo	1929	10-6-1951
37	Văn Tấn Ngọng	1928	7-1952
38	Phạm Văn Xanh	1929	8-10-1952
39	Trần Hoàng Ngọc	1918	13-2-1953
40	Lê Hồng Trục	1919	28-12-1953
41	Đặng Văn Công	1930	2-5-1954
42	Nguyễn Lang (Thi)	1922	19-5-1954
43	Đào Văn Dinh	1930	2-6-1946
44	Huỳnh Văn Hợi	1900	10-2-1947
45	Đặng Văn Sửu	1903	

BÀI CHÒI :

**CHIẾN THẮNG ĐỒN
LÂU ÔNG HOÀNG**

Thưa cùng toàn thể đồng bào
Hôm nay gặp mặt biết bao vui vầy
Ít khi gặp được dịp may
Quân dân hội họp bắt tay giao hòa
Những lời thăm hỏi của mẹ cha
Xin mẹ lắng lặng để con phân qua mẹ tường
Chúng con đâu quên gian nan
Hôm trước đột nhập Lâu Ông Hoàng giết Tây
Mẹ cha, anh chị cũng hay
Để con kể rõ trận này mẹ nghe
Bọn Tây nó không kiêng dè
Nó thường khiêu khích nó khoe bên mình
Nó nói rằng bộ đội Việt Minh
Khó lòng đột nhập tới dinh Ông Hoàng
Cho nên chúng nó làm tàng
Thành ra mới mất Lâu Ông Hoàng một khi
Cũng nhờ cấp bộ chỉ huy
Sắp bày kế hoạch chúng con đi lấy đồn

Đánh trận này bọn Pháp mất hồn
Mới vừa tăng sáng vô đồn bằng nay
Bên mình có bốn quan Tây
Với mười chiến sĩ giả rày Việt gian
Giả làm cai thổ đảng hoàng
Làm ông lớn Kim Ngọc đi sang Phú Hải
Đó đây sắp đặt an bài
Giả ông lớn Kim Ngọc đi Phú Hải tuộc-nê
Anh Ngọc giả thổ ba chê
Đi cùng ông lớn tuộc-nê nhưng là
Đến nơi chúng nó chạy ra
Nghĩ tình bằng hữu bắt tay mà bông-rua
Trong lòng còn tính hơn thua
Bồng đầu thổ nó bông-rua với thổ mình
Thổ mình xuất hiện Việt Minh
Tay cầm cây tiểu liên thanh bắn càn
Bắn chết mười tên Việt gian
Với hai thằng Pháp Lầu Ông Hoàng rung rinh
Ở Ngoài binh phục của mình
Xông vào vác súng liên thanh đem về
Có một cây súng ba chê
Mỹ danh tên đặt Vít-ke nhưng là
Súng máy mình lấy được ba
Súng trường mười sáu, năm tiểu liên mà đẹp hung
Lấy luôn đủ thứ đồ dùng

Bao da, dây nịt, đạn thùng thiếu chi
Vác khiêng đồ vật li bì
Anh em con mạnh giỏi không hề gì mẹ ơi !
Chúng con được lệnh rút lui
Về nơi căn cứ an vui nhưng là
Thời gian thấm thoát đưa qua
Đến ngày kỷ niệm đệ nhất mà chu niên
Chúng con vẫn được bình yên
Đi về dự lễ chu niên trung đoàn !

(Theo "Phan Thiết những trận đánh tiêu biểu " trang 310 - 312 thì bài chòi này do đồng chí Duy sáng tác, đồng chí Nguyễn Hữu Phương từng hát trình diễn nhiều đêm lửa trại thời đánh Pháp...)

PHỤ LỤC

Thi hành chỉ thị của Thường vụ Thị ủy Phan Thiết về việc biên soạn lịch sử truyền thống địa phương, tháng 9-1991, Ban chỉ đạo và Tổ biên soạn lịch sử truyền thống xã Phú Hải được thành lập gồm các đồng chí sau :

Ban chỉ đạo :

HUYỀN VĂN TUẤN	<i>Trưởng ban</i>
TRƯƠNG QUANG MỸ	<i>Phó ban</i>
NGUYỄN NGỌC BÀ	<i>Ủy viên</i>
LÊ LONG BÌNH	<i>Ủy viên</i>
NGUYỄN LANG	<i>Ủy viên</i>

Tổ biên soạn :

HUYỀN VĂN TUẤN	<i>Tổ trưởng</i>
TRƯƠNG QUANG MỸ	
LÊ XUÂN HOA	
NGUYỄN THANH TÙNG	
NGUYỄN VĂN NAM	

Người viết :

TRƯƠNG QUANG MỸ

*

MIỀN TÂY HẢI * *

*

(Làng Tân Phú bên hữu ngạn trước đây thuộc xã khác nhưng để cho lịch sử xã Phú Hải mô tả được đầy đủ, nguyên vẹn nên thống nhất biên soạn theo địa giới hiện nay).

LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG XÃ PHÚ HẢI

Chịu trách nhiệm xuất bản :

BAN CHI ỦY XÃ PHÚ HẢI.

Biên tập : **TRƯƠNG QUANG MỸ**

Và tổ Biên soạn xã Phú Hải.

Chữa bản in : **TRUNG BẢY**

Trình bày và bìa : **BẢY TRÀ**

(Ảnh tư liệu của Ban Văn hóa Thông tin xã Phú Hải).

PHẠM VĂN THÀNH

In 700 cuốn, khổ 13 x 19 tại **Xí nghiệp In Bình Thuận**.
Giấy phép xuất bản số : 83/GP-XBNT. Do Sở VHTT Bình Thuận
cấp ngày 19/9/1996 và nộp Lưu chiểu tháng 10/1996.



LỊCH
SỬ
TRUYỀN
THỐNG
XÃ
PHÚ
HẢI

KHÁNG
CHIẾN
CHỐNG
PHÁP

